**PHẦN HAI**

**ĐỊA LÍ VIỆT NAM**

**BÀI 22.**

**VIỆT NAM – ĐẤT NƯỚC, CON NGƯỜI**

**Câu 1.** ***Hãy cho biết một số thành tựu nổi bật của kinh tế- xã hội nước ta trong thời gian qua.***

***Gợi ý làm bài***

Công cuộc đổi mới kinh tế - xã hội nước ta được triển khai từ năm 1986, đến nay đã đạt được những thành tựu to lớn, toàn diện:

- Nước ta đã thoát khỏi tình trạng khủng hoảng kinh tế - xã hội kéo dài. Nền kinh tế phát triển ổn định với gia tăng GDP hơn 7% một năm. Đời sông nhân dân được cải thiện rõ rệt.

- Từ chỗ thiếu ăn, phải nhập khẩu lương thực, nước ta đã trở thành một trong ba nước xuất khẩu gạo lớn nhất thế giới (Thái Lan, Việt Nam, Hoa Kì). Mỗi năm xuất khẩu từ 3 đến 4 triệu tấn gạo.

- Nền công nghiệp phát triển nhanh, từng bước thích nghi với nền kinh tế thị trường. Nhiều khu công nghiệp mới, khu chế xuất, khu công nghiệp kĩ thuật cao,... được xây dựng và đi vào sản xuất.

- Các ngành dịch vụ phát triển nhanh, ngày càng đa dạng, phục vụ đời sống và sản xuất trên cả nước.

- Nền kinh tế nhiều thành phần được xác lập cho phép sử dụng tốt hơn các nguồn lực trong và ngoài nước.

**Câu 2. Nêu mục tiêu tổng quát của chiến lược 20 năm 2001 - 2020 của nước ta.**

***Gợi ý làm bài***

Mục tiêu tổng quát của chiến lược 20 năm 2001 - 2020 là: Đưa nước ta ra khỏi tình trạng kém phát triển; nâng cao rõ rệt đời sống vật chất, văn hóa, tinh thần của nhân dân; tạo nền tảng để đến năm 2020 nước ta cơ bản trở thành một nước công nghiệp theo hướng hiện đại.

**Câu 3. *Cho bảng số liệu sau:***

**Tổng sản phẩm trong nước (GDP) theo giá thực tế phân theo khu vực kinh tế ở nước ta năm 2000 và năm 2010**

*(Đơn vị: tỉ đồng)*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Năm** | **2000** | **2010** |
| Nông – lâm – ngư nghiệp | 108356 | 407647 |
| Công nghiệp – xây dựng | 162220 | 824904 |
| Dịch vụ | 171070 | 925277 |

*(Nguồn:http:// www.gso.gov.vn)*

***a) Vẽ biểu đồ thể hiện sự thay đổi cơ cấu GDP phân theo khu vực kinh tế ở nước ta năm 2000 và năm 2010.***

***b) Nhận xét và giải thích sự thay đổi cơ cấu GDP phân theo các ngành kinh tế ở nước ta trong giai đoạn trên.***

***Gợi ý làm bài***

a) Vẽ biểu đồ

- Xử lí số liệu:

+ Tính cơ cấu:

**Cơ cấu tổng sản phẩm trong nước (GDP) theo giá thực tế phân theo khu vực kinh tế ở nước ta năm 2000 và năm 2010**

(Đơn vị: %)

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Năm** | **2000** | **2010** |
| Nông – lâm – ngư nghiệp | 24,5 | 18,9 |
| Công nghiệp – xây dựng | 36,7 | 38,2 |
| Dịch vụ | 38,8 | 42,9 |

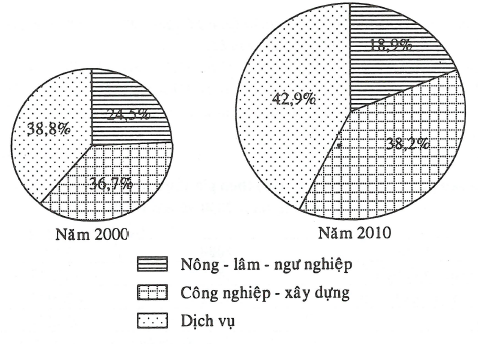
+ Tính bán kính hình tròn (r2000, r2010):

+ 



- Vẽ:

Biểu đồ thể hiện sự thay đổi cơ cấu GDP phân theo khu vực kinh tế ở nước ta năm 2000 và năm 2010

****

b) Nhận xét và giải thích

\* Nhận xét

- Từ năm 2000 đến năm 2010, cơ cấu GDP phân theo khu vực kinh tế ở nước ta có sự chuyển biến rõ nét.

- Tỉ trọng nông, lâm, ngư nghiệp giảm *(dẫn chứng).* Tỉ trọng công nghiệp - xây dựng tăng *(dẫn chứng).* Tỉ trọng khu vực dịch vụ tăng *(dẫn chứng).*

\* Giải thích

- Do công cuộc đổi mới nền kinh tế nước ta đạt nhiều thành tựu.

- Do chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

**Câu 4. *Cho bảng số liệu sau:***

**Tổng sản phẩm trong nưốc (GDP theo giá thực tế) phân theo thành phần kinh tế của nước ta năm 2000 và năm 2010**

(Đơn vị: tỉ đồng)

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Thành phần kinh tế** | **Năm 2000** | **Năm 2010** |
| Kinh tế Nhà nước | 170141 | 668300 |
| Kinh tế ngoài Nhà nước | 212879 | 941800 |
| Kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài | 58626 | 370814 |

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2010, Nhà xuất bản Thống kê, 2011)

***a) Vẽ biểu đồ thích hợp nhất thể hiện cơ cấu tổng sản phẩm trong nước phân theo thành phần kinh tế của nước ta năm 2000 và năm 2010.***

***b) Rút ra nhận xét cần thiết từ biểu đồ đã vẽ.***

***Gợi ý làm bài***

a) Vẽ biểu đồ

- Xử lí số liệu:

+ Tính cơ cấu:

**Cơ cấu tổng sản phẩm trong nước (GDP) theo giá thực tế phân theo khu vực kinh tế ở nước ta năm 2000 và năm 2010**

(Đơn vị: %)

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Thành phần kinh tế** | **Năm 2000** | **Năm 2010** |
| Kinh tế Nhà nước | 170141 | 668300 |
| Kinh tế ngoài Nhà nước | 212879 | 941800 |
| Kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài | 58626 | 370814 |

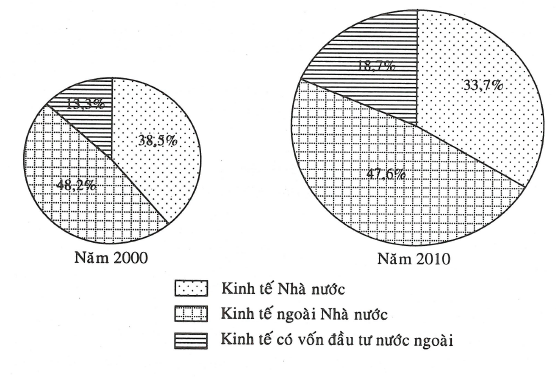
+ Tính bán kính đường tròn (r):

+ 



- Vẽ:

**Biểu đồ thể hiện sự thay đổi cơ cấu GDP phân theo thành phần kinh tế ở nước ta năm 2000 và năm 2010**

****

b) Nhận xét

- Trong cơ cấu tổng sản phẩm trong nước phân theo thành phần kinh tế của nước ta ở cả hai năm 2000 và 2010, chiếm tỉ trọng cao nhất là thành phần kinh tế ngoài Nhà nước, tiếp đến là thành phần kinh tế Nhà nước và thấp nhất là thành phần kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài.

- Từ năm 2000 đến năm 2010, cơ cấu tổng sản phẩm trong nước phân theo thành phần kinh tế có sự thay đổi: tỉ trọng thành phần kinh tế Nhà nước giảm tương đối nhanh, thành phần kinh tế ngoài Nhà nước giảm nhẹ, thành phần kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài tăng nhanh.

**BÀI 23. VỊ TRÍ, GIỚI HẠN, HÌNH DẠNG LÃNH THỔ VIỆT NAM**

**Câu 1. *Nêu những đặc điểm nổi bật của vị trí địa lí Việt Nam về mặt tự nhiên.***

***Gợi ý làm bài***

- Vị trí nội chí tuyến.

- Vị trí gần trung tâm khu vực Đông Nam Á.

- Vị trí cầu nối giữa đất liền và biển, giữa các nước Đông Nam Á đất liền và Đông Nam Á hải đảo.

- Vị trí tiếp xúc của các luồng gió mùa và các luồng sinh vật.

**Câu 2*. Dựa vào Atlat Địa lí Việt Nam và kiến thức đã học, hãy xác định vị trí địa lí và phạm vi lãnh thổ nước ta.***

***Gợi ý làm bài***

*a) Vị trí địa lí*

- Nước ta nằm ở rìa phía đông bán đảo Đông Dương, gần trung tâm của khu vực Đông Nam Á.

- Việt Nam vừa gắn liền với lục địa Á - Âu, vừa tiếp giáp với Biển Đông và thông ra Thái Bình Dương rộng lớn.

- Hệ tọa độ địa lí

\* Phần đất liền:

+ Điểm cực Bắc ở vĩ độ 23°23'B tại Lũng Cú (tỉnh Hà Giang), hoặc ghi chi tiết hơn là tại xã Lũng Cú, huyện Đồng Văn, tỉnh Hà Giang.

+ Điểm cực Nam ở vĩ độ 8°34'B tại Xóm Mũi (tỉnh Cà Mau), hoặc ghi chi tiết hơn là tại xã Đất Mũi, huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau.

+ Điểm cực Tây ở kinh độ 102°09'Đ tại A Pa Chải (tỉnh Điện Biên), hoặc ghi chi tiết hơn là ưên núi Pulasan, tại xã Sín Thầu, huyện Mường Nhé, tỉnh Điện Biên.

+ Điểm cực Đông nằm ở kinh độ 109°24'Đ tại bán đảo Hòn Gốm (tỉnh Khánh Hòa), hoặc ghi chi tiết hơn là tại bán đảo Hòn Gốm, xã Vạn Thạnh, huyện Vạn Ninh, tỉnh Khánh Hòa.

\* Trên vùng biển, hệ tọa độ địa lí của nước ta còn kéo dài tới khoảng vĩ độ 6°50'B và từ khoảng kinh độ 101°Đ đến 117°20 Đ tại Biển Đông.

- Kinh tuyến 105°Đ chạy qua lãnh thổ nước ta nên đại bộ phận lãnh thổ nằm trong khu vực múi giờ thứ 7.

*b) Phạm vi lãnh thổ*

Lãnh thổ Việt Nam là một khối thống nhất và toàn vẹn, bao gồm vùng đất, vùng biển và vùng trời.

*\* Vùng đất:*

- Gồm toàn bộ phần đất liền và các hải đảo, có tổng diện tích là 331212 km2.

- Nước ta có hơn 4600 km đường biên giới trên đất liền, trong đó đường biên giới Việt Nam - Trung Quốc dài hơn 1400 km, đường biên giới Việt Nam - Lào dài gần 2100 km và đường biên giới Việt Nam - Cam-pu-chia dài hơn 1100 km.

- Phần lớn biên giới nước ta nằm ở khu vực miền núi. Việc thông thương với các nước láng giềng được tiến hành qua các cửa khẩu.

- Đường bờ biển dài 3260 km, chạy từ Móng Cái (Quảng Ninh) đến Hà Tiên (Kiên Giang).

- Nước ta có hơn 4000 hòn đảo lớn nhỏ, phần lớn là các đảo ven bờ và có hai quần đảo ở ngoài khơi xa trên Biển Đông là quần đảo Hoàng Sa (thuộc thành phố Đà Nẵng) và quần đảo Trường Sa (thuộc tỉnh Khánh Hòa).

*\* Vùng biển:*

- Vùng biển nước ta tiếp giáp với vùng biển của các nước: Trung Quốc, Cam- pu-chia, Phi-líp-pin, Ma-lai-xi-a, Bru-nây, In-đô-nê-xi-a, Xin-ga-po, Thái Lan.

- Vùng biển của nước ta bao gồm: nội thủy, lãnh hải, vùng tiếp giáp lãnh hải, vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa.

+ Nội thủy là vùng nước tiếp giáp với đất liền, ở phía trong đường cơ sở. Ngày 12-11-1982, Chính phủ nước ta đã ra tuyên bố quy định đường cơ sở ven biển để tính chiều rộng lãnh hải Việt Nam. Vùng nội thủy cũng được xem như bộ phận lãnh thổ trên đất liền.

+ Lãnh hải là vùng biển thuộc chủ quyền quốc gia trên biển. Lãnh hải Việt Nam có chiều rộng 12 hải lí (1 hải lí = 1852 m). Ranh giới của lãnh hải (được xác định bởi các đường song song cách đều đường cơ sở về phía biển và đường phân định trên các vịnh với các nước hữu quan) chính là đường biên giới quốc gia trên biển.

+ Vùng tiếp giáp lãnh hải:

Là vùng biển được quy định nhằm đảm bảo cho việc thực hiện chủ quyền của nước ven biển. Vùng tiếp giáp lãnh hải của nước ta rộng 12 hải lí.

Trong vùng này, Nhà nước ta có quyền thực hiện các biện pháp để bảo vệ an ninh quốc phòng, kiểm soát thuế quan, các quy định về y tế, môi trường, nhập cư,...

+ Vùng đặc quyền kinh tế:

Là vùng tiếp liền với lãnh hải và hợp với lãnh hải thành một vùng biển rộng 200 hải lí tính từ đường cơ sở.

Ở vùng này, Nhà nước ta có chủ quyền hoàn toàn về kinh tế nhưng các nước khác được đặt ống dẫn dầu, dây cáp ngầm và tàu thuyền, máy bay nước ngoài được tự do về hoạt động hàng hải và hàng không theo Công ước của Liên hợp quốc về Luật biển năm 1982.

Thềm lục địa:

• Là phần ngầm dưới đáy biển và lòng đất dưới đáy biển thuộc phần lục địa kéo dài, mở rộng ra ngoài lãnh hải cho đến bờ ngoài của rìa lục địa, có độ sâu khoảng 200 m hoặc hơn nữa.

Nhà nước ta có chủ quyền hoàn toàn về mặt thăm dò, khai thác, bảo vệ và quản lí các tài nguyên thiên nhiên ở thềm lục địa Việt Nam.

- Vùng biển Việt Nam có diện tích khoảng 1 triệu km2 ở Biển Đông.

*\* Vùng trời:* Là khoảng không gian bao trùm lên trên lãnh thổ nước ta. Trên đất liền được xác định bằng các đường biên giới, trên biển là ranh giới bên ngoài của lãnh hải và không gian của các đảo.

**Câu 3. *Nêu ý nghĩa tự nhiên của vị trí địa lí nước ta.***

***Gợi ý làm bài***

Vị trí địa lí đã quy định đặc điểm cơ bản của thiên nhiên nước ta là mang tính chất nhiệt đới ẩm gió mùa.

+ Nước ta nằm hoàn toàn trong vùng nhiệt đổi ở bán cầu Bắc nên có nền nhiệt độ cao, chan hòa ánh nắng, lại nằm trong khu vực thường xuyên chịu ảnh hưởng của gió Mậu dịch (Tín phong) và gió mùa châu Á, khu vực gió mùa điển hình nhất trên thế giới, nên khí hậu có hai mùa rõ rệt.

+ Tác động của các khối khí di chuyển qua biển kết hợp với vai trò của Biển Đông - nguồn dự trữ dồi dào về nhiệt và ẩm, đã làm cho thiên nhiên nước ta chịu ảnh hưởng sâu sắc của biển. Vì thế, thảm thực vật ở nước ta bốn mùa xanh tốt, rất giàu sức sống, khác hẳn với thiên nhiên một số nước có cùng vĩ độ ở Tây Nam Á và Bắc Phi.

- Nước ta nằm ở vị trí tiếp giáp giữa lục địa và đại dương, liền kề với vành đai sinh khoáng Thái Bình Dương và vành đai sinh khoáng Địa Trung Hải, trên đường di lưu và di chuyển của nhiều loài động, thực vật nên có tài nguyên khoáng sản và tài nguyên sinh vật vô cùng phong phú.

- Vị trí và hình thể nước ta đã tạo nên sự phân hóa đa dạng của tự nhiên giữa miền Bắc với miền Nam, giữa miền núi với đồng bằng, ven biển, hải đảo, hình thành các vùng tự nhiên khác nhau.

- Nước ta nằm trong vùng có nhiều thiên tai: bão, lũ lụt, hạn hán thường xảy ra hằng năm.

**Câu 4. *Trình bày ý nghĩa kinh tế, văn hóa - xã hội và quốc phòng của vị trí địa lí Việt Nam***

***Gợi ý làm bài***

- Về kinh tế:

+ Nước ta nằm trên ngã tư đường hàng hải và hàng không quốc tế quan trọng với nhiều cảng biển như: Cái Lân, Hải Phòng, Đà Nẩng, Sài Gòn,... và các sân bay quốc tế: Nội Bài, Đà Nẵng, Tân Sơn Nhất,... cùng với các tuyến đường bộ, đường sắt xuyên Á, đường biển, đường hàng không nối liền nước ta với các quốc gia trong khu vực Đông Nam Á và thế giới, tạo điều kiện cho nước ta giao lưu thuận lợi với các nước. Hơn thế nữa, nước ta còn là cửa ngõ mở lối ra biển thuận tiện cho nước Lào, các khu vực Đông Bắc Thái Lan và Cam-pu-chia, Tây Nam Trung Quốc.

+ Vị trí địa lí thuận lợi của nước ta có ý nghĩa rất quan trọng trong việc phát triển các ngành kinh tế, các vùng lãnh thổ, tạo điều kiện thực hiện chính sách mở cửa, hội nhập với các nước trên thế giới, thu hút vốn đầu tư của nước ngoài.

- Về văn hóa - xã hội: vị trí liền kề cùng với nhiều nét tương đồng về lịch sử, văn hóa và mối giao lưu lâu đời đã tạo điều kiện thuận lợi cho nước ta chung sống hòa bình, hợp tác hữu nghị và cùng phát triển với các nước láng giềng và các nước trong khu vực Đông Nam Á.

- Về an ninh, quốc phòng:

+ Nước ta có vị trí đặc biệt ở vùng Đông Nam Á, một khu vực kinh tế rất năng động và nhạy cảm với những biến động chính trị trên thế giới.

+ Biển Đông đối với nước ta là một chiến lược quan trọng trong công cuộc xây dựng, phát triển kinh tế và bảo vệ đất nước.

**Câu 5. *Hình dạng lãnh thổ có ảnh hưởng gì tới các điều kiện tự nhiên và hoạt động giao thông vận tải ở nước ta?***

***Gợi ý làm bài***

- Hình dạng kéo dài và hẹp ngang của phần đất liền, với bờ biển uốn khúc (hình chữ S) theo nhiều hướng và dài trên 3260 km đã góp phần làm cho thiên nhiên nước ta trở nên đa dạng, phong phú và sinh động, cảnh quan thiên nhiên nước ta có sự khác biệt rõ rệt giữa các vùng, các miền tự nhiên. Ảnh hưởng của biển vào sâu trong đất liền, tăng cường tính chất nóng ẩm của thiên nhiên nước ta.

- Đối với giao thông vận tải, hình dạng lãnh thổ cho phép nước ta phát triển nhiều loại hình vận tải: đường bộ, đường biển, đường hàng không,... Mặt khác, giao thông vận tải nước ta cũng gặp không ít trở ngại, khó khăn, nguy hiểm do hình dạng địa hình lãnh thổ kéo dài, hẹp ngang, nằm sát biển. Các tuyến đường dễ bị chia cắt bởi thiên tai, địch họa. Đặc biệt là tuyến giao thông Bắc - Nam thường bị bão, lụt, nước biển phá hỏng gây ách tắc giao thông.

**Câu 6.** ***Em hãy cho biết: vị trí địa lí và hình dạng lãnh thố Việt Nam có những thuận lợi và khó khăn gì cho công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc nước ta hiện nay?***

***Gợi ý làm bài***

- Tạo thuận lợi cho Việt Nam phát triển kinh tế toàn diện.

- Hội nhập và giao lưu dễ dàng với các nước Đông Nam Á và thế giới trong xu hướng quốc tế hóa và toàn cầu hóa nền kinh tế thế giới.

- Phải luôn chú ý bảo vệ đất nước, chống thiên tai (bão, lũ lụt, hạn hán, cháy rừng, sóng biển,...) và chống giặc ngoại xâm (xâm chiếm đất đai, hải đáo, xâm phạm vùng biển, vùng trời Tổ quốc,...).

**Câu 7.** ***Tại sao nước ta không có khí hậu nhiệt đới khô hạn như một số nước có cùng vĩ độ ở Tây Nam Á và Bắc Phi?***

***Gợi ý làm bài***

Nước ta không có khí hậu nhiệt đới khô hạn như một số nước có cùng vĩ độ ở Tây Nam Á và Bắc Phi, vì:

- Nước ta nằm ở khu vực thường xuyên chịu ảnh hưởng của gió Mậu dịch (Tín phong) và gió mùa châu Á, khu vực gió mùa điển hình nhất trên thế giới, nên khí hậu có 2 mùa rõ rệt.

- Tác động của các khối khí di chuyển qua biển kết hợp với vai trò của Biển Đông - nguồn dự trữ dồi dào về nhiệt và ẩm, đã làm cho thiên nhiên nước ta chịu ảnh hưởng sâu sắc của biển.

**Câu 8. *Nêu đặc điểm lãnh thổ nước ta.***

***Gợi ý làm bài***

- Phần đất liền nước ta kéo dài theo chiều Bắc - Nam (1650 km, tương đương 15° vĩ tuyến), đường bờ biển hình chữ S dài 3260 km, đường biên giới trên đất liền dài hơn 4600 km.

- Phần Biển Đông thuộc chủ quyền Việt Nam mở rộng về phía đông và đông nam, có nhiều đảo và quần dáo.

- Biển Đông có ý nghĩa chiến lược đối với nước ta cả về mặt an ninh quốc phòng và phát triển kinh tế.

**Câu 9. *Dựa vào Atlat Địa lí Việt Nam và kiến thức đã học, hãy cho biết:***

***a) Nước ta tiếp giáp với các quốc gia nào trên đất liền và trên biển? Kể tên các tỉnh của nước ta tiếp giáp với các quốc gia trên đất liền.***

***b) Các điểm cực Bắc, Nam, Đông, Tây trên phần đất liền nước ta và tọa độ của chúng.***

***Gợi ý làm bài***

a) Tiếp giáp trên đất liền và trên biển của nước ta

- Trên đất liền, phía bắc nước ta tiếp giáp với Trung Quốc, phía tây giáp Lào và Cam-pu-chia.

+ Các tỉnh giáp với Trung Quốc: Điện Biên, Lai Châu, Lào Cai, Hà Giang, Cao Bằng, Lạng Sơn và Quảng Ninh.

+ Các tỉnh giáp với Lào: Điện Biên, Sơn La, Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên - Huế, Quảng Nam và Kon Tum.

+ Các tỉnh giáp với Cam-pu-chia: Kon Tum, Gia Lai, Đăk Lăk, Đăk Nông, Bình Phước, Tây Ninh, Long An, Đồng Tháp, An Giang, Kiên Giang.

- Trên biển, nước ta tiếp giáp với các nước: Trung Quốc, Cam-pu-chia, Phi- líp-pin, Ma-lai-xi-a, Bru-nây, In-đô-nê-xi-a, Xin-ga-po, Thái Lan.

b) Các điểm cực trên phần đất liền nước ta

- Điểm cực Bắc ở vĩ độ 23°23'B tại Lũng Cú (tỉnh Hà Giang), hoặc ghi chi tiết hơn là tại xã Lũng Cú, huyện Đồng Văn, tỉnh Hà Giang.

- Điểm cực Nam ở vĩ độ 8°34'B tại Xóm Mũi (tỉnh Cà Mau), hoặc ghi chi tiết hơn là tại xã Đất Mũi, huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau.

- Điểm cực Tây ở kinh độ 102°09'Đ tại A Pa Chải (tỉnh Điện Biên), hoặc ghi chi tiết hơn là trên núi Pulasan, tại xã Sín Thầu, huyện Mường Nhé, tỉnh Điện Biên.

- Điểm cực Đông nằm ở kinh độ 109°24'Đ tại bán đảo Hòn Gốm (tỉnh Khánh Hồa), hoặc ghi chi tiết hơn là tại bán đảo Hòn Gốm, xã Vạn Thạnh, huyện Vạn Ninh, tỉnh Khánh Hòa.

**Câu 10. *Dựa vào Atlat Địa lí Việt Nam và kiến thức đã học, hãy:***

***a) Kể tên các tỉnh và thành phố trực thuộc Trung ương có đường bờ biển theo thứ tự từ Bắc vào Nam.***

***b) Kể tên một số cửa khẩu quốc tế quan trọng trên đường biên giới của nước ta với các nước Trung Quốc, Lào, Cam-pu-chia.***

***Gợi ý làm bài***

a) Các tỉnh và thành phố trực thuộc Trung ương có đường bờ biển Quảng Ninh, Hải Phòng, Thái Bình, Nam Định, Ninh Bình, Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa - Thiên Huế, Đà Nấng, Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên, Khánh Hòa, Ninh Thuận, Bình Thuận, Bà Rịa - Vũng Tàu, TP. Hồ Chí Minh, Tiền Giang, Bến Tre, Trà Vinh, Sóc Trăng, Bạc Liêu, Cà Mau, Kiên Giang.

b) Một số cửa khẩu quốc tế quan trọng trên đường biên giới của nước ta với các nước Trung Quốc, Lào, Cam-pu-chia

- Trên đường biên giới với Trung Quốc: cửa khẩu Móng Cái (Quảng Ninh), Hữu Nghị (Lạng Sơn), Lào Cai (Lào Cai).

- Trên đường biên giới với Lào: cửa khẩu Tây Trang (Điện Biên Phủ), Na Mèo (Thanh Hóa), Nậm cắn (Nghệ An), cầu Treo (Hà Tĩnh), Cha Lo (Quảng Bình), Lao Bảo (Quảng Trị), Bờ Y (Kon Tum).

- Trên đường biên giới với Cam-pu-chia: cửa khẩu Bờ Y (Kon Tum), Lệ Thanh (Gia Lai), Hoa Lư (Bình Phước), Xa Mát, Mộc Bài (Tây Ninh), Tịnh Biên (An Giang), Xà Xía (Kiên Giang).

**Câu 11.** ***Dựa vào trang 4 Atlat Địa lí Việt Nam, hãy tính khoảng cách (kilômét) từ Thủ đô Hà Nội tới thủ đô cấc nước Phi-líp-pin, Bru-nây, Xin-ga-po, Thái Lan***

***Gợi ý làm bài***

- Tỉ lệ bản đồ 1: 50.000.000 nghĩa là lcm trên bản đồ ứng với 500 km ngoài thực địa.

- Từ đó, ta tính được: Hà Nội - Ma-ni-la (Phi-líp-pin): 1725 km, Hà Nội - Banđa Xêri Bêgaoan: 2000 km, Hà Nội - Xin-ga-po: 2125 km, Hà Nội - Băng Cốc (Thái Lan): 950 km.

**BÀI 24. VÙNG BIỂN VIỆT NAM**

**Câu 1.** ***Nêu đặc điểm chung của vùng biển Việt Nam.***

***Gợi ý làm bài***

a) Diện tích, giới hạn

- Vùng biển Việt Nam là một phần của Biển Đông (có diện tích khoảng 1 triệu km2). Biển Đông là một biển lớn, tương đối kín, nằm trong vùng nhiệt đới gió mùa Đông Nam Á.

- Biển Đông trải rộng từ Xích đạo tới chí tuyến Bắc, thông với Thái Bình Dương và Ấn Độ Dương qua các eo biển hẹp. Diện tích Biển Đông là 3447000 km2. Biển Đông có hai vịnh lớn là vịnh Bắc Bộ và vịnh Thái Lan, độ sâu trung bình của các vịnh dưới 100 m.

b) Đặc điểm khí hậu và hải văn biển

Khí hậu các đảo gần bờ về cơ bản giống như khí hậu vùng đất liền lân cận. Còn khu vực biển xa, khí hậu có những nét khác biệt lớn với khí hậu đất liền.

- Chế độ gió:

+ Trên Biển Đông, gió hướng đông bắc chiếm ưu thế trong bảy tháng, từ tháng 10 đến tháng 4. Các tháng còn lại ưu thế thuộc về gió tây nam, riêng ở vịnh Bắc Bộ chủ yếu là hướng nam.

+ Gió trên biển mạnh hơn trên đất liền rõ rệt. Tốc độ gió trung bình đạt 5-6 m/s và cực đại đạt tới 50 m/s, tạo nên những sóng nước cao tới 10 m hoặc hơn.

+ Dông trên biển thường phát triển về đêm và sáng.

- Chế độ nhiệt:

+ Ở biển, mùa hạ mát hơn và mùa đông ấm hơn đất liền. Biên độ nhiệt trung bình năm nhỏ.

+ Nhiệt độ trung bình của nước biển tầng mặt là trên 23°c.

- Chế độ mưa: Lượng mưa trên biển thường ít hơn trên đất liền, đạt từ 1100- 1300 mm/năm. Ví dụ: lượng mưa trên đảo Bạch Long Vĩ là 1127 mm/năm, trên đảo Hoàng Sa là 1227 mm/năm. Sương mù trên biển thường hay xuất hiện vào cuối mùa đông đầu mùa hạ.

- Dòng biển:

+ Trong Biển Đông có hai hải lưu lớn, một hải lưu hướng đông bắc - tây nam phát triển mạnh trong mùa đông và một hải lưu hướng tây nam - đông bắc hoạt động trong mùa hè. Cả hai hải lưu đó hợp thành một vòng tròn thông nhất. Ngoài ra, trong vịnh Bắc Bộ và vịnh Thái Lan còn có hai vòng hải lưu nhỏ, hướng thay đổi theo hướng của gió mùa.

+ Cùng với các dòng biển, trên vùng biển Việt Nam còn xuất hiện các vùng nước trồi và nước chìm, vận động lên xuống theo chiều thẳng đứng, kéo theo sự di chuyển của các sinh vật biển.

- Chế độ triều: Thủy triều là nét rất đặc sắc của vùng biển Việt Nam. Vùng biển ven bờ nước ta có nhiều chế độ triều khác nhau. Trong đó, chế độ nhật triều của vịnh Bắc Bộ được coi là điển hình của thế giới. Ở đây mỗi ngày chỉ có một lần nước lên và một lần nước xuống rất đều đặn.

- Độ muối trung bình của Biển Đông là 30 - 33%o.

**Câu 2.** ***Nêu khái quát về Biển Đông.***

***Gợi ý làm bài***

- Biển Đông là một biển rộng, có diện tích 3,477 triệu km2 (lớn thứ hai trong các biển của Thái Bình Dương).

- Là biển tương đối kín, phía đông và đông nam được bao bọc bởi các vòng cung đảo.

- Nằm trong vùng nhiệt đới ẩm gió mùa.

**Câu 3.** ***Nêu ảnh hưởng của Biển Đông đến khí hậu, địa hình và các hệ sinh thái vùng ven biển nước ta.***

***Gợi ý làm bài***

*a) Khí hậu*

- Tăng độ ẩm của các khối khí qua biển, mang lại cho nước ta lượng mưa và độ ẩm lớn, làm giảm tính khắc nghiệt của thời tiết lạnh khô trong mùa đông và dịu bớt thời tiết nóng bức trong mùa hạ.

- Nhờ có Biển Đông, khí hậu nước ta mang đặc tính của khí hậu hải dương nên điều hòa hơn.

*b) Địa hình và các hệ sinh thái vùng ven biển*

- Các dạng địa hình ven biển rất đa dạng: vịnh cửa sông, các bờ biển mài mòn, các tam giác châu có bãi triều rộng, các bãi cát phẳng, các đầm phá, các vũng vịnh nước sâu, các đảo ven bờ và những rạn san hô...

- Các hệ sinh thái vùng ven biển rất đa dạng và giàu có.

+ Hệ sinh thái rừng ngập mặn vốn có diện tích tới 450 nghìn ha, cho năng suất sinh học cao, đặc biệt là sinh vật nước lợ.

+ Các hệ sinh thái trên đất phèn và hệ sinh thái rừng trên các đảo cũng rất đa dạng và phong phú.

**Câu 4.** ***Nêu các nguồn tài nguyên thiên nhiên và thiên tai ở vùng biển nước ta.***

***Gợi ý làm bài***

*a) Tài nguyên thiên nhiên vùng biển*

- Tài nguyên khoáng sản:

+ Có trữ lượng lớn và giá trị nhất là dầu khí. Hai bể dầu lớn nhất hiện đang khai thác là Nam Côn Sơn và Cửu Long; các bể dầu khí Thổ Chu - Mã Lai và

sông Hồng cũng có trữ lượng đáng kể; ngoài ra còn nhiều vùng có thể chứa dầu, khí đang được thăm dò.

+ Các bãi cát ven biển có trữ lượng lớn titan là nguồn nguyên liệu quý cho ngành công nghiệp.

+ Vùng ven biển nước ta cồn thuận lợi cho nghề làm muôi, nhất là ven biển Nam Trung Bộ, nơi có nhiệt độ cao, nhiều nắng, lại chỉ có một số sông nhỏ để ra biển.

- Tài nguyên hải sản:

+ Sinh vật Biển Đông giàu thành phần loài và có năng suất sinh học cao, nhất là ở vùng ven bờ. Trong Biển Đông có trên 2000 loài cá, hơn 100 loài tôm, khoảng vài chục loài mực, hàng nghìn loài sinh vật phù du và sinh vật đáy khác.

+ Ven các đảo, nhất là tại hai quần đảo lớn Hoàng Sa và Trường Sa có nguồn tài nguyên quý giá là các rạn san hô cùng đông đảo các loài sinh vật khác.

*b) Thiên tai*

- Bão: Mỗi năm trung bình có 9 - 10 cơn bão xuất hiện ở Biển Đông, trong đó có 3 - 4 cơn bão trực tiếp đổ vào nước ta, gây thiệt hại nặng nề về người và tài sản, nhất là với cư dân sống ở vùng ven biển.

- Sạt lở bờ biển: Hiện tượng sạt lở bờ biển đã và đang đe dọa nhiều đoạn bờ biển nước ta, nhất là dải bờ biển Trung Bộ.

- Ở vùng ven biển miền Trung còn chịu tác hại của hiện tượng cát bay, cát chảy lấn chiếm ruộng vườn, làng mạc và làm hoang mạc hóa đất đai.

**Câu 5.** ***Đối với cảnh quan tự nhiên, vùng biển nước ta có vai trò như thế nào?***

***Gợi ý làm bài***

- Vùng biển Việt Nam (một phần của Biển Đông) có tác động trực tiếp đến việc hình thành các cảnh quan tự nhiên.

- Biển là nguồn cung cấp hơi nước thường xuyên, làm cho tính chất hải dương của thiên nhiên nước ta thể hiện rõ rệt. Với hình dạng lãnh thổ hẹp ngang, gió từ biển dễ đi sâu vào đất liền làm giảm tính chất khô hạn trong mùa đông và gây nên lượng mưa lớn trong mùa hè, đồng thời độ ẩm tương đối trong không khí cũng cao, thường đạt trên 80%. Có thể nói: biển nước ta đã điều hòa khí hậu, tạo nên môi trường tự nhiên trong sạch, dễ chịu.

- Do tác động của biển, các cảnh quan tự nhiên nước ta càng thêm phong phú, đa dạng: Cảnh quan duyên hải chạy liên tục từ bắc chí nam với các cồn cát, bãi cát, đầm phá, rừng ngập mặn,... Ngoài ra, cảnh quan hải đảo cũng là nét đặc sắc của một đất nước có đường bờ biển dài 3260 km.

**Câu 6.** ***Em hãy cho biết: biển đã đem lại những thuận lợi và khó khăn gì đối với kinh tế và đời sống của nhân dân ta?***

***Gợi ý làm bài***

- Thuận lợi: Vùng biển Việt Nam có giá trị to lớn về kinh tế, trên biển có nhiều khoáng sản, đặc biệt là dầu khí, hải sản phong phú, có nhiều bãi biển đẹp thuận lợi cho phát triển du lịch, bờ biển có nhiều vũng, vịnh kín thuận lợi để xây dựng hải cảng, phát triển giao thông vận tải biển, biển nước ta còn là một kho muối khổng lồ,...

- Khó khăn: Thiên tai thường xảy ra (bão, nước biển dâng, sạt lở bờ biển,...), môi trường biển bị ô nhiễm đã ảnh hưởng lớn đến sự phát triển kinh tế và đời sống của nhân dân.

**Câu 7.** ***Nêu ý nghĩa của hệ thông các đảo và quần đảo của Việt Nam trưng chiến lược phát triển kinh tế - xã hội và an ninh quốc phòng.***

***Gợi ý làm bài***

*\* Về kinh tế - xã hội:*

- Phát triển các ngành nghề truyền thông gắn với việc đánh bắt và nuôi trồng hải sản, cũng như các đặc sản.

+ Đánh bắt, nuôi cá, tôm.

+ Các đặc sản: bào ngư, ngọc trai, tổ yến,...

- Phát triển các ngành công nghiệp chế biến hải sản (cá, nước mắm,...) và giao thông vận tải biển.

- Có ý nghĩa về du lịch:

+ Tiềm năng đa dạng (rừng, vườn quốc gia, khu bảo tồn thiên nhiên, các di tích lịch sử - cách mạng,...).

+ Mới bắt đầu khai thác.

- Giải quyết việc làm, nâng cao đời sống nhân dân cho các huyện đảo.

*\* Về an ninh, quốc phòng*

- Là hệ thống tiền tiêu bảo vệ đất liền.

- Là cơ sở để khẳng định chủ quyền của nước ta đối với vùng biển và thềm lục địa quanh đảo và quần đảo.

**Câu 8. *Trình bày các điều kiện tự nhiên thuận lợi cho phát triển tổng hợp kinh tế biển ở nước ta.***

***Gợi ý làm bài***

- Nguồn lợi sinh vật: Phong phú, giàu thành phần loài; nhiều loài có giá trị kinh tế cao, loài quý hiếm,...

- Tài nguyên khoáng sản, dầu mỏ, khí tự nhiên nhiều.

- Có nhiều vùng biển kín, cửa sông thuận lợi xây dựng cảng.

- Có nhiều bãi tắm rộng, phong cảnh đẹp, khí hậu tốt; đảo,... thuận lợi cho phát triển du lịch.

**Câu 9.** ***Tại sao phải khai thác tổng hợp các nguồn tài nguyên vùng biển và hải đảo?***

***Gợi ý làm bài***

- Hoạt động kinh tế biển rất đa dạng, chỉ có khai thác tổng hợp mới đem lại hiệu quả cao và bảo vệ môi trường.

- Môi trường biển là không bị chia cắt được nên một vùng biển bị ô nhiễm sẽ gây thiệt hại cho các vùng xung quanh.

- Môi trường đảo rất nhạy cảm trước tác động của con người. Chẳng hạn, việc chặt phá rừng và lớp phủ thực vật có thể làm mất đi vĩnh viễn nguồn nước ngọt trên đảo và biến đảo thành nơi con người không thể cư trú được.

**Câu 10. *Cho bảng số liệu sau***

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tháng** | **1** | **2** | **3** | **4** | **5** | **6** | **7** | **8** | **9** | **10** | **11** | **12** |
| Nhiệt độ (0C) | 26 | 27 | 28 | 29 | 29 | 28 | 28 | 28 | 28 | 28 | 27 | 26 |
| Lượng mưa (mm) | 65 | 64 | 22 | 14 | 120 | 408 | 224 | 315 | 237 | 334 | 450 | 398 |

**Nhiệt độ và lượng mưa trung bình tháng của Trường Sa**

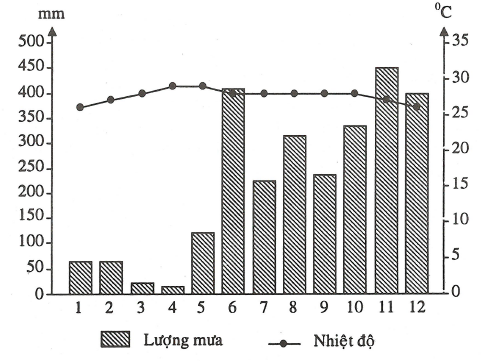
***a) Dựa vào bảng số liệu trên, hãy vẽ biểu đồ thể hiện nhiệt độ và lượng mưa trung bình tháng của Trường Sa.***

***b) Nhận xét về nhiệt độ và lượng mưa của Trường Sa.***

***Gợi ý làm bài***

*a) Vẽ biểu đồ*

**Biểu đồ thể hiện nhiệt độ và lượng mưa trung bình tháng của Trường Sa**

****

b) Nhận xét

- Nhiệt độ:

+ Nhiệt độ trung bình năm của Trường Sa là 27,7°C.

+ Tháng có nhiệt độ trung bình cao nhất là tháng 4, 5 (29°C), tháng có nhiệt độ trung bình thấp nhất là tháng 12, 1 (26°C).

+ Biên độ nhiệt trung bình năm nhỏ (3°C).

- Lượng mưa:

+ Tổng lượng mưa trung bình năm lớn, đạt 2651 mm với một mùa mưa và một mùa khô khá rõ.

+ Mùa mưa từ tháng 6 đến tháng 12 (7 tháng), tháng có lượng mưa cao nhất là tháng 11 (450 mm). Tổng lượng mưa các tháng trong mùa mưa đạt 2366 mm (chiếm 89,2% tổng lượng mưa cả năm).

+ Mùa khô từ tháng 1 đến tháng 5, tháng có lượng mưa thấp nhất là tháng 4 (14 mm).

**BÀI 25. LỊCH SỬ PHÁT TRIỂN CỦA TỰ NHIÊN VIỆT NAM**

**Câu 1.** ***Lịch sử hình thành và phát triển của Trái Đất đã trải qua bao nhiêu giai đoạn? Đó là những gai đoạn nào?***

***Gợi ý làm bài***

Lịch sử hình thành và phát triển của Trái Đất đã trải qua ba giai đoạn: giai đoạn Tiền Cambri, giai đoạn Cổ kiến tạo, giai đoạn Tân kiến tạo.

**Câu 2.** ***Vì sao nói giai đoạn- Tiền Cambri là giai đoạn hình thành nền móng ban đầu của lãnh thổ Việt Nam?***

***Gợi ý làm bài***

Giai đoạn Tiền Cambri là giai đoạn hình thành nền móng ban đầu của lãnh thổ Việt Nam vì các lí do sau:

- Ở giai đoạn Tiền Cambri, lớp vỏ Trái Đất chưa định hình rõ ràng và có rất nhiều biến động, là giai đoạn sơ khai của lịch sử Trái Đất. Đại bộ phận lãnh thổ nước ta còn là các đại dương nguyên thủy, bầu khí quyển nhiều CO2, ít O2 do sinh vật còn quá ít ỏi, thô sơ, chưa có vai trò gì lớn.

- Trên lãnh thổ Việt Nam lúc đó chỉ mới có các mảng nền cổ như: vòm sông chảy, Hoàng Liên Sơn, cánh cung sông Mã, khối nhô Kon Tum,... làm hạt nhân hay tạo thành những điểm tựa cho sự phát triển lãnh thổ sau này.

**Câu 3.** ***Em hãy trình bày lịch sử phát triển của tự nhiên nước ta.***

***Gợi ý làm bài***

Lịch sử phát triển của tự nhiên Việt Nam có thổ chia làm ba giai đoạn lớn.

a) Giai đoạn Tiền Cambri

- Là giai đoạn đầu tiên hình thành lãnh thổ nước ta và kết thúc cách đây khoảng 542 triệu năm. Khi đó đại bộ phận lãnh thổ nước ta còn là biển.

- Phần đất liền ban đầu là những mảng nền cổ: Kon Tum, Việt Bắc, Hoàng Liên Sơn, Sông Mã, Pu Hoạt.

- Các loài sinh vật còn rất ít và đơn giản. Bầu khí quyển có rất ít ôxi.

b) Giai đoạn Cổ kiến tạo

- Diễn ra trong hai đại cổ sinh và Trung sinh, kéo dài 500 triệu năm và cách ngày nay ít nhất là 65 triệu năm.

- Trong giai đoạn này có nhiều vận động tạo núi lớn (Ca-lê-đô-ni, Hec-xi-ni, In-đô-xi-ni, Ki-mê-ri) làm thay đổi hẳn hình thể nước ta so với trước. Phần lớn lãnh thổ nước ta đã trở thành đất liền.

- Sinh vật trong giai đoạn này đã phát triển mạnh mẽ. Đây là thời kì cực thịnh của bò sát khủng long và cây hạt trần.

- Giai đoạn Cổ kiến tạo đã để lại những khối núi đá vôi hùng vĩ cùng với những bể than đá có trữ lượng hàng tỉ tấn, tập trung ỡ miền Bắc nước ta và rải rác ở một số nơi.

- Cuối giai đoạn Cổ kiến tạo, địa hình nước ta bị ngoại lực bào mòn, hạ thấp trở thành những bề mặt san bằng.

c) Giai đoạn Tân kiến tạo

- Đây là giai đoạn tương đối ngắn, diễn ra trong đại Tân sinh và là một giai đoạn rất quan trọng đối với nước ta và thế giới.

- Tại Việt Nam, vận động Tân kiến tạo (vận động Hi-ma-lay-a) diễn ra cách ngày nay khoảng 25 triệu năm và có cường độ mạnh mẽ nhưng không phá vỡ kiến trúc cổ đã hình thành từ trước.

- Trong giai đoạn này, giới sinh vật phát triển phong phú và hoàn thiện. Cây hạt kín và động vật có vú giữ vai trò thống trị.

- Nhiều quá trình tự nhiên xuất hiện trong giai đoạn Tân kiến tạo còn kéo dài cho đến hiện nay. Trong đó nổi bật là:

+ Quá trình nâng cao địa hình làm cho sông ngòi trẻ lại và hoạt động mạnh mẽ. Đồi núi cổ được nâng cao và mở rộng.

+ Quá trình hình thành các cao nguyên badan và các đồng bằng phù sa trẻ.

+ Quá trình mở rộng Biển Đông và quá trình thành tạo các bể dầu khí ở thềm lục địa và ở đồng bằng châu thổ.

+ Quá trình tiến hóa của sinh vật.

- Sự kiện nổi bật trong giai đoạn này là sự xuất hiện của loài người trên Trái Đất. Đây là đỉnh cao của sự tiến hóa sinh học trong lớp vỏ địa lí Trái Đất.

- Ở Việt Nam, con người đã có mặt từ rất sớm, đánh dấu một thời đại mới trong lịch sử tự nhiên nước ta.

Tóm lại, sau hàng trăm triệu năm lãnh thổ nước ta đã được xác lập và phát triển hoàn chỉnh. Lịch sử ấy cũng sản sinh những nguồn khoáng sản phong phú, đa dạng mà chúng ta còn chưa biết.

**Câu 4.** ***Sự hình thành các bể than cho biết khí hậu và thực vật ở nước ta vào giai đoạn Cổ kiến tạo như thế nào?***

***Gợi ý làm bài***

Các mỏ than đá lớn ở nước ta có tuổi Trung sinh (MZ). Chúng cho biết khí hậu lúc đó rất nóng ẩm, rừng cây phát triển mạnh mẽ. Các loài thực vật hóa than cho biết các loài thực vật thống trị lúc đó ỉà các họ dương xỉ và cây hạt trần.

**Câu 5.** Nêu ý nghĩa của giai đoạn Tân kiến tạo đối với sự phát triển lãnh thổ nước ta hiện nay.

***Gợi ý làm bài***

- Nâng cao địa hình, làm cho núi non, sông ngòi trẻ lại.

- Xuất hiện các cao nguyên badan núi lửa.

- Sụt lún tại các vùng đồng bằng phù sa trẻ.

- Mở rộng Biển Đông.

- Góp phần hình thành các khoáng sản: dầu khí, bôxít, than bùn,...

**BÀI 26. ĐẶC ĐIỂM TÀI NGUYÊN KHOÁNG SẢN VIỆT NAM**

**Câu 1*. Em hãy chứng minh rằng nước ta có nguồn tài nguyên khoáng sản phong phú, đa dạng.***

***Gợi ý làm bài***

- Hiện nay đã khảo sát, thăm dò được khoảng 5000 điểm quặng và tụ khoáng của gần 60 loại khoáng sản khác nhau, trong đó có nhiều loại đã và đang được khai thác.

- Phần lớn các khoáng sản của nước ta có trữ lượng vừa và nhỏ. Một số mỏ khoáng sản có trữ lượng lớn là than, dầu khí, apatit, đá vôi, sắt, crôm, đồng, thiếc, bôxit (quặng nhôm).

**Câu 2.** ***Hãy giải thích vì sao nước ta lại giàu có về tài nguyên khoáng sản?***

***Gợi ý làm bài***

Sự giàu có tài nguyên khoáng sản nước ta do các nguyên nhân chính sau đây:

- Việt Nam có lịch sử địa chất, kiến tạo rất lâu dài, phức tạp.

- Việt Nam trải qua rất nhiều chu kì kiến tạo lớn. Mỗi chu kì kiến tạo sản sinh một hệ khoáng sản đặc trưng.

- Việt Nam nằm ở vị trí tiếp giáp của hai vành đai sinh khoáng lớn của thế giới là Địa Trung Hải và Thái Binh Dương.

- Sự phát hiện, thăm dò, tìm kiếm khoáng sản của ngành địa chất nước ta ngày càng có hiệu quả.

**Câu 3.** ***Em hãy nêu một số nguyên nhân làm cạn kiệt nhanh chóng một số tài nguyên khoáng sản nước ta.***

***Gợi ý làm bài***

- Quản lí lỏng lẻo, tự do khai thác bừa bãi (than, vàng, sắt, thiếc, đá quý,...).

- Kĩ thuật khai thác lạc hậu, hàm lượng quặng còn nhiều trong chất thải bỏ.

- Thăm dò đánh giá không chính xác về trữ lượng, hàm lượng, phân bố làm cho khai thác gặp khó khăn và đầu tư lãng phí.

**Câu 4.** ***Nêu sự hình thành các vùng mỏ chính ở nước ta***.

***Gợi ý làm bài***

- Giai đoạn Tiền Cambri: có các mỏ than chì, đồng, sắt, đá quý,... phân bố tại các nền cổ Việt Bắc, Hoàng Liên Sơn, Kon Tum,...

- Giai đoạn cổ kiến tạo: có nhiều vận động tạo núi lớn, đã sản sinh rất nhiều loại khoáng sản và phân bố trên khắp lãnh thổ nước ta. Các khoáng sản chính là apatit, than, sắt, thiếc, mangan, titan, vàng, đất hiếm, bôxít trầm tích, đá vôi, đá quý,...

- Giai đoạn Tân kiến tạo: khoáng sản chủ yếu là dầu mỏ, khí đốt, than nâu, than bùn tập trung ở các bồn trầm tích ngoài thềm lục địa và dưới đồng bằng châu thổ sông Hồng, sông Cửu Long..., các mỏ bôxít (quặng nhôm) ở Tây Nguyên.

**Câu 5.** ***Trình bày vấn đề khai thác và bảo vệ tài nguyên khoáng sản ở nước ta.***

***Gợi ý làm bài***

- Khoáng sản là loại tài nguyên không thể phục hồi. Do đó, cần phải khai thác hợp lí, sử dụng tiết kiệm và có hiệu quả nguồn tài nguyên này.

- Hiện nay, một số khoáng sản của nước ta có nguy cơ bị cạn kiệt và sử dụng lãng phí.

-Việc khai thác, vận chuyển và chế biến khoáng sản ở một số vùng như vùng mỏ Quảng Ninh, Thái Nguyên, Vũng Tàu,... đã làm ô nhiễm môi trường sinh thái, cần phải thực hiện nghiêm chỉnh Luật khoáng sản của Nhà nước ta.

**Câu 6.** ***Dựa vào trang 8 Atlat Địa lí Việt Nam, hãy nêu tên các mỏ khoáng sản (than đá, quặng sắt, bỏxít, thiếc, đồng, apatit, Crôm, đá quý...) và cho biết các mỏ khoáng sản đó phân bố ở các tỉnh nào?***

***Gợi ý làm bài***

Tên các mỏ khoáng sản và sự phân bố của chúng

- Than đá: Vàng Danh, Hòn Gai, cẩm Phả (Quảng Ninh), Quỳnh Nhai (Điện Biên), Lạc Thủy (Ninh Bình), Phấn Mễ (Thái Nguyên), Nông Sơn (Quáng Nam)

- Quặng sắt: Tùng Bá (Hà Giang), Trại Cao (Thái Nguyên), Trân Yên (Yên Bái), Văn Bàn (Lào Cai), Thạch Khô (Hà Tĩnh)

- Bôxít: Măng Đen (Kon Tum), Đắk Nông (Đắk Nông), Di Linh (Lâm Đồng)

- Thiếc: Tĩnh Túc (Cao Bằng), Sơn Dương (Tuyên Quang), Quỳ Châu (Nghệ An)

- Đồng: Sinh Quyền (Lào Cai), Yên Châu (Sơn La), Sơn Động (Bắc Giang)

- Apatit: Cam Đường (Lào Cai)

- Crôm: Cổ Định (Thanh Hóa)

- Đá quý: Lục Yên (Yên Bái), Quỳ Châu (Nghệ An).

**Câu 7.** ***Dựa vào Atlat Địa lí Việt Nam và kiến thức đã học, hãy phân tích đặc điểm nguồn tài nguyên khoáng sản ở nước ta. Đặc điểm này có ảnh hưởng như thế nào đến sự phát triển và phân bố công nghiệp.***

***Gợi ý làm bài***

*a) Đặc điểm nguồn tài nguyên khoáng sản*

*\* Khoáng sản nước ta tương đối phong phú về chủng loại, đa dụng về loại hình, nhưng phức tạp khi khai thác và chế biến*

- Nguyên nhân:

+ Nước ta nằm ở nơi gặp gỡ giữa hai vành đai sinh khoáng Địa Trung Hải và Thái Bình Dương.

+ Lịch sử hình thành lãnh thổ lâu dài và phức tạp.

- Biểu hiện:

+ Ngành địa chất đã khảo sát, thăm dò được khoảng 5000 điểm quặng và tụ khoáng của gần 60 loại khoáng sán khác nhau. Các khoáng sản có thể xếp vào những nhóm chính: khoáng sản năng lượng, khoáng sản kim loại, khoáng sản phi kim loại, khoáng sản vật liệu xây dựng.

- Phần lớn các mỏ khoáng sản của nước ta có trữ lượng vừa và nhỏ, lại không thuận lợi về điều kiện khai thác, phức tạp về chế biến nên nước ta mới khai thác được khoảng 300 mỏ của 30 loại khoáng sản khác nhau.

- Sự đa dạng của từng nhóm khoáng sản:

+ Khoáng sản năng lượng:

Than: có nhiều loại, trữ lượng khoảng 7 tỉ tấn, tập trung chủ yếu ở bể than Đông Bắc.

Than antraxit: tập trung chủ yếu ở Quảng Ninh (các mỏ: Vàng Danh, Hòn Gai, cẩm Phả, Đông Triều,...) với trữ lượng hơn 3 tỉ tấn (chiếm hơn 90% trữ lượng than cả hước), cho nhiệt lượng 7000 - 8000 calo/kg.

Than mỡ: Làng cẩm (Thái Nguyên), Nông Sơn (Quảng Nam).

Than nâu: phân bố ở Đồng bằng sông Hồng với độ sâu 300 - 1000 m, trữ lượng hàng chục tỉ tấn; còn có mỏ Na Dương (Lạng Sơn) và các mỏ phía tây Nghệ An.

Than bùn: có ở nhiều nơi, nhưng tập trung nhiều ở Đồng bằng sông Cửu Long, đặc biệt là khu vực U Minh.

Dầu khí:

Tập trung ỡở các bể trầm tích chứa dầu ngoài thềm lục địa, trữ lượng vài tỉ tấn dầu và hàng trăm tỉ m3 khí. Hai bể trầm tích có triển vọng nhất về trữ lượng và khả năng khai thác là bể Cửu Long và bể Nam Côn Sơn.

Các mỏ dầu: Bạch Hổ, Rồng, Rạng Đông, Hồng Ngọc (bể Cửu Long), Đại Hùng (bể Nam Côn Sơn),...

Các mỏ khí: Lan Tây, Lan Đỏ, Tiền Hải,...

+ Khoáng sản kim loại:

Kim loại đen:

Sắt: Tùng Bá (Hà Giang), Trại Cao (Thái Nguyên), Trân Yên (Yên Bái), Văn Bàn (Lao Cai), Thạch Khê (Hà Tình).

Crôm: Cổ Định (Thanh Hóa).

Mangan: Cao Bằng, Nghệ An.

Titan: có nhiều ở cắc tỉnh ven biển miền Trung.

Kim loại màu:

Bôxit: tập trung chủ yếu ở Tây Nguyên: Măng Đen (Kon Tum), Đắk Nông (Đắk Nông), Di Linh (Lâm Đồng).

Thiếc: Tĩnh Túc,(Cao Bằng), Sơn Dương (Tuyên Quang), Quỳ Châu (Nghệ An).

Đồng: Sinh Quyền (Lào Cai), Yên Châu (Sơn La), Sơn Động (Bắc Giang).

Chì, kẽm: Chợ Điền (Bắc Kạn).

Vàng: Bồng Miêu (Quảng Nam).

+ Khoáng sản phi kim loại: Apatit: Cam Đường (Lào Cai).

+ Vật liệu xây dựng: rất phong phú.

Nguồn đá vôi và sét làm xi măng có nhiều ở Bắc Bộ và Bắc Trung Bộ.

Ngoài ra còn có cao lanh để làm đồ gốm, cát làm thủy tinh, đá ốp lát, đá trang trí,...

*\* Quy mô, trữ lượng không đều*

Một số khoáng sản có trữ lượng lớn là than, dầu khí, apatit, đá vôi, sắt, crôm, đồng, thiếc, bô xít (quặng nhôm). Còn lại là các mỏ nhỏ và trung bình.

*\* Tài nguyên khoảng sản phân bố không đều*

- Miền Bắc tập trung nhiều loại khoáng sản như: than, nhiều loại khoáng sản kim loại, khoáng sản phi kim loại, vật liệu xây dựng.

- Miền Nam tương đối ít loại khoáng sản, nổi bật có dầu khí, bô xít và một số loại làm vật liệu xây dựng.

*b) Ảnh hưởng tới phát triển công nghiệp*

- Một số loại khoáng sản có trữ lượng lớn, thuận lợi để xây dựng một số ngành công nghiệp trọng điểm dựa trên thế mạnh lâu dài về tài nguyên.

- Một số loại khoáng sản có trữ lượng nhỏ, khó khai thác làm hạn chế hiệu quả và gây khó khăn cho công tác quản lí, thường đi đôi với quy mô cơ sở công nghiệp nhỏ.

- Nhiều khoáng sán đòi hỏi công nghệ hiện đại, trong điều kiện nước ta chưa tự khai thác được, cần liên doanh, hợp tác với nước ngoài.

- Sự phân bố khoáng sản có ảnh hưởng trực tiếp tới cơ câu công nghiệp của nhiều vùng.

**Câu 8.** ***Cho bảng số liệu sau:***

**Sản lượng khai thác dầu thô, than sạch của nước ta qua các năm**

(Đơn vị: Triệu tấn)

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Năm** | **2005** | **2009** | **2011** |
| Dầu thô | 18,5 | 16,4 | 15,2 |
| Than sạch | 34,1 | 44,1 | 45,8 |

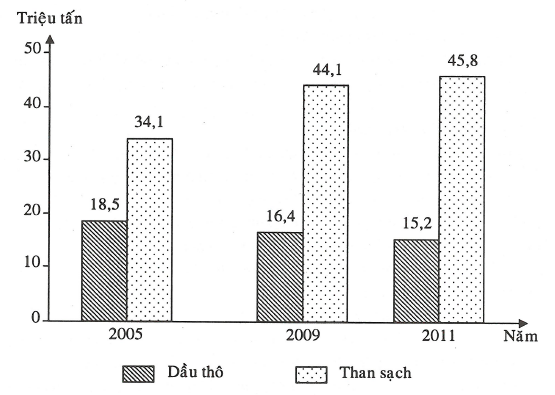
***a) Vẽ biểu đồ hình cột thể hiện sản lượng khai thác dầu thô, than sạch của nước ta qua các năm.***

***b) Nhận xét sản lượng khai thác dầu thô, than sạch của nước ta qua các năm.***

***Gợi ý làm bài***

*a) Vẽ biểu đồ*

**Biểu đồ thể hiện sản lượng khai thác dầu thô, than sạch của nước ta giai đoạn 2005 - 2011**

****

b) Nhận xét

Giai đoạn 2005 - 2011:

- Sản lượng dầu thô có xu hướng ngày càng giảm từ 18,5 triệu tấn (năm 2005) xuống còn 15,2 triệu tấn (năm 2011), giảm 3,3 triệu tấn.

- Sản lượng than sạch liên tục tăng từ 34,1 triệu tấn (năm 2005) lên 45,8 triệu tấn (năm 2011), tăng 11,7 triệu tấn (tăng gấp 1,34 lần).

- Sản lượng than sạch luôn lớn hơn sản lượng dầu thô qua các năm.

**BÀI 28. ĐẶC ĐIỂM ĐỊA HÌNH VIỆT NAM**

**Câu 1.** ***Em hãy nêu đặc điểm chung của địa hình nước ta.***

***Gợi ý làm bài***

- Đồi núi là bộ phận quan trọng nhất của cấu trúc địa hình Việt Nam

+ Đồi núi chiếm 3/4 diện tích lãnh thổ, nhưng chủ yếu là đồi núi thấp. Địa hình thấp dưới 1000 m chiếm 85% diện tích. Núi cao trên 2000 m chỉ chiếm 1% diện tích cả nước.

+ Đồi núi nước ta tạo thành một cánh cung lớn hướng ra Biển Đông, chạy dài 1400 km, từ miền Tây Bắc tới miền Đông Nam Bộ. Nhiều vùng núi lan ra sát biển hoặc bị nhấn chìm thành các quần đảo như vùng biển Hạ Long (Quảng Ninh) trong vịnh Bcắc Bộ.

- Địa hình đồng bằng chỉ chiếm 1/4 lãnh thổ đất liền và bị đồi núi ngăn cách thành nhiều khu vực, điển hình là dải đồng bằng duyên hải miền Trung nước ta.

- Địa hình được Tân kiến tạo nâng lên và tạo thành nhiều bậc kế tiếp nhau

+ Vận động Hi-ma-lay-a trong giai đoạn Tân kiến tạo đã làm cho địa hình nước ta nâng cao và phân thành nhiều bậc kế tiếp nhau: núi đồi, đồng bằng, thềm lục địa,... Địa hình thấp dần từ nội địa ra tới biển, trùng với hướng tây bắc - đông nam.

+ Địa hình nước ta có hai hướng chủ yếu là Tây Bắc - Đông Nam và vòng cung.

- Địa hình nước ta mang tính chất nhiệt đới gió mùa và chịu tác động mạnh mẽ của con người.

+ Trong môi trường nóng ẩm, gió mùa, đất đá bị phong hóa mạnh mẽ. Lượng mưa lớn và tập trung theo mùa đã nhanh chóng xói mòn, cắt xẻ, xâm thực các khối núi lớn. Đặc biệt là hiện tượng nước hòa tan đá vôi tạo nên địa hình cácxtơ nhiệt đới độc đáo với nhiều hang động lớn.

+ Các dạng địa hình nhân tạo xuất hiện ngày càng nhiều (các công trình kiến trúc đô thị, hầm mỏ, giao thông, đê, đập, kênh rạch, hồ chứa nước,...).

**Câu 2.** ***Em hãy cho biết: dạng địa hình cácxtơ; địa hình cao nguyên badan; địa hình đồng bằng phù sa mới; địa hình đê sông, đê biển ở nước ta được hình thành như thế nào?***

***Gợi ý làm bài***

a) Địa hình cácxtơ nhiệt đới

Địa hình này ở nước ta chiếm khoảng 50000 km2, bằng 1/6 lãnh thổ đất liền. Trong nước mưa có thành phần CO2, khi tác dụng với đá vôi gây ra phản ứng hoà tan đá:



Sự hòa tan đá vôi ở vùng nhiệt đới như nước ta xảy ra rất mãnh liệt. Địa hình cácxtơ ở nước ta có đỉnh nhọn, sắc sảo (đá tai mèo) với nhiều hang động có những hình thù kì lạ.

b) Địa hình cao nguyên badan

Các cao nguyên badan ở Việt Nam hình thành vào đại Tân sinh do dung nham núi lửa phun trào theo các đứt gãy. Chúng tập trung ở Tây Nguyên và rải rác một số nơi khác như: Nghệ An, Quảng Trị, Đông Nam Bộ,... Tổng diện tích badan tới hơn 20000 km2.

c) Địa hình đồng bằng phù sa mới

Ở Việt Nam, các đồng bằng này nguyên là những vùng sụt lún vào Đại Tân sinh. Sau đó được bồi đắp dần bằng vật liệu trầm tích do sông ngòi bóc mòn từ miền núi đưa tới. Lớp trầm tích phù sa có thể dày 5000 - 6000 m. Tổng diện tích các đồng bằng khoảng 70000 km2. Trong đó lớn nhất là đồng bằng sông Cửu Long 40000 km2. Các đồng bằng còn đang phát triển, mở rộng ra biển hàng trăm héc ta mỗi năm.

d) Địa hình đê sông, đê biển

Đê sông được xây dựng chủ yếu ở đồng bằng Bắc Bộ, dọc hai bờ sông Hồng, sông Thái Bình,... để chông lụt. Hệ thống đê dài trên 2700 km đã ngăn đồng bằng thành các ô trũng nằm thấp hơn mực nước sông vào mùa lũ từ 7 đến 10 m.

Đê biển được xây dựng dọc ven biển Thái Bình, Nam Định,... để ngăn mặn, chống sự xâm nhập của thủy triều,...

Các hồ chứa nước do con người đắp đập ngăn sông, suôi tạo thành. Ở Việt Nam có hàng trăm hồ lớn nhân tạo với nhiều chức năng khác nhau. Ví dụ: hồ thủy điện Hòa Bình, Trị An, Thác Bà,...; hồ thủy lợi Dầu Tiếng, Kẻ Gỗ,...

**Câu 3.** ***Tại sao nói: “Đồi núi là bộ phận quan trọng nhất của cấu trúc địa hình Việt Nam ”?***

***Gợi ý làm bài***

Đồi núi là bộ phận quan trọng nhất của cấu trúc địa hình Việt Nam, bởi vì:

- Đồi núi chiếm 3/4 diện tích lãnh thổ, nhưng chủ yếu là đồi núi thấp. Địa hình thấp dưới 1000 m chiếm 85% diện tích. Núi cao trên 2000 m chỉ chiếm 1%, cao nhất là Hoàng Liên Sơn với đỉnh Phan-xi-păng cao 3143m.

- Đồi núi nước ta tạo thành một cánh cung lớn hướng ra Biển Đông, chạy dài 1400 km, từ miền Tâv Bắc tới miền Đông Nam Bộ. Nhiều vùng núi lan ra sát biển hoặc bị nhấn chìm thành các quần đảo như vùng biển Hạ Long (Quảng Ninh) trong vịnh Bắc Bộ.

- Địa hình đồng bằng chỉ chiếm 1/4 lãnh thổ đất liền và bị đồi núi ngăn cách thành nhiều khu vực, điển hình là dải đồng bằng duyên hải miền Trung nước ta.

**Câu 4.** ***Địa hình nước ta đa dạng nhiều kiểu loại, trong đó quan trọng nhất là địa hình đồi núi. Vì sao?***

***Gợi ý làm bài***

- Vì đồi núi chiếm tới 3/4 lãnh thổ đất liền và là dạng phổ biến nhất. Ngay ở đồng bằng châu thổ ta cũng bắt gặp các đồi núi sót nhô cao trên mặt đồng bằng (núi Đồ Sơn, Con Voi, Tam Điệp, sầm Sơn, Bà Đen, Bảy Núi,...).

- Đồi núi ảnh hưởng nhiều đến cảnh quan chung: sự xuất hiện các đai cao tự nhiên theo địa hình (đai nhiệt đới chân núi, đai á nhiệt đới núi hung bình, đai ôn đới núi cao,...).

- Đồi núi ảnh hưởng lớn tới phát triển kinh tế - xã hội. Vùng đồi núi có những thế mạnh riêng về kinh tế, khai thác khoáng sản, xây dựng hồ thủy điện, trồng cây công nghiệp dài ngày, chăn nuôi gia súc lớn, phát triển du lịch sinh thái,... nhưng đồi núi cũng có nhiều khó khăn ưu ngại về đầu tư phát triển kinh tế, về giao thông vận tải,... Do vậy miền đồi núi nước ta vẫn còn là vùng kinh tế chậm phát triển, đời sống vất vả hơn so với các vùng khác.

**Câu 5.** ***Chứng minh rằng địa hình nước ta được vận động Tân kiên tạo nâng lên làm trẻ lại và có tính phân bậc rõ rệt.***

***Gợi ý làm bài***

- Địa hình nước ta được vận động Tân kiến tạo nâng lên làm trẻ lại:

+ Sự nâng cao của Tân kiến tạo với biên độ lớn tạo nên cát dãy núi trẻ có độ cao lớn, điển hình là Hoàng Liên Sơn.

+ Sự cắt xẻ sâu của dòng nước tạo ra các thung lũng sâu, hẹp, vách dựng đứng, điển hình là thung lũng sông Đà.

+ Địa hình cao nguyên badan núi lửa trẻ với các đứt gãy sâu tại Nam Trung Bộ, Tây Nguyên.

+ Sự sụt lún sâu tại một số khu vực để hình thành các đồng bằng trẻ của sông Hồng, sông Cửu Long và khu vực vịnh Hạ Long.

- Tính phân bậc của địa hình:

+ Vận động tạo núi Hi-ma-lay-a đã làm cho địa hình nước ta phân thành nhiều bậc kế tiếp nhau: núi đồi, đồng bằng, thềm lục địa,...

+ Trong từng bậc địa hình lớn như: đồi núi, đồng bằng, bờ biển, còn có các bậc địa hình nhỏ như: các bề mặt san bằng, các cao nguyên xếp tầng, các bậc thềm sông, thềm biển,...

**Câu 6.** ***Em hãy cho biết khi rừng bị con người chặt phá thì mưa lũ sẽ gây ra hiện tượng gì? Bảo vệ rừng có những lợi ích gì?***

***Gợi ý làm bài***

- Khi rừng bị con người chặt phá thì mưa lũ sẽ gây ra hiện tượng: xói mòn đất, đất trượt, núi lở, lũ bùn, lũ đá.

- Lợi ích của việc bảo vệ rừng: bảo vệ đất, chống xói mòn, hạn chế lũ lụt, bảo vệ sự đa dạng sinh vật,...

**Câu 7.** ***Chứng minh rằng sự phát triển địa hình lãnh thổ nước ta (xét chủ yếu trên đất liền) chịu tác động của nhiều nhân tố và trải qua các giai đoạn chính.***

***Gợi ý làm bài***

- Sự hình thành nền móng địa hình ban đầu vào Tiền Cambri.

- Sự ổn định và mở rộng lãnh thổ của giai đoạn cổ kiến tạo. Hình thành những đường nét cơ bản của địa hình chung.

- Sự san bằng địa hình (quá trình bán bình nguyên hóa) vào thời kì trước vận động Tân kiến tạo.

- Sự nâng cao địa hình vào Tân kiến tạo do vận động tạo núi Hi-ma-lay-a làm cho núi non, sông ngòi trẻ lại và kéo dài tới ngày nay. Tân kiến tạo diễn ra thành nhiều đợt (chu kì) và có cường độ không đồng đều giữa các khu vực.

- Sự cắt xẻ, xâm thực của ngoại lực nhất là trong điều kiện khí hậu nhiệt đới gió mùa ẩm tạo nên các dạng địa hình hiện tại.

- Sự tác động của con người ngày càng mạnh mẽ tạo nên các dạng địa hình nhân tạo: đê, đập, kênh, rạch, hồ chứa nước.

**Câu 8.** ***Dọc theo Quốc lộ 1A từ Lạng Sơn tới Cà Mau ta phải vượt qua những đèo lớn nào và cho biết chúng thuộc tỉnh, thành phố nào ở nước ta?***

***Gợi ý làm bài***

Dọc theo Quốc lộ 1A từ Lạng Sơn tới Cà Mau vượt qua các đèo lớn: Sài Hồ (Lạng Sơn), Tam Điệp (Ninh Bình), Ngang (Hà Tĩnh - Quảng Bình), Hải Vân (Thừa Thiên - Huế - Đà Nẩng), Cù Mông (Bình Định - Phú Yên), Cả (Phú Yên - Khánh Hòa).

**Câu 9.** Dựa vào Atlat Địa lí Việt Nam và kiến thức đã học, hãy chứng minh miền núi nước ta có địa hình đa dạng.

***Gợi ý làm bài***

Miền núi nước ta có nhiều kiểu địa hình khác nhau về độ cao, độ dốc và hình dáng:

- Núi cao: có độ cao tuyệt đôi trên 2000 m như: đỉnh Phan-xi-păng (trên dãy Hoàng Liên Sơn) cao 3143 m, Tây Côn Lĩnh (2419 m), Kiều Liêu Ti (2402 m), Ngọc Linh (2598 m),...

- Núi trung bình: có độ cao tuyệt đối trung bình từ 1000 đến 2000 m như: Chí Linh (129 m), Phu Pha Phong (1587 m), Pa Luông (1880 m), Tản Viên .(1287 m),...

- Núi thấp: có độ cao tuyệt đối dưới 1000 m (chiếm nhiều) như: Chư Pha (922 m), Bà Rá (736 m), Chứa Chan (839 m),...

- Sơn nguyên: Đồng Văn, Hà Giang,...

- Cao nguyên: đá vôi ở Tây Bắc (Mộc Châu, Sơn La, Tà Phình, Sín Chảy), badan ở Tây Nguyên (Kon Tum, Plây Ku, Đắk Lắk, Mơ Nông, Lâm Viên, Di Linh).

- Đồi: có nhiều ở trung du (vùng chuyển tiếp giữa miền núi và đồng bằng) như vùng đồi ở các tỉnh Bắc Giang, Thái Nguyên, Phú Thọ,...

- Bán bình nguyên (nằm chuyển tiếp giữa miền núi và đồng bằng): thể hiện rõ nhất ở Đông Nam Bộ.

- Địa hình cácxtơ: Thung - động cácxtơ (rìa núi Bắc Sơn), núi cácxtơ (Pu Tha Ca ở Hà Giang), sơn nguyên cácxtơ (Quản Bạ - Đồng Văn), hang động cácxtơ (động Phong Nha ở tỉnh Quảng Bình, động Tam Thanh ở thị xã Lạng Sơn,...).

- Thung lũng và lòng chảo miền núi: Điện Biên, Nghĩa Lộ, An Khê,...

**BÀI 29.**

**ĐẶC ĐIỂM CÁC KHU VỰC ĐỊA HÌNH**

**Câu 1.** ***Trình bày đặc điểm địa hình vùng núi Đông Bắc***

***Gợi ý làm bài***

* Nằm ở phía đông thung lũng sông Hồng, đi từ dãy núi Con Voi đến vùng đồi núi ven biển Quảng Ninh.
* Có 4 cánh cung núi lớn, chụm lại ở Tam Đảo, mở ra về phía bắc và phía, đông. Đó là các cánh cung: Sông Gâm, Ngân Sơn, Bắc Sơn, Đông Triều. Vùng đồi (trung du) phát triển rộng.
* Địa hình núi thấp chiếm phần lớn diện tích.
* Địa hình thấp dần từ tây bắc xuống đông nam. Những đỉnh núi cao trên 2000 m nằm trên vùng Thượng nguồn sông Chảy, giáp biên giới Việt - Trung là các khối núi đá vôi đồ sộ ở Hà Giang, Cao Bằng, còn ở trung tâm là vùng đồi núi thấp có độ cao trung bình 500 - 600 m.
* Theo hướng các dãy núi là hướng vòng cung của các thung lũng sông cầu, sông Thương, sông Lục Nam,...

**Câu 2. *Nêu những đặc điểm chính của địa hình vùng núi Tây Bắc. Những đặc điểm đó ảnh hưởng đến sự phân hóa khí hậu vùng này như thế nào?***

***Gợi ý làm bài***

1. *Đặc điểm chính của địa hình vùng Tây Bắc*

* Nằm giữa sông Hồng và sông Cả.
* Địa hình cao nhất nước ta với 3 dải chạy cùng hướng Tây Bắc - Đông Nam:

+ Phía đông là dãy núi cao đồ sộ Hoàng Liên Sơn giới hạn từ biên giới Việt - Trung tới khuỷu sông Đà, có đỉnh Phan-xi-păng (3143 m).

+ Phía tây là địa hình núi trung bình của các dãy núi chạy dọc biên giới Việt - Lào từ Khoan La San đến sông cả. Ở giữa thấp hơn là các dãy núi, các sơn nguyên và cao nguyên đá vôi từ Phong Thổ đến Mộc Châu.

* Xen giữa các dãy núi là các thung lũng sông cùng hướng: sông Đà, sông Mã, sông Chu.
* Tây Bắc còn có những đồng bằng nhỏ trù phú, nằm giữa vùng núi cao như : Mường Thanh, Than Uyên, Nghĩa Lộ,...

1. *Ánh hưởng của địa hình vùng Tây Bắc đến sự phân hóa khí hậu của vùng*

* Làm cho khí hậu phân hóa theo độ cao.
* Làm cho khí hậu phân hóa theo hướng địa hình.

**Câu 3. *Trình bày đặc điểm địa hình vùng núi Trường Sơn Bắc.***

***Gợi ý làm bài***

* Giới hạn từ phía nam sông Cả tới dãy Bạch Mã, gồm các dãy núi song song và so le nhau theo hướng tây bắc - đông nam.
* Trường Sơn Bắc thấp và hẹp ngang, được nâng cao ở hai đầu: phía bắc là vùng núi Tây Nghệ An và phía nam là vùng núi Tây Thừa Thiên - Huế, ở giữa thấp trũng là vùng đá vôi Quảng Bình và vùng đồi núi thấp Quảng Trị.
* Mạch núi cuối cùng (dãy Bạch Mã) đâm ngang ra biển là ranh giới với vùng núi Trường Sơn Nam.

**Câu 4. *Nêu đặc điểm địa hình vùng núi Trường Sơn Nam nước ta.***

***Gợi ý làm bài***

* Gồm các khối núi và cao nguyên.
* Khối núi Kon Tum và khối núi cực Nam Trung Bộ được nâng cao, đồ sộ. Địa hình núi với những đỉnh cao trên 2000 m nghiêng dần về phía đông, sườn dốc bên dải đồng bằng ven biển.
* Tương phản với địa hình núi phía đông là các bề mặt cao nguyên badan xếp tầng (Plây Ku, Đắk Lắk, Mơ Nông, Di Linh) và các bán bình nguyên xen đồi ở phía tây tạo nên sự bất đốì xứng rõ rệt giữa hai sườn Đông - Tây của vùng Trường Sơn Nam.

**Câu 5. *Nêu đặc điểm địa hình bán bình nguyên và đồi trung du nước ta.***

***Gợi ý làm bài***

* Nằm chuyển tiếp giữa miền núi và đồng bằng.
* Bán bình nguyên thể hiện rõ nhất ở Đông Nam Bộ vơi bậc thềm phù sa cổ ở độ cao khoảng 100 m và bề mặt phủ badan ở độ cao khoảng 200 m.
* Địa hình đồi trung du phần nhiều là các thềm phù sa cổ bị chia cắt do tác động của dòng chảy. Dải đồi trung du rộng nhất nằm ở rìa phía bắc và phía tây đồng bằng sông Hồng, thu hẹp ở rìa đồng bằng ven biển miền Trung.

**Câu 6.** ***Dựa vào Atlat Địa lí Việt Nam và kiến thức đã học, hãy so sánh địa hình vùng núi Đông Bắc và Tây Bắc Bắc Bộ.***

***Gợi ý làm bài***

|  |  |
| --- | --- |
| **Vùng núi Đông Bắc Bắc Bộ** | **Vùng núi Tây Bắc Bắc Bộ** |
| * Độ cao thấp. * Cao nhất vùng là Tây Côn Lĩnh 2419 m. * Gồm nhiều dải núi cánh cung mở rộng về phía đông bắc, quy tụ ở Tam Đảo.   Các dải núi chính:   * Cánh cung Sông Gâm. * Cánh cung Ngân Sơn. * Cánh cung Bắc Sơn. * Địa hình đón gió mùa đông bắc vào sâu, khí hậu lạnh nhất cả nước, vành đai nhiệt đới xuống thấp. * Địa hình cacxtơ phổ biến. * Cảnh đẹp nổi tiếng: Ba Bể, Hạ Long. | * Độ cao lớn. * Cao nhất vùng là Phan-xi-păng 3143 m. * Gồm nhiều dải núi chạy song song, hướng tây bắc - đông nam.   Các dải núi chính:   * Hoàng Liên Sơn. * Các dải núi biên giới Việt Lào (Pu Đen Đinh, Pu Sam Sao, sông Mã). * Địa hình chắn gió đông bắc và gió tây nam gây nên hiệu ứng phơn mạnh, khí hậu khô hạn. Nhiều vành đai tự nhiên theo chiều cao (đặc biệt có đai ôn đới trên núi > 2600 m). * Địa hình cacxtơ phổ biến. * Cảnh đẹp nổi tiếng: Sa Pa, Mai Châu.. |

**Câu 7. *So sánh đồng bằng sông Hồng và đồng bằng sông cảu Long về điều kiện hình thành và đặc điểm địa hình***

***Gợi ý làm bài***

*\* Giống nhau:*

* Đều là các đồng bằng châu thổ rộng lớn.
* Hai đồng bằng này đều được thành tạo và phát triển do phù sa sông bồi tụ dần trên vịnh biển nông, thềm lục địa mở rộng.
* Địa hình tương đối bằng phẳng.

*\* Khác nhau:*

* Đồng bằng sông Hồng:
* Diện tích: khoảng 15000 km2.
* Do phù sa của hệ thông sông Hồng và sông Thái Bình bồi tụ nên.
* Có hình dạng tam giác cân, đỉnh là Việt Trì và đáy là đoạn bờ biển Hải Phòng - Ninh Bình.
* Địa hình cao ở rìa phía tây và tây bắc, thấp dần ra biển.
* Có đê sông ngăn lũ vững chắc (dài trên 2700 km), chia cắt bề mặt đồng bằng thành nhiều ô, thấp hơn mực nước sông ngoài đê từ 3 -7 m.
* Vùng trong đê không được bồi tụ phù sa, gồm các khu ruộng cao bạc màu và các ô trũng ngập nước; vùng ngoài đê được bồi tụ phù sa hàng năm.
* Đồng bằng sông Cửu Long:
* Diện tích: khoảng 40000 km2.
* Do phù sa của hệ thống sông Mê Công bồi tụ nên.
* Có dạng hình thang.
* Địa hình thấp và bằng phẳng hơn, có độ cao trung bình 2 - 3 m so với mực nước biển.
* Bề mặt đồng bằng không có đê nhưng có mạng lưới sông ngòi, kênh rạch chằng chịt; về mùa lũ nước ngập trên diện rộng, về mùa cạn, nước triều lấn mạnh làm cho 2/3 diện tích đồng bằng là đất phèn, đất mặn.
* Đồng bằng có các vùng trũng lớn như: Đồng Tháp Mười, Tứ giác Long Xuyên,... là những nơi chưa được bồi lấp xong.

**Câu 8. *Nêu đặc điểm của dải đồng bằng ven biển miền Trung.***

***Gợi ý làm bài***

* Có diện tích khoảng 15 nghìn km2. Biển đóng vai trò chủ yếu trong sự hình thành dải đồng bằng này nên đất ở đây thường nghèo, nhiều cát, ít phù sa sông.
* Đồng bằng phần nhiều hẹp ngang vâ bị chia cắt thành nhiều đồng bằng nhỏ, rộng nhất là đồng bằng Thanh Hóa (3100 km2).
* Ớ nhiều đồng bằng thường có sự phân chia thành ba dải:
* Giáp biển là cồn cát, đầm phá.
* Giữa là vùng thấp trũng.
* Dải trong cùng đã được bồi tụ thành đồng bằng.

**Câu 9. *Nêu đặc điểm địa hình bờ biển và thềm lục địa.***

***Gợi ý làm bài***

* Bờ biển: dài trên 3260 km từ Móng Cái đến Hà Tiên, chia thành bờ biển bồi tụ (vùng đồng bằng như châu thổ sông Hồng, sông Cửu Long) và bờ biển mài mòn (chân núi và hải đảo như đoạn bờ biển từ Đà Nẵng đến Vũng Tàu); giá trị: nuôi trồng thủy sản, xây dựng hải cảng, du lịch,...
* Thềm lục địa: mở rộng ở vùng biển Bắc Bộ và Nam Bộ, với độ sâu không quá 100 m, có nhiều dầu mỏ.

**Câu 10. *Nêu những thế mạnh và hạn chế của thiên nhiên khu vực đồi núi và khu vực đồng bằng đối với sự phát triển kỉnh tế - xã hội ở nước ta.***

***Gợi ý làm bài***

1. *Khu vực đồi núi*

* Các thế mạnh:
* Khoáng sản: Khu vực đồi núi tập trung nhiều loại khoáng sản có nguồn gốc nội sinh như: đồng, chì, thiếc, sắt, pyrit, niken, crôm, vàng, vonfram,... và các khoáng sản có nguồn gốc ngoại sinh như: bôxit, apatit, đá vôi, than đá, vật liệu xây dựng. Đó là nguyên liệu, nhiên liệu cho nhiều ngành công nghiệp.
* Rừng và đất trồng: Tạo cơ sở phát triển nền lâm - nông nghiệp nhiệt đới.
* Rừng giàu có về thành phần loài động, thực vật; trong đó nhiều loài quý hiếm tiêu biểu cho sinh vật rừng nhiệt đới.
* Miền núi có các cao nguyên và các thung lũng, lạo thuận lợi cho việc hình thành các vùng chuyên canh cây công nghiệp, cây ăn quả, phát triển chăn nuôi đại gia súc. Ngoài các cây trồng, vật nuôi nhiệt đới, ở vùng cao còn có thể nuôi trồng được các loài động, thực vật cận nhiệt và ôn đới. Đất đai vùng bán bình nguyên và đồi trung du thích hợp để trồng các cây công nghiệp, cây ăn quả và cả cây lương thực.
* Nguồn thủy năng: Các con sông ở miền núi nước ta có tiềm năng thủy điện lớn.
* Tiềm năng du lịch: Có nhiều điều kiện để phát triển các loại hình du lịch tham quan, nghỉ dưỡng,... nhất là du lịch sinh thái.
* Các mặt hạn chế:
* Địa hình bị chia cắt mạnh, lắm sông suối, hẻm vực, sườn dốc, gây trở ngại cho giao thông, cho việc khai thác tài nguyên và giao lưu kinh tế giữa các vùng.
* Do mưa nhiều, độ dốc lớn, miền núi còn là nơi dễ xảy ra các thiên tai như: lũ nguồn, lũ quét, xói mòn, trượt lở đất.
* Tại các đứt gãy sâu còn có nguy cơ phát sinh động đất*.*
* Các thiên tai khác như: lốc, mưa đá, sương muối, rét hại,... thường gây tác hại lớn cho sản xuất và đời sống dân cư.

1. *Khu vực đồng bằng*

* Các thế mạnh:
* Là cơ sở để phát triển nền nông nghiệp nhiệt đới, đa dạng các loại nông sản, mà nông sản chính là gạo.
* Cung cấp các nguồn lợi thiên nhiên khác như: thủy sản, khoáng sản và lâm sản.
* Là nơi có điều kiện để tập trung các thành phố, các khu công nghiệp và các trung tâm thương mại.
* Phát triển giao thông vận tải đường bộ, đường sông.
* Hạn chế: Các thiên tai như: bão, lụt, hạn hán,... thường xảy ra, gây thiệt hại lớn về người và tài sản.

**Câu 11. *Trình bày những ảnh hưởng của địa hình đồi núi đối với sự phát triển kinh tế - xã hội và đối với cảnh quan tự nhiên nước ta.***

***Gợi ý làm bài***

*a) Đối với sự phát triển kinh tế- xã hội*

\* *Thuận lợi:*

* Đối với công nghiệp: là nơi tập trung nhiều tiềm năng phát triển công nghiệp.
* Dự trữ thủy năng để phát triển thủy điện.
* Tập trung các mỏ khoáng sản tạo khả năng phát triển công nghiệp khai thác và chế biến khoáng sản.
* Đối với nông, lâm nghiệp:
* Tài nguyên rừng và đất rừng phong phú tạo điều kiện phát triển lâm nghiệp.
* Các cao nguyên thuận lợi để hình thành các vùng chuyên canh cây công nghiệp, cây ăn quả và chăn nuôi gia súc lớn.
* Đốì với du lịch: khí hậu mát mẻ, phong cảnh đẹp thuận lợi để hình thành các điểm du lịch nổi tiếng.

\* *Khó khăn:* Địa hình bị chia cắt mạnh, là nơi xảy ra nhiều thiên tai gây trở ngại cho các hoạt động kinh tế - xã hội (giao thông, khai thác tài nguyên, giao lưu kinh tế giữa các vùng,...).

*b) Ánh hưởng đối với cảnh quan tự nhiên*

* Làm cho cảnh quan tự nhiên phân hóa theo chiều cao, trong đó cảnh quan rừng nhiệt đới gió mùa phát triển trên đồi núi thấp là cảnh quan chiếm ưu thế.
* Làm cho cảnh quan tự nhiên phân hóa theo chiều bắc - nam, theo chiều Đông - Tây,...

**BÀI 31**

**ĐẶC ĐIỂM KHÍ HẬU VIỆT NAM**

**Câu 1.** ***Trình bày những biểu hiện tính chất nhiệt đới của khí hậu nước ta. Nguyên nhân nào làm cho khí hậu nước ta có tính chất nhiệt đới?***

***Gợi ý làm bài***

1. *Những biểu hiện tính chất nhiệt đới của khí hậu nước ta*

* Tổng bức xạ lớn (bình quân 1 m2 lãnh thổ nhận được một triệu kilô calo).
* Cân bằng bức xạ dương quanh năm.
* Nhiệt độ trung bình năm cao (trên 21%).
* Tổng số giờ nắng nhiều (từ 1400 - 3000 giờ trong một năm).

1. *Nguyên nhân làm cho khí hậu nước ta có tính chất nhiệt đới*

* Nước ta nằm trong vùng nội chí tuyến.
* Hằng năm, nhận được lượng bức xạ mặt trời lớn do góc nhập xạ lớn và hai lần Mặt Trời lên thiên đỉnh.

**Câu 2. *Chứng minh khí hậu nước ta có tính chất nhiệt đới ẩm gió mùa. Giải thích tại sao nước ta có khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa?***

***Gợi ý làm bài***

1. *Nước ta có khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa*

* Tính chất nhiệt đới:
* Bình quân 1 m2 lãnh thổ nhận được một triệu kilô calo trong một năm.
* Số giờ nắng đạt từ 1400 - 3000 giờ trong một năm.
* Nhiệt độ trung bình năm của không khí đều vượt 21% trên cả nước.
* Tính chất gió mùa:
* Khí hậu nước ta chia thành hai mùa rõ rệt, phù hợp với hai mùa gió,
* Mùa đông có gió mùa Đông Bắc lạnh khô, mùa hạ có gió mùa Tây Nam và Đông Nam nóng ẩm.
* Tính chất ẩm:
* Lượng mưa trung bình năm lớn đạt từ 1500 - 2000 mm. Ở những sườn núi đón gió biển và các khối núi cao, lượng mưa trung bình năm có thể lên đến 3500 - 4000 mm.
* Độ ẩm không khí cao, trên 80%, cân bằng ẩm luôn luôn dương.

1. *Giải thích*

Nước ta có khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa, vì:

* Nước ta nằm trong vùng nội chí tuyến. Hằng năm, lãnh thổ nước ta nhận được lượng bức xạ mặt trời lớn do góc nhập xạ lớn và ở mọi nơi trong năm đều có hai lần Mặt Trời lên thiên đỉnh.
* Giáp Biển Đông - nguồn dự trữ nhiệt ẩm dồi dào, các khối khí di chuyển qua biển đã mang lại cho nước ta lượng mưa lớn, độ ẩm không khí cao.
* Nằm trong khu vực hoạt động của gió mùa châu Á.

**Câu 3. *Dựa vào Atlat Địa lí Việt Nam và kiến thức đã học, cho biết nước ta có mấy miền khí hậu? Nêu đặc điểm khí hậu từng miền.***

***Gợi ý làm bài***

Nước ta có hai miền khí hậu:

* Miền khí hậu phía Bắc, từ dãy Bạch Mã (vĩ tuyến  ) trở ra, có mùa đông lạnh, tương đối ít mưa và nửa cuối mùa đông rất ẩm ướt; mùa hè nóng và mưa nhiều.
* Miền khí hậu phía Nam, từ dãy Bạch Mã trở vào, có khí hậu cận xích đạo, nhiệt độ quanh năm cao, với một mùa mưa và một mùa khô tương phản sâu sắc.

**Câu 4. *Nêu đặc điểm chung của khí hậu Việt Nam.***

***Gợi ý làm bài***

Khí hậu nước ta là khí hậu nhiệt đới gió mùa, đa dạng và thất thường.

1. *Tính chất nhiệt đới gió mùa ẩm*

* Tính chất nhiệt đới:
* Bình quân 1 m2 lãnh thổ nhận được một triệu kilô calo trong một năm.
* Số giờ nắng đạt từ 1400 - 3000 giờ trong một năm.
* Nhiệt độ trung bình năm của không khí đều vượt 21% trên cả nước và tăng dần từ bắc vào nam.
* Tính chất gió mùa:
* Khí hậu nước ta chia thành hai mùa rõ rệt, phù hợp với hai mùa gió.
* Mùa đông có gió mùa Đông Bắc lạnh khô, mùa hạ có gió mùa Tây Nam và Đông Nam nóng ẩm.
* Tính chất ẩm:
* Lượng mưa trung bình năm lớn đạt từ 1500 - 2000 mm. Ớ những sườn núi đón gió biển và các khối núi cao, lượng mưa trung bình năm có thể lên đến 3500 - 4000 mm.
* Độ ẩm không khí cao, trên 80%, cân bằng ẩm luôn luôn dương.

1. *Tính chất đa dạng và thất thường*

* Khí hậu nhiệt đổi gió mùa ẩm của nước ta không thuần nhất trên toàn quốc, phân hóa mạnh mẽ theo không gian và thời gian, hình thành nên các miền và khu vực khí hậu khác nhau rõ rệt sau đây:
* Miền khí hậu phía Bắc, từ dãy Bạch Mã (vĩ tuyến ) trở ra, có mùa đông lạnh, tương đốì ít mưa và nửa cuối mùa đông rất ẩm ướt; mùa hè nóng và mưa nhiều.
* Miền khí hậu phía Nam, từ dãy Bạch Mã trở vào, có khí hậu cận xích đạo, nhiệt độ quanh năm cao, với một mùa mưa và một mùa khô tương phản sâu sắc.
* Khu vực Đông Trường Sơn bao gồm phần lãnh thổ Trung Bộ phía đông dãy Trường Sơn, từ Hoành Sơn (vĩ tuyến ) tới Mũi Dinh (vĩ tuyến ) có mùa mưa lệch hẳn về thu đông.
* Khí hậu Biển Đông Việt Nam mang tính chất gió mùa nhiệt đới hải dương.
* Sự đa dạng của địa hình, nhất là độ cao và hướng của các dãy núi lớn đã góp phần quan trọng hình thành nhiều vùng khí hậu, nhiều kiểu khí hậu khác nhau.
* Tính chất thất thường thể hiện rõ nhất trong chế độ nhiệt và chế độ mưa: năm rét sớm, năm rét muộn, năm mưa lớn, năm khô hạn, năm ít bão, năm nhiều bão,... do nhịp độ và cường độ gió mùa tạo ra. Gần đây có thêm các nhiễu loạn khí tượng toàn cầu: En Ninô, La Nina.

**Câu 5. *Phân tích ảnh hưởng của khí hậu đến địa hình và sông ngòi nước ta.***

***Gợi ý làm bài***

1. *Ảnh hưởng đến địa hình*

* Khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa làm cho quá trình phong hóa đất đá diễn ra mạnh, tạo nên lớp vỏ phong hóa dày, vụn bở.
* Lượng mưa lớn tập trung theo mùa làm cho đất đai dễ bị xói mòn, quá trình xâm thực địa hình diễn ra mạnh; nước mưa hòa tan với đá vôi tạo nên dạng địa hình cácxtơ độc đáo với các hang động, suối cạn, thung khô.

1. *Ánh hường đến sông ngòi*

* Lượng mưa lớn làm cho quá trình cắt xẻ địa hình diễn ra mạnh nên nước ta có nhiều sông ngòi, sông nhiều nước.
* Chế độ mưa theo mùa làm cho chế độ dòng chảy sông ngòi cũng diễn biến theo mùa, theo sát nhịp điệu mưa. Mùa lũ tương ứng với mùa mưa, mùa cạn tương ứng với mùa khô. Chế độ mưa thất thường làm cho chế độ dòng chảy sông ngòi cũng diễn biến thất thường.
* Mưa lớn tập trung theo mùa làm cho quá trình xâm thực diễn ra mạnh ở vùng đồi núi nên sông ngòi giàu phù sa.

**Câu 6.** ***Dựa vào Atlat Địa lí Việt Nam và kiến thức đã học, đọc và rút ra nhận xét cần thiết về trạm khí hậu Lạng Sơn. Giải thích.***

***Gợi ý làm bài***

1. *Vị trí địa lí và độ cao của trạm*

Trạm Lạng Sơn nằm ở vĩ độ , độ cao trên 200 m (cụ thể là 259 m).

1. *Lạng Sơn nằm ở vùng khí hậu Đông Bắc Bộ, thuộc miền khí hậu phía Bắc* với đặc điểm*:*

* Mùa đông lạnh, tương đối ít mưa (nửa cuối mùa đông ấm và ẩm hơn).
* Mùa hạ nóng, mưa nhiều.

1. *Đặc điểm về chế độ nhiệt*

* Nhiệt độ trung bình năm của Lạng Sơn khoảng , thấp hơn nhiều so với các địa điểm ở miền khí hậu phía Nam. Có 5 tháng nhiệt độ dưới  (tháng 11, 12, 1,2, 3), trong đó có 3 tháng nhiệt độ dưới  (tháng 12, 1, 2).

*Giải thích*

* Do Lạng Sơn chịu ảnh hưởng trực tiếp của gió mùa Đông Bắc.
* Nhiệt độ Lạng Sơn còn chịu ảnh hưởng của độ cao địa hình (trong tầng đốì lưu, cứ lên cao 100 m, nhiệt độ giảm ). Ngoài ra, do Lạng Sơn nằm ở phía bắc, gần với chí tuyến hơn là gần Xích đạo.
* Nhiệt độ trung bình tháng cao nhất rơi vào tháng 7 (khoảng ).

*Giải thích*

Do đây là thời kì Mặt Trời chuyển động biểu kiến ở gần chí tuyến Bắc nên Lạng Sơn nhận được lượng nhiệt lớn.

* Nhiệt độ trung bình tháng thấp nhất rơi vào tháng 1 (khoảng ).

*Giải thích:*

Do đây là thời kì Mặt Trời chuyển động biểu kiến ở bán cầu Nam nên lượng nhiệt nhận được giảm nhiều so với thời gian trước, nhưng nguyên nhân chính là do chịu ảnh hưởng của gió mùa Đông Bắc.

* Biên độ nhiệt trung bình năm khoảng , cao hơn nhiều so với các trạm khí hậu phía Nam.

*Giải thích:*

Do Lạng Sơn chịu ảnh hưởng mạnh của gió mùa Đông Bắc nên nhiệt độ giảm rõ rệt trong thời kì mùa đông. Ngoài ra, Lạng Sơn cũng nằm ở gần chí tuyến Bắc nên độ chênh lệch góc chiếu sáng và thời gian chiếu sáng trong năm lớn hơn so với nhiều địa điểm khác ở phía Nam nước ta.

1. *Đặc điểm chế độ mưa*

* Tổng lượng mưa trung bình năm ở Lạng Sơn đạt khoảng 1400 mm, thấp hơn mức trung bình cả nước do nằm ở vị trí khuất gió, bị cánh cung Đông Triều và các địa hình cao hơn chắn gió mùa đông nam.
* Chế độ mưa ở Lạng Sơn có sự phân mùa:
* Mùa mưa:

© Kéo dài 5 tháng từ tháng 5 đến tháng 9.

* Tổng lượng mưa trong mùa mưa là khoảng trên 1050 mm (chiếm khoảng 75% lượng mưa cả năm). Tháng có lượng mưa lớn nhất là tháng 7 (khoảng 265 mm).

*Giải thích:*

Do đây là thời kì hoạt động của gió mùa mùa hạ.

* Mùa khô:

® Diễn ra từ tháng 10 đến tháng 4.

* Tổng lượng mưa trong mùa khô đạt khoảng 350 mm.

*Giải thích:*

Do đây là thời kì chịu tác động của gió mùa Đông Bắc với tính chất lạnh, khô.

**Câu 7. *Dựa vào Atlat Địa lí Việt Nam và kiến thức đã học, hãy so sánh trạm khí hậu Hà Nội với trạm khí hậu Đà Nang và rút ra những kết luận cần thiết.***

***Gợi ý làm bài***

1. *Khái quát vị trí, vĩ độ và độ cao địa hình của hai trạm khí hậu*

* Hà Nội thuộc miền tự nhiên Bắc và Đông Bắc Bắc Bộ, vĩ độ khoảng , độ cao dưới 50 m.
* Đà Nẵng thuộc miền tự nhiên Nam Trung Bộ và Nam Bộ, vĩ độ khoảng , độ cao dưới 50 m.

1. *Giống nhau*

*\* Đặc điểm chế độ nhiệt*

* Cả hai trạm đều có nhiệt độ trung bình năm cao, trên  do nằm hoàn toàn trong vùng nội chí tuyến nửa cầu Bắc, có góc nhập xạ lớn, trong năm có 2 lần Mặt Trời qua thiên đỉnh.
* Nhiệt độ trung bình tháng cao nhất của cả hai trạm đều cao và rơi vào tháng 7; nhiệt độ trung bình thấp nhất của 2 trạm đều là tháng 1. Nguyên nhân là do trùng với chuyển động biểu kiến của Mặt Trời.

*\* Đặc điểm chế độ mưa*

* Cả hai trạm đều có lượng mưa trung bình năm lớn, do tác động của gió mùa cùng với các yếu tố gây mưa khác như: dải hội tụ nội chí tuyến, bão,...
* Cả hai trạm đều có chế độ mưa phân theo mùa rõ rệt, do chịu tác động của hoàn lưu gió mùa.

1. *Khác nhau*

* *về vùng khí hậu và miền khí hậu*
* Hà Nội thuộc vùng khí hậu Trung và Nam Bắc Bộ (thuộc miền khí hậu phía Bắc) với đặc điểm là có mùa đông lạnh, tương đối ít mưa, nửa cuối mùa đông rét, ẩm ướt; mùa hạ nóng, mưa nhiều.
* Đà Nẵng thuộc vùng khí hậu Nam Trung Bộ (thuộc miền khí hậu phía Nam) với đặc điểm là mùa đông ấm, mưa nhiều và mùa hạ nóng, ít mưa.
* *về chế độ nhiệt*
* Nhìn chung thì nền nhiệt độ của Đà Nẵng cao hơn so với Hà Nội (thể hiện qua đường biểu diễn nhiệt độ của hai trạm, bản đồ nhiệt độ trung bình năm, nhiệt độ trung bình tháng 1). Nhiệt độ trung bình năm của Hà Nội khoảng trên , Đà Nẵng khoảng ; nhiệt độ trung bình tháng thấp nhất của Hà Nội khoảng , Đà Nẵng là ; Hà Nội có ba tháng có nhiệt độ dưới , Đà Nẵng không có tháng nào có nhiệt độ dưới . Nguyên nhân là do Hà Nội nằm ở gần chí tuyến Bắc và chịu ảnh hưởng mạnh của gió mùa Đông Bắc, còn Đà Nẵng nằm ở gần Xích đạo hơn và chịu ảnh hưởng yếu của gió mùa Đông Bắc (do có dãy núi Bạch Mã chắn gió).
* Biên độ nhiệt độ trong năm của Hà Nội cao hơn so với Đà Nẵng (biên độ nhiệt của Hà Nội khoảng , của Đà Nẵng khoảng trên . Nguyên nhân là do càng đi vào Nam thì chênh lệch về góc chiếu sáng, thời gian chiếu sáng cũng như ảnh hưởng của gió mùa Đông Bắc ngày càng giảm.
* *về đặc điếm chế độ mưa*
* Tổng lượng mưa trung bình năm của Đà Nẵng cao hơn so với Hà Nội. Hà Nội có lượng mưa trung bình năm khoảng trên 1600 mm, Đà Nẵng có lượng mưa trung bình năm trên 2000 mm. Nguyên nhân là do Đà Nẵng nằm gần biển, đồng thời chịu tác dộng của nhiều yếu tố gây mưa như gió Đông Bắc, dải hội tụ nội chí tuyến, bão,...
* Mùa mưa:
* Thời gian mùa mưa ở Hà Nội và Đà Nẵng có sự khác biệt nhau lớn. Hà Nội có chế độ mưa vào hạ - thu (từ tháng 5 đến tháng 10), Đà Nẵng có chế độ mưa vào thu - đông (từ tháng 9 đến tháng 12).
* Lượng mưa tháng lớn nhất của Đà Nẵng cao hơn nhiều so với Hà Nội. Hà Nội có lượng mưa lớn nhất vào tháng 8 với khoảng 320 mm; Đà Nẵng có lượng mưa lớn nhất vào tháng 10 với khoảng 630 mm.
* Mùa khô: Hà Nội có mùa khô ngắn hơn và diễn ra trong mùa đông - xuân (tháng 11 đến tháng 4), Đà Nẵng có mùa khô kéo dài tới 8 tháng (từ tháng 1 đến tháng 8).

*Giải thích:*

* Trong mùa hạ - thu, Hà Nội có mưa là do ảnh hưởng của gió mùa đông nam và dải hội tụ nội chí tuyến, còn Đà Nẵng vào mùa hạ ít mưa do ở vị trí khuất gió mùa Tây Nam.
* về mùa đông, Hà Nội chịu ảnh hưởng mạnh mẽ của gió mùa Đông Bắc với tính chất lạnh và khô nên có lượng mưa nhỏ. Trong mùa thu - đông, Đà Nẵng chịu tác động của gió mùa Đông Bắc thổi qua biển, cùng với sự ảnh hưởng của dải hội tụ nội chí tuyến, bão,... nôn có lượng mưa lớn.

**Câu 8. *Dựa Atlat Địa lí Việt Nam và kiến thức đã học, hãy nhận xét và giải thích chế độ nhiệt nước ta.***

***Gợi ý làm bài***

1. *Nền nhiệt độ trung bình năm của nước ta cao, trên *

* Dựa vào bản đồ nhiệt độ trung bình năm: phần lớn diện tích lãnh thổ nước ta có nền nhiệt độ trung bình năm trên , chỉ có một bộ phận nhỏ ở vùng núi cao là có nền nhiệt độ dưới .
* Dựa vào các trạm khí hậu: Hà Nội có 9 tháng nhiệt độ trên ; các trạm ở đồng bằng từ Đà Nẵng trở vào không có tháng nào có nhiệt độ dưới .
* Giải thích: Do vị trí nước ta nằm trong vùng nội chí tuyến nửa cầu Bắc nên mọi nơi trên lãnh thổ nước ta trong năm đều có hai lần Mặt Trời qua thiên đỉnh.

1. *Chế độ nhiệt có sự phân hóa rõ rệt theo không gian và thời gian*

* *Phân hóa theo thời gian*
* Thế hiện qua việc so sánh nền nhiệt độ tháng 1 và nền nhiệt độ tháng 7 hoặc xác định nhiệt độ trên đường biểu diễn nhiệt độ của các trạm khí hậu:
* Tháng 1, phần lớn lãnh thổ nước ta có nhiệt độ dưới , còn vào tháng 7 thì phần lớn lãnh thổ nước ta có nhiệt độ trên .
* Trạm Lạng Sơn trong năm có 5 tháng nhiệt độ dưới  (từ tháng 11 đến tháng 3) và 7 tháng có nhiệt độ trên .

*♦ Giải thích:*

* Do ảnh hưởng bởi chế độ gió mùa, vào mùa đông có gió mùa Đông Bắc lạnh hoạt động mạnh ở miền Bắc nước ta.
* Do sự chuyển động biểu kiến của Mặt Trời nên có sự thay đổi góc chiếu sáng và thời gian chiếu sáng trong năm.
* *Phân hóa theo không gian*
* Phân hóa theo chiều bắc - nam (thể hiện qua bản đồ nhiệt độ trung bình năm, nhiệt độ trung bình tháng 1, tháng 7 và đường biểu diễn nhiệt độ của các trạm khí hậu):
* Miền Bắc: Trạm Hà Nội có nhiệt độ trung bình năm khoảng , biên độ nhiệt trong năm khoảng .
* Miền Trung: Trạm Đà Nẵng có nhiệt độ trung bình năm khoảng , biên độ nhiệt trong năm khoảng .
* Miền Nam: Trạm TP. Hồ Chí Minh có nhiệt độ trung bình năm khoảng , biên độ nhiệt trong năm khoảng .

*♦ Giải thích:*

* Do càng vào Nam càng gần Xích đạo, xa chí tuyến nên góc chiếu của tia sáng mặt trời và thời gian chiếu sáng trong năm tăng dần.
* Do miền Bắc chịu ảnh hưởng mạnh của gió mùa Đông Bắc, còn miền Nam gần như không bị ảnh hưởng bởi gió mùa Đông Bắc.
* Phân hóa theo độ cao (thể hiện qua bản đồ nhiệt độ trung bình năm, nhiệt độ trung bình tháng 1, tháng 7 và đường biểu diễn nhiệt độ của các trạm khí hậu).
* So sánh trạm khí hậu Hà Nội với Sa Pa hoặc Nha Trang với Đà Lạt (lấy dẫn chứng nhiệt độ trung bình năm, nhiệt độ trung bình tháng cao nhất, thấp nhất).
* So sánh nền nhiệt độ trung bình năm giữa vùng núi Hoàng Liên Sơn với vùng Đồng bằng Bắc Bộ hoặc vùng cao nguyên Nam Trung Bộ với bộ phận duyên hải).

*♦ Giải thích*: Do ảnh hưởng của quy luật đai cao: trung bình lên cao 100 m, nhiệt độ giảm .

* Phân hóa theo hướng sườn (thể hiện ở nhiệt độ tháng nóng nhất, tháng lạnh nhất). Dẫn chứng: so sánh chế độ nhiệt của trạm Lạng Sơn (nơi đón gió mùa Đông Bắc) với trạm Điện Biên (nơi khuất gió mùa Đông Bắc).

*Giải thích:*

* Đối với gió mùa Đông Bắc thì khu vực đón gió sẽ chịu ảnh hưởng mạnh mẽ, nhiệt độ xuống thấp, còn khu vực khuất gió sẽ có nhiệt độ cao hơn.
* Đốì với gió mùa Tây Nam thì khu vực khuất gió sẽ có nhiệt độ cao hơn so với khu vực đón gió do hiệu ứng phơn.

**Câu 9. *Dựa vào bảng số liệu sau:***

**Nhiệt độ trung bình tại một số địa điểm**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Địa điểm** | **Nhiệt độ trung bình tháng 1 (°C)** | **Nhiệt độ trung bình tháng 7 (°C)** | **Nhiệt độ trung bình năm (°C)** |
| Lạng Sơn | 13,3 | 27,0 | 21,2 |
| Hà Nội | 16,4 | 28,9 | 23,5 |
| Huế | 19,7 | 29,4 | 25,1 |
| Đà Nẵng | 21,3 | 29,1 | 25,7 |
| Quy Nhơn | 23,0 | 29,7 | 26,8 |
| TP. Hồ Chí Minh | 25,8 | 27,1 | 27,1 |

*(Nguồn: Trang 44 SGK Địa lí 12 nâng cao, NXB Giáo dục, 2008)*

***Hãy nhận xét sự thay đổi nhiệt độ từ Bắc vào Nam. Giải thích nguyên nhân.***

***Gợi ý làm bài***

* *Nhận xét*
* Nhiệt độ trung bình tháng 1 và trung bình năm của các địa điểm có sự chênh lệch theo chiều hướng tăng dần từ Bắc vào Nam. Sự chênh lệch rõ nhất là vào tháng 1: Lạng Sơn , TP. Hồ Chí Minh .
* Nhiệt độ trung bình tháng 7 giữa các địa điểm ít có sự chênh lệch.
* Biên độ nhiệt giảm dần từ Bắc vào Nam.
* *Nguyên nhân*
* Càng vào Nam, càng gần xích đạo thì bề mặt Trái Đất càng nhận được lượng bức xạ mặt trời lớn do góc chiếu của tia sáng mặt trời lớn và khoảng thời gian giữa hai lần Mặt Trời qua thiên đỉnh dài hơn.
* Tháng 1, chênh lệch nhiệt độ từ Bắc vào Nam rõ rệt vì miền Bắc chịu ảnh hưởng mạnh của gió mùa Đông Bắc.
* Tháng 7, không còn tác động của gió mùa Đông Bắc nên sự chênh lệch nhiệt độ giữa các địa điểm từ Bắc vào Nam không rõ rệt. Ở TP. Hồ Chí Minh, nhiệt độ tháng 7 thấp hơn các địa điểm khác vì đây là tháng có mưa lớn (tháng nóng nhất ở TP. Hồ Chí Minh là tháng 4: 28,9 độ c).

**Câu 10. *Dựa vào bảng số liệu sau:***

**Lượng mưa, lượng bốc hơi và cân bằng ẩm của một số địa điểm**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Địa điểm** | **Lượng mưa**  **(mm)** | **Lượng bốc hơi (mm)** | **Cân bằng ẩm (mm)** |
| Hà Nội | **1676** | **989** | **+687** |
| Huế | **2868** | **1000** | **+1868** |
| TP. Hồ Chí Minh | **1931** | **1686** | **+245** |

*(Nguồn: trang 44 SGK Địa lí 12, NXB Giáo dục, 2014)*

***Hãy so sánh, nhận xét về lượng mưa, lượng bốc hơi và cân bằng ẩm của ba địa điểm trên. Giải thích.***

***Gợi ý làm bài***

1. *Nhận xét*

* Lượng mưa thay đổi từ Bắc vào Nam. Huế có lượng mưa cao nhất (2868 mm), sau đó đến TP. Hồ Chí Minh (1931 mm), Hà Nội có lượng mưa ít nhất (1676 mm).
* Lượng bốc hơi càng vào Nam càng tăng.
* Cân bằng ẩm cao nhất là Huế (+1868 mm), sau đó đến Hà Nội (+687 mm), TP. Hồ Chí Minh (+245 mm).

1. *Giải thích*

* Huế có lượng mưa cao nhất do bức chắn của dãy Trường Sơn và Bạch Mã đối với các luồng gió thổi hướng đông bắc, bão từ Biển Đông vào và hoạt động của dải hội tụ nội chí tuyến, của frông lạnh. Cũng chính vì thế, Huế có mùa mưa vào thu - đông (từ tháng 8 đến tháng 1). Vào thời kì mưa nhiều này, do lượng bốc hơi nhỏ nên cân bằng ẩm ở Huế cao.
* TP. Hồ Chí Minh có lượng mưa cao hơn Hà Nội do trực tiếp đón nhận gió mùa Tây Nam mang mưa, hoạt động của dải hội tụ nội chí tuyến mạnh hơn, nhưng nhiệt độ cao đặc biệt trong mùa khô nên bốc hơi nước cũng mạnh hơn, vì thế có cân bằng ẩm thấp hơn ở Hà Nội.

**Câu 11. *Cho bảng số liệu sau:***

**Nhiệt độ và lượng mưa của trạm khí tượng A thuộc Việt Nam**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| ***Tháng*** | ***1*** | ***2*** | ***3*** | ***4*** | ***5*** | ***6*** | ***7*** | ***8*** | ***9*** | ***10*** | ***11*** | ***12*** |
| *Nhiệt độ ()* | *19.7* | *20,9* | *23,2* | *26,0* | *28.0* | *29.2* | *29,4* | *28,8* | *27.0* | *25,1* | *23,2* | *20,8* |
| *Lượng mưa (mm)* | *161.3* | *62.6* | *47.1* | *51.6* | *82,1* | *1 16.7* | *95.3* | *104.0* | *473.4* | *795.6* | *580,6* | *297,4* |

*(Nguồn: trang 110, SGK Địa lí 8. NXB Giáo dục, 2014)*

1. ***Phân tích chế độ nhiệt và chế độ mưa của trạm khí tượng trên.***
2. ***Cho biết trạm khí tượng A thuộc vùng khí hậu nào ở nước ta? Tại sao?***

***Gợi ý làm bài***

1. *Chế độ nhiệt và chế độ mưa*

* Chế độ nhiệt:
* Nhiệt độ trung bình năm cao ().
* Có 1 tháng có nhiệt độ đười  (tháng 1).
* Tháng có nhiệt độ cao nhất là tháng 7 ().
* Tháng có nhiệt độ thấp nhât là tháng 1 ().
* Biên độ nhiệt trung bình năm là .
* Chế độ mưa:
* Lượng mưa trung bình năm rất cao (đạt 2868 mm).
* Mùa mưa vào thu - đông (từ tháng 9 đến tháng 12). Mùa khô từ tháng 1 đến tháng 8.
* Tháng có lượng mưa cao nhất là vào tháng 10 (795,6 mm).
* Tháng có lượng mưa ít nhất là vào tháng 3 (47,1 mm).
* Chênh lệch giữa tháng có lượng mưa cao nhất và tháng có lượng mưa thấp nhất là 748,5 mm.

1. *Xác định vị trí của trạm khí tượng A*

* Trạm khí tượng A thuộc vùng khí hậu Bắc Trung Bộ.
* Nguyên nhân: có mùa mưa lệch hẳn về thu đông, lại có 1 tháng nhiệt độ dưới .

**Câu 12. *Cho bảng số liệu sau:***

**Nhiệt độ trung bình các tháng- trong năm của một số địa điểm (°C)**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tháng** | **1** | **2** | **3** | **4** | **5** | **6** | **7** | **8** | **9** | **10** | **11** | **12** |
| TP Hạ Long | 17 | 18 | 19 | 24 | 27 | 29 | 29 | 27 | 27 | 27 | 24 | 19 |
| TP Vũng Tàu | 26 | 27 | 28 | 30 | 29 | 29 | 28 | 28 | 28 | 28 | 28 | 27 |

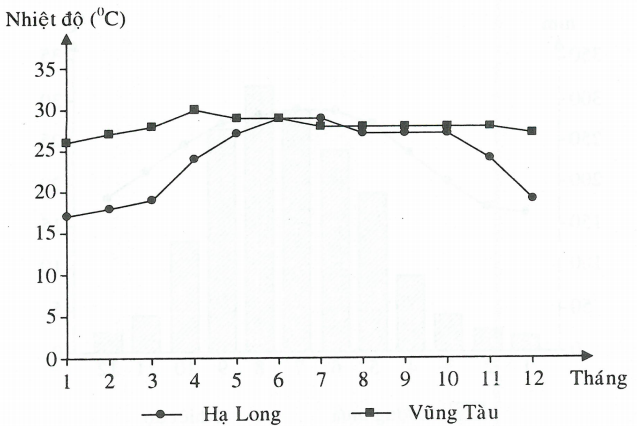
*(Nguồn: Đề thi tuyến sinh Cao đẳng năm 2009 của Bộ Giáo dục và Đào tạo)*

1. ***Vẽ biểu đồ đường thể hiện diễn biến nhiệt độ trung bình các tháng trong năm của Hạ Long và Vũng Tàu theo bảng số liệu trên.***
2. ***Xác định biên độ nhiệt trung bình năm và nhiệt độ trung bình các tháng mùa hạ ở hai thành phố trên.***
3. ***Nhận xét sự khác nhau về chế độ nhiệt của Hạ Long và Vũng Tàu.***

***Gợi ý làm bài***

1. *Vẽ biểu đồ*

**Biểu đồ thể hiện diễn biến nhiệt độ trung bình các tháng** **trong năm của Hạ Long và Vũng Tàu**



1. *Biên độ nhiệt trung bình năm và nhiệt độ trung bình các tháng mùa hạ*

* Biên độ nhiệt: Hạ Long ; Vũng Tàu 
* Nhiệt độ trung bình các tháng mùa hạ:
* Hạ Long: .
* Vũng Tàu: .

1. *Nhận xét*

* Nền nhiệt của Vũng Tàu cao hơn Hạ Long.
* Nhiệt độ trong năm của Vũng Tàu ổn định hơn ở Hạ Long.

**Câu 13. *Cho bảng số liệu sau:***

**Nhiệt độ và lượng mưa của trạm khí tượng Hà Nội**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tháng** | **1** | **2** | **3** | **4** | **5** | **6** | **7** | **8** | **9** | **10** | **11** | **12** |
| Nhiệt độ (°C) | 16,4 | 17,0 | 20,2 | 23,7 | 27,3 | 28,8 | 28,9 | 28,2 | 27,2 | 24,6 | 21,4 | 18.2 |
| Lượng mưa (mm) | 18,6 | 26,2 | 43.8 | 90.1 | 188,5 | 239,9 | 288,2 | 318,0 | 265,4 | 130,7 | 43.4 | 23,4 |

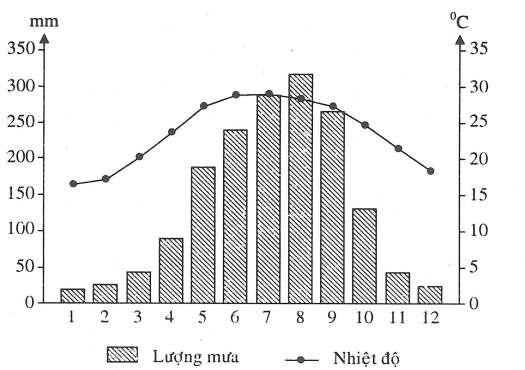
*(Nguồn: SGK Địa lí 8, NXB* *Giáo dục, 2014)*

1. ***Vẽ biểu đồ thể hiện nhiệt độ và lượng mưa của trạm khí tượng Hà Nội.***
2. ***Nhận xét và giải thích về chế độ nhiệt và chế độ mưa của Hà Nội***

***Gợi ý làm bài***

1. *Vẽ biểu đồ*

**Biểu đồ thể hiện nhiệt độ và lượng mưa của trạm khí tượng Hà Nội**



1. *Nhận xét và giải thích*

* Nhiệt độ:
* Nhiệt độ trung bình năm của Hà Nội là , do nằm trong vùng nội chí tuyến, có góc chiếu sáng lớn; có 3 tháng nhiệt độ dưới  (tháng 12, 1, 2) do ảnh hưởng của gió mùa Đông Bắc với tính chất lạnh khô (nửa đầu mùa đông), lạnh ẩm (nửa sau mùa đông).
* Tháng có nhiệt độ cao nhất là tháng 7 (), do đây là khoảng thời gian có Mặt Trời lên thiên đỉnh; tháng có nhiệt độ thấp nhất là tháng 1 () do sự hoạt động mạnh của gió mùa Đông Bắc.
* Biên độ nhiệt trung bình năm lớn  do Hà Nội nằm gần chí tuyến, mà chúng ta biết càng lên vĩ độ cao chênh lệch góc chiếu sáng và thời gian chiếu sáng giữa ngày và đêm trong năm càng lớn. Ngoài ra, còn do sự hoạt động của gió mùa (gió mùa mùa đông, gió mùa mùa hạ).
* Lượng mưa:
* Tổng lượng mưa trung bình năm là 1676,2 mm, do nước ta nằm trong khu vực gió mùa châu Á lại chịu ảnh hưởng sâu sắc của Biển Đông - nguồn dự trữ dồi dào về nhiệt, ẩm. Các khối khí di chuyển qua biển đem lại lượng mưa lớn.
* Các tháng mưa nhiều (mùa mưa): kéo dài 6 tháng từ tháng 5 đến tháng 10 (mưa vào hạ - thu) do sự hoạt động mạnh của gió mùa Đông Nam mang mưa.
* Tháng có lượng mưa cao nhất là tháng 8 (318,0 mm) do sự hoạt động mạnh của gió mùa Đông Nam, bão, dải hội tụ nhiệt đới,...
* Các tháng mưa ít (mùa khô): từ tháng 11 đến tháng 4 năm sau do ảnh hưởng của gió mùa Đông Bắc. Tháng có lượng mưa ít nhất là tháng 1 (18,6 mm).

**Câu 14. *Cho bảng số liệu sau:***

**Nhiệt độ và lượng mưa trạm khí tượng Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Tháng | | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 1 1 | 12 |
| Hà  Nội | Nhiệt độ (°C) | 16.4 | 17.0 | 20.2 | 23.7 | 27.3 | 28.8 | 28.9 | 28.2 | 27.2 | 24,6 | 21,4 | 18,2 |
| Lượng mưa  (mm) | 18.6 | 26.2 | 43.8 | 90.1 | 188.5 | 239.9. | 288.2 | 3 18.0 | 265.4 | 130.7 | 43,4 | 23,4 |
| TP. Hồ  Chí  Minh | Nhiệt độ (°C) | 25.8 | 26.7 | 27.9 | 28.9 | 28,3 | 27.5 | 27.1 | 27,1 | 26.8 | 26,7 | 26,4 | 25.7 |
| Lượng mưa (mm) | ) 3.8 | 4.1 | 10.5 | 50.4 | 218.4 | 31 1.7 | 293.7 | 269.8 | 327.0 | 266,7 | 1 16,5 | 48,3 |

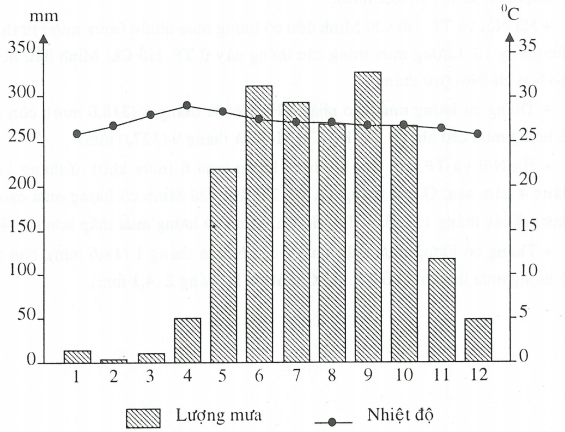
*(Nguồn: Trang 110 SGK Địa lí 8, NXB Giáo dục, 2014)*

1. ***Vẽ biểu đồ kết hợp thể hiện nhiệt độ và lượng mưa của trạm khí tượng Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh.***
2. ***Nhận xét và so sánh chế độ nhiệt và chế độ mưa của hai địa điếm trên***

***Gợi ý làm bài***

1. *Vẽ biểu đồ*

**Biểu đồ thể hiện nhiệt độ và lưựng mưa của trạm khí tượng Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh**



Biểu đồ thể hiện nhiệt độ và lượng mưa của trạm Hà Nội xem bài tập trên.

1. *Nhận xét và so sánh*

* Chế độ nhiệt:
* Hà Nội có nhiệt độ trung bình năm thấp hơn TP. Hồ Chí Minh ( so với ). Hà Nội có 3 tháng (12, 1, 2) có nhiệt độ dưới , trong đó có 2 tháng dưới  (tháng 1,2).
* Hà Nội có 4 tháng (6, 7, 8, 9) có nhiệt độ cao hơn TP. Hồ Chí Minh, các tháng còn lại có nhiệt độ thấp hơn TP. Hồ Chí Minh.
* TP. Hồ Chí Minh có nhiệt độ quanh năm cao và không có tháng nào nhiệt độ dưới .
* Ở Hà Nội, tháng có nhiệt độ cao nhất là tháng 7 (), tháng có nhiệt độ thấp nhất là tháng 1 (). Còn ở TP. Hồ Chí Minh, tháng có nhiệt độ cao nhất là tháng 4 (), tháng có nhiệt độ thấp nhất là tháng 12 ().
* Biên độ nhiệt trung bình năm của Hà Nội () cao hơn TP. Hồ Chí Minh ().
* Chế độ mưa:
* Tổng lượng mưa trung bình năm của TP. Hồ Chí Minh cao hơn Hà Nội (1930,9 mm so với 1676,2 mm).
* Hà Nội và TP. Hồ Chí Minh đều có lượng mưa nhiều (mùa mưa) từ tháng 5 đến tháng 10. Lượng mưa trong các tháng này ở TP. Hồ Chí Minh hầu hết đều cao hơn Hà Nội (trừ tháng 8).
* Tháng có lượng mưa cao nhất ở Hà Nội là tháng 8 (318,0 mm), còn tháng có lượng mưa cao nhất ở TP. Hồ Chí Minh là tháng 9 (327,0 mm).
* Hà Nội và TP. Hồ Chí Minh có lượng mưa ít (mùa khô) từ tháng 11 đến tháng 4 năm sau. Ở các tháng 11, 12, TP. Hồ Chí Minh có lượng mưa cao hơn, nhưng ở các tháng 1, 2, 3, 4, TP. Hồ Chí Minh có lượng mưa thấp hơn Hà Nội.
* Tháng có lượng mưa thấp nhất ở Hà Nội là tháng 1 (18,6 mm), còn tháng có lượng mưa thấp nhất ở TP. Hồ Chí Minh là tháng 2 (4,1 mm).

**BÀI 32**

**CÁC MÙA KHÍ HẬU VÀ THỜI TIẾT Ở NƯỚC TA**

**Câu 1.** ***Trình bày hoạt động của gió mùa ở nước ta và hệ quả của nó đối với sự phân chia mùa khác nhau giữa các khu vực.***

***Gợi ý làm bài***

1. *Hoạt động của gió mùa ở nước ta*

* Nước ta nằm trong vùng nội chí tuyến bán cầu Bắc, nên có tín phong bán cầu Bắc hoạt động quanh năm. Mặt khác, nước ta chịu ảnh hưởng mạnh mẽ của các khối khí hoạt động theo mùa với hai mùa gió chính: gió mùa mùa đông và gió mùa mùa hạ. Gió mùa đã lấn át Tín phong, vì thế Tín phong hoạt động xen kẽ gió mùa và chỉ mạnh lên rõ rệt vào các thời kì chuyển tiếp giữa hai mùa gió.
* Gió mùa mùa đông:
* Từ tháng 11 đến tháng 4 năm sau, miền Bắc nước ta chịu tác động của khối khí lạnh phương Bắc thổi theo hướng Đông Bắc, nên thường gọi là gió mùa Đông Bắc.
* Gió mùa Đông Bắc tạo nên một mùa đông lạnh ở miền Bắc: nửa đầu mùa đông thời tiết lạnh khô, nửa sau mùa đông thời tiết lạnh ẩm, có mưa phùn ở vùng ven biển và các đồng bằng Bắc Bộ, Bắc Trung Bộ.
* Khi di chuyển xuống phía Nam, gió Đông Bắc suy yếu dần, bớt lạnh hơn và hầu như bị chắn lại ở dãy Bạch Mã. Từ Đà Nẵng trở vào, Tín phong bán cầu Bắc thổi theo hướng Đông Bắc chiếm ưu thế, gây mưa cho vùng ven biển Trung Bộ, trong khi Nam Bộ và Tây Nguyên là mùa khô.
* Gió mùa mùa hạ:
* Vào mùa hạ (từ tháng 5 đến tháng 10) có hai luồng gió cùng hướng Tây Nam thổi vào Việt Nam.
* Vào đầu mùa hạ: khối khí nhiệt đới ẩm từ Bắc Ấn Độ Dương di chuyển theo hướng Tây Nam xâm nhập trực tiếp và gây mưa lớn cho đồng bằng Nam Bộ và Tây Nguyên. Khi vượt qua dãy Trường Sơn và các dãy núi dọc biên giới Việt - Lào, tràn xuống đồng bằng ven biển Trung Bộ và phần phía nam của khu vực Tây Bắc, khối khí này trở nên khô nóng (gió phơn Tây Nam hay còn gọi là gió Tây hoặc gió Lào).
* Vào giữa và cuối mùa hạ: gió mùa Tây Nam (xuất phát từ áp cao chí tuyến bán cầu Nam) hoạt động mạnh. Khi vượt qua vùng biển xích đạo, khối khí này trở nên nóng ẩm hơn, thường gây mưa lớn và kéo dài cho các vùng đón gió ở Nam Bộ và Tây Nguyên. Hoạt động của gió Tây Nam cùng với dải hội tụ nhiệt đới là nguyên nhân chủ yếu gây mưa vào mùa hạ cho cả hai miền Nam, Bắc và mưa vào tháng 9 cho Trung Bộ. Do áp thấp Bắc Bộ, khối khí này di chuyển theo hướng đông nam vào Bắc Bộ tạo nên “gió mùa Đông Nam” vào mùa hạ ở miền Bắc nước ta.

1. *Hệ quả*

Tạo ra sự phân mùa của khí hậu. Trong chế độ khí hậu, ở miền Bắc có sự phân chia thành mùa đông lạnh, ít mưa và mùa hạ nóng ẩm, mưa nhiều. Ở miền Nam, có một mùa mưa và một mùa khô rõ rệt. Giữa Tây Nguyên và đồng bằng ven biển Trung Trung Bộ có sự đối lập về mùa mưa và mùa khô.

**Câu 2. *Trình bày hoạt động của gió mùa Đông Bắc và ảnh hưởng của nó đến thiên nhiên nước ta***

***Gợi ý làm bài***

1. *Hoạt động của gió mùa Đông Bắc*

* Nguồn gồc: từ khối khí lạnh phương Bắc; thổi theo hướng đông bắc.
* Thời gian hoạt động: từ tháng 11 đến tháng 4 năm sau.
* Tính chất: nửa đầu mùa đông thời tiết lạnh khô, nửa sau mùa đông thời tiết lạnh ẩm, có mưa phùn.
* Phạm vi hoạt động: chủ yếu từ dãy Bạch Mã (vĩ tuyến ) trở ra.

1. *Ánh hưởng của nó đến thiên nhiên nước ta*

* Làm cho sự phân hóa của thiên nhiên nước ta càng thêm phức tạp.
* Thiên nhiên nước ta phân hóa theo không gian và thời gian.

**Câu 3. *Trình bày những nết đặc trưng về khí hậu và thời tiết ở hai mùa ỉà mùa gió Đông Bắc và mùa gió Tây Nam ở nước ta.***

***Gợi ý làm bài***

1. *Mùa gió Đông Bắc từ tháng 11 đến tháng 4 (mùa đông)*

* Đặc trưng chủ yếu của mùa này là sự hoạt động mạnh mẽ của gió Đông Bắc và xen kẽ là những đợt gió Đông Nam.
* Trong mùa này, thời tiết - khí hậu trên các miền của nước ta khác nhau rất rõ rệt:
* Miền Bắc chịu ảnh hưởng trực tiếp của gió mùa Đông Bắc từ vùng áp cao ở lục địa phương Bắc tràn xuống thành từng đợt, mang lại một mùa đông không thuần nhất.
* Đầu mùa đông là thời tiết se lạnh, khô hanh. Còn cuối mùa đông là tiết xuân với mưa phùn ẩm ướt.
* Nhiệt độ trung bình tháng, nhiều nơi xuống dưới . Miền núi cao có thể xuất hiện sương muối, sương giá, mưa tuyết gây trở ngại lớn cho sinh vật nhiệt đới.
* Ở Tây Nguyên và Nam Bộ, thời tiết nóng khô, ổn định suốt mùa.
* Riêng ở duyên hải Trung Bộ có mưa rất lớn vào các tháng cuối năm.

1. *Mùa gió Tây Nam từ tháng 5 đến tháng 10 (mùa hạ)*

* Đây là mùa thịnh hành của hướng gió Tây Nam. Ngoài ra, Tín phong nửa cầu Bắc vẫn hoạt động xen kẽ và thổi theo hướng Đông Nam.
* Trong mùa này, nhiệt độ cao đều trên toàn quốc và đạt trên  ở các vùng thấp. Lượng mưa trong mùa cũng rất lớn, chiếm trên 80% lượng mưa cả năm, riêng vùng duyên hải Trung Bộ mùa này ít mưa.
* Thời tiết phổ biến trong mùa này là trời nhiều mây, có mưa rào và mưa dông. Những dạng thời tiết đặc biệt là gió tây, mưa ngâu và bão.

**Câu 4. *Nêu những thuận lợi và khó khăn do khí hậu mang lại.***

***Gợi ý làm bài***

* Thuận lợi:
* Sinh vật nhiệt đới phát triển quanh năm.
* Tăng vụ, xen canh, đa canh thuận lợi.
* Khó khăn:
* Sâu bệnh phát triển.
* Thiên tai thời tiết có hại nhiều (bão lũ, hạn hán, sương muối, sương giá, xói mòn, xâm thực đất,...).

**Câu 5. *Dựa vào bảng số liệu sau, cho biết mùa bão nước ta diễn biến như thế nào?***

**Diễn biến mùa bão dọc bờ biển Việt Nam**

| **Mùa bão (tháng)** | **6** | **7** | **8** | **9** | **10** | **11** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Trên toàn quốc | x | x | x | x | x | x |
| Quảng Ninh đến Nghệ An | x | x | x | x |  |  |
| Hà Tĩnh đến Quảng Ngãi |  | x | x | x | x |  |
| Bình Định đến Bình Thuận |  |  |  | x | x | x |
| Vũng Tàu đến Cà Mau |  |  |  |  | x | x |

*(Nguồn: SGK Địa lý 8, NXB Giáo dục, 2001, trang 115)*

***Gợi ý làm bài***

* Trên toàn quốc, mùa bão diễn ra từ tháng 6 đến tháng 11 (kéo dài 6 tháng).
* Mùa bão chậm dần từ Bắc vào Nam.
* Quảng Ninh đến Nghệ An: mùa bão bắt đầu từ tháng 6.
* Hà Tĩnh đến Quảng Ngãi: mùa bão bắt đầu từ tháng 7.
* Bình Định đến Bình Thuận: mùa bão bắt đầu từ tháng 9.
* Vũng Tàu đến Cà Mau: mùa bão bắt đầu từ tháng 10.
* Số cơn bão trong toàn mùa khác nhau theo từng đoạn bờ biển và có sự giảm dần từ Bắc vào Nam.
* Quảng Ninh đến Nghệ An: mùa bão kéo dài 4 tháng (tháng 6 đến tháng 9).
* Hà Tĩnh đến Quảng Ngãi: mùa bão kéo dài 4 tháng (tháng 7 đến tháng 10).
* Bình Định đến Bình Thuận: mùa bão kéo dài 3 tháng (tháng 9 đến tháng 11).
* Vũng Tàu đến Cà Mau: mùa bão kéo dài 2 tháng (tháng 10 đến tháng 11).

**BÀI 33.**

**ĐẶC ĐIỂM SÔNG NGÒI VIỆT NAM**

**Câu 1. *Trình bày đặc điểm chung của sông ngòi nước ta. Giải thích vì sao sông ngòi nước ta có những đặc điểm như vậy?***

***Gợi ý làm bài***

1. *Đặc điểm chung của sông ngòi nước ta*

* Mạng lưới sông ngòi dày đặc, phân bố rộng khắp trên cả nước:
* Nước ta có 2360 con sông dài trên 10 km, trong đó 93% là các sông nhỏ và ngắn (diện tích lưu vực dưới 500 km2).
* Dọc bờ biển, trung bình cứ 20 km gặp một cửa sông.
* Sông chảy theo hai hướng chính là tây bắc - đông nam và vòng cung.
* Sông ngòi nước ta có hai mùa nước: mùa lũ và mùa cạn khác nhau rõ rệt:
* Mùa lũ nước sông dâng cao và chảy mạnh.
* Lượng nước mùa lũ gấp hai đến ba lần, có nơi đến bốn lần lượng nước mùa cạn và chiếm 70 - 80% lượng nước cả năm.
* Sông ngòi nước ta nhiều nước, giàu phù sa:
* Hằng năm sông ngòi vận chuyển tới 839 tỉ m3 nước cùng với hàng trăm triệu tấn phù sa.
* Bình quân một mét khối nước sông có 223 gam cát bùn và các chất hòa tan khác. Tổng lượng phù sa trôi theo dòng nước tới trên 200 triệu tấn/năm.

1. *Giải thích nguyên nhân*

* Do nằm trong vùng khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa có lượng mưa lớn đã làm cho quá trình cắt xẻ địa hình diễn ra mạnh nên nước ta có mạng lưới sông ngòi dày đặc và phân bố rộng khắp trên cả nước.
* Do cấu trúc địa hình nước ta có hai hướng chính là hướng tây bắc - đông nam và hướng vòng cung nên những sông chảy trong các khu vực địa hình đó cũng có hướng như vậy.
* Do mưa theo mùa nên sông ngòi nước ta có chế độ nước theo mùa.
* Do mưa nhiều nên sông ngòi nước ta có lượng nước lớn, hơn nữa sông ngòi nước ta còn nhận một lượng nước lớn từ lưu vực nằm ngoài lãnh thổ.
* Do quá trình xâm thực mạnh ở miền đồi núi nên sông ngòi giàu phù sa.

**Câu 2. *Cho ví dụ để chứng minh mối quan hệ của sông ngòi nước ta với các nhân tố tự nhiên.***

***Gợi ý làm bài***

* Địa chất, địa hình quyết định độ dốc lòng sông, hướng chảy và tốc độ dòng chảy cũng như hình dạng mạng lưới sông (dạng lông chim, dạng nan quạt, dạng cành cây), dòng chảy mặt, dòng chảy ngầm.

Khí hậu (lượng mưa, nhiệt độ) quyết định lưu lượng nước, mùa nước, tính liên tục của dòng chảy (thường xuyên hay tạm thời).**Câu 3. *Nêu một số biện pháp khai thác tổng hợp các dòng chảy sông ngòi ở Việt Nam.***

***Gợi ý làm bài***

* Hồ chứa nước: thủy lợi, thủy điện, thủy sản, du lịch (ví dụ: hồ Hòa Bình trên sông Đà).
* Chung sông với lũ tại đồng bằng sông Cửu Long:
* Tận dụng nguồn nước để thau chua rửa mặn, nuôi trồng thủy sản, phát triển giao thông, du lịch.
* Tận dụng nguồn phù sa để bón ruộng, mở rộng đồng bằng.
* Tận dụng thủy sản tự nhiên, cải thiện đời sống, phát triển kinh tế.

**Câu 4. *Nêu các nguồn gây ô nhiễm nước sông***

***Gợi ý làm bài***

* Nước thải, rác thải của sản xuất công nghiệp, nông nghiệp, dịch vụ sinh hoạt.
* Vật liệu chìm đắm cản trở dòng chảy tự nhiên.
* Đánh bắt thủy sản hằng hóa chất, điện.

**Câu 5. *Cho biết một số giá trị của sông ngòi nước ta.***

***Gợi ý làm bài***

* Cung cấp nước cho sản xuất nông nghiệp, công nghiệp và sinh hoạt.
* Xây dựng các nhà máy thủy điện.
* Bồi đắp phù sa, mở rộng đồng bằng về phía biển.
* Khai thác và nuôi trồng thủy sản.
* Phát triển giao thông vận tải đường sông.
* Còn có giá trị về du lịch, thể thao,...

**Câu 6.** ***Nêu những thuận lợi và khó khăn của sông ngòi đối với đời sống, sản xuất và sự cần thiết phải bảo vệ nguồn nước sông.***

***Gợi ý làm bài***

* Thuận lợi: cho sản xuất nông nghiệp, công nghiệp, thủy điện, nuôi trồng thủy sản, giao thông vận tải, du lịch,...
* Khó khăn: chế độ nước thất thường, gây ngập úng một số khu vực ở đồng bằng sông Cửu Long, lũ quét ở miền núi,...
* Nguồn nước, sông đang bị ô nhiễm, nhất là sông ở các thành phố, các khu công nghiệp, các khu tập trung dân cư,... Nguyên nhân: mất rừng, chất thải công nghiệp, chất thải sinh hoạt,...

**Câu 7. *Những nguyên nhân nào làm cho nguồn nước sông của nước ta bị ô nhiễm? Để dòng sông không bị ô nhiễm, chúng ta cần phải làm gì?***

***Gợi ý làm bài***

1. *Những nguyên nhân làm cho nguồn nước sông bị ô nhiễm*

* Sông ngòi thường bắt nguồn từ miền núi chảy về đồng bằng, sau đó đổ nước ra biển.
* Miền núi là đầu nguồn nước, do rừng cây ở đây bị chặt phá nhiều khiến cho nước mưa và bùn cát dồn nhanh xuống dòng sông, gây ra những trận lũ đột ngột và dữ dội, tàn phá mùa màng, cuốn trôi nhà cửa, gia súc,...
* Ở các vùng đồng bằng, dân cư đông đúc, kinh tế phát triển, có rất nhiều dòng sông, khúc sông đã bị ô nhiễm nặng 11C bởi rác thải và các chất độc hại từ các khu dân cư, các đô thị, các khu công nghiệp chưa qua xử lí đã thải ngay vào dòng sông.

1. *Một số biện pháp để dòng sông không bị ô nhiễm*

* Bảo vệ tốt rừng đầu nguồn các sông và thảm thực vật trong lưu vực sông.
* Xử lí tốt nguồn chất thải, nước thải công nghiệp và sinh hoạt trước khi đưa vào sông, hồ,...
* Khai thác hợp lí, bền vững các giá trị kinh tế của sông ngòi.

**BÀI 34**

**CÁC HỆ THỐNG SÔNG LỚN Ở NƯỚC TA**

**Câu 1.** ***Dựa vào trang 10 Atlat Địa lí Việt Nam và kiến thức đã học, hãy:***

1. ***Sắp xếp các hệ thống sông lớn ở nước ta vào 3 vùng sông ngòi là Bắc Bộ, Trung Bộ và Nam Bộ.***
2. ***Nêu và giải thích sự khác nhau về chế độ nước, về mùa lũ của sông ngòi Bắc Bộ, Trung Bộ và Nam Bộ.***

***Gợi ý làm bài***

1. *Sắp xếp các hệ thống sông lớn ở nước ta*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Sông ngòi Bắc Bô** | **Sông ngòi Trung Bộ** | **Sông ngòi Nam Bộ** |
| * Hệ thống sông Hồng * Hệ thống sông Thái Bình * Hệ thống sông Bằng Giang - sông Kì Cùng * Hệ thống sông Mã * Hệ thông sông Mã | * Hệ thống sông Cả * Hệ thống sông Thu Bồn * Hệ thống sông Đà Rằng | * Hệ thống sông Đồng Nai * Hệ thống sông Mê Công |

1. *Sự khác nhau*

* Sông ngòi Bắc Bộ:
* Có chế độ nước theo mùa, thất thường, lũ tập trung nhanh và kéo dài do có mưa theo mùa, các sông có dạng nan quạt.
* Mùa lũ kéo dài năm tháng (từ tháng 6 đến tháng 10).
* Sông ngòi Trung Bộ: Thường ngắn và dốc, lũ muộn, do mưa vào thu đông (từ tháng 9 đến tháng 12); lũ lên rất nhanh và đột ngột, nhất là khi gặp mưa và bão, do địa hình hẹp ngang và dốc.
* Sông ngòi Nam Bộ:
* Lượng nước chảy lớn, chế độ nước theo mùa và khá điều hòa, do địa hình tương đối bằng phẳng, khí hậu điều hòa hơn vùng Bắc Bộ, Bắc Trung Bộ,...
* Mùa lũ từ tháng 7 đến tháng 11.

**Câu 2. *Nêu đặc điểm sông ngòi Bắc Bộ, Trung Bộ và Nam Bộ. Giải thích tại sao chế độ nước sông ở ba vùng sông ngòi nước ta lại có sự khác nhau?***

***Gợi ý làm bài***

1. *Đặc điểm sông ngòi Bắc Bộ, Trung Bộ và Nam Bộ*

* Sông ngòi Bắc Bộ:
* Có chế độ nước theo mùa, thất thường.
* Mùa lũ kéo dài năm tháng (từ tháng 6 đến tháng 10), cao nhất vào tháng 8. Lũ tập trung nhanh và kéo dài do có mưa theo mùa, các sông có dạng nan quạt.
* Một số sông nhánh chảy giữa các cánh cung núi, quy tụ về đỉnh tam giác châu sông Hồng.
* Tiêu biểu cho khu vực sông ngòi Bắc Bộ là hệ thống sông Hồng và sông Thái Bình.
* Sông ngòi Trung Bộ:
* Thường ngắn và dốc, phân thành nhiều lưu vực nhỏ độc lập.
* Lũ lên rất nhanh và đột ngột, nhất là khi gặp mưa và bão lớn.
* Mùa lũ tập trung vào các tháng cuối năm từ tháng 9 đến tháng 12.
* Tiêu biểu là hệ thống sông Mã, sông Cả, sông Thu Bồn, sông Đà Rằng.
* Sông ngòi Nam Bộ:
* Lượng nước chảy lớn, chế độ nước theo mùa và khá điều hòa do địa hình tương đối bằng phẳng, khí hậu điều hòa hơn vùng Bắc Bộ, Bắc Trung Bộ,...
* Lòng sông rộng và sâu, ảnh hưởng của thủy triều lớn.
* Có 2 hệ thống sông lớn: hệ thống sông Mê Công, hệ thống sông Đồng Nai.
* Mê Công là hệ thống sông lớn nhất vùng Đông Nam Á (dài 4300 km, chảy qua sáu quốc gia). Sông Mê Công đã mang đến cho đất nước ta những nguồn lợi to lớn, song cũng gây nên những khó khăn không nhỏ vào mùa lũ.

1. *Giải thích*

Chế độ nước của ba vùng sông ngòi lại có sự khác nhau là do:

* Đặc điểm nền địa chất, địa hình lưu vực và hình dạng lãnh thổ ở ba vùng sông ngòi có sự khác nhau.
* Do đặc điểm khí hậu, đặc biệt là chế độ mưa ở ba vùng khác nhau.
* Ngoài ra, còn do tác động của các nhân tố khác như: đặc điểm lưu vực (diện tích, phụ lưu,...), thực vật, hồ, đầm và nhân tố con người.

**Câu 3. *Hãy nêu những thuận lợi và khó khăn do lũ gây ra ở đồng bằng sông Cửu Long.***

***Gợi ý làm bài***

* Thuận lợi:
* Thau chua, rửa mặn đất đồng bằng.
* Bồi đắp phù sa tự nhiên, mở rộng diện tích đồng bằng.
* Du lịch sinh thái trên kênh rạch và rừng ngập mặn.
* Giao thông trên kênh rạch.
* Khó khăn:
* Gây ngập lụt diện rộng và kéo dài.
* Phá hoại nhà cửa, vườn tược, mùa màng.
* Gây ra dịch bệnh do ô nhiễm môi trường.
* Làm chết người, gia súc.

**Câu 4. *Em hãy nêu cách phòng chống lũ lụt ở đồng bằng sông Hồng và đồng bằng sông Cửu Long.***

***Gợi ý làm bài***

|  |  |
| --- | --- |
| **Đồng bằng sông Hồng** | **Đồng hằng sông cửu Long** |
| * Đắp đê lớn chống lụt. * Tiêu lũ theo sông nhánh và ô trũng. * Bơm nước từ đồng ruộng ra sông. | * Đắp đê bao hạn chế lũ nhỏ. * Tiêu lũ ra vùng biển phía tây theo các kênh rạch. * Làm nhà nổi, làng nổi. * Xây dựng làng tại các vùng đất cao, hạn chế tác động của lũ. |

**Câu 5. *Nêu một số việc cần phải làm để sống chung với lũ ở đồng bằng sông Cửu Long lâu dài, bền vững.***

***Gợi ý làm bài***

* Chủ động, sẵn sàng vật tư. phương tiện, lương thực, thực phẩm, thuốc men trước mùa lũ.
* Xây dựng cơ cấu kinh tế và nếp sống phù hợp môi trường sinh thái ngập lũ theo mùa.
* Xây dựng các công trình phân lũ, thoát lũ nhanh.
* Xây dựng khu tập trung dân cư an toàn có kiến trúc phù hợp (nhà nổi, làng nổi).
* Phối hợp hoạt động vơi các nước trong Ủy ban sông Mê Công để dự báo chính xác và sử dụng hợp lí các nguồn lợi sông Mê Công

**Câu 6.** ***Cho biết đoạn sông Mê Công chảy qua nước ta có chung tên là gì, chia làm mấy nhánh, tên của các nhánh đó, đổ ra biển bằng những cửa nào?***

***Gợi ý làm bài***

* Sông Cửu Long.
* 2 nhánh: Tiền Giang và Hậu Giang.
* 9 cửa: Tiểu, Đại, Ba Lai, Hàm Luông, Cổ Chiên, Cung Hầu, Định An, Bắt Sắc, Trần Đề.

**Câu 7. *Dựa vào bảng số liệu sau, hãy cho biết mùa lũ trẽn các lưu vực sông có trùng nhau không và giải thích vì sao có sự khác biệt ấy***

**Mùa lũ trên các lưu vực sông**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tháng** | **1** | **2** | **3** | **4** | **5** | **6** | **7** | **8** | **9** | **10** | **11** | **12** |
| Các sông ở Bắc Bộ |  |  |  |  |  | **+** | **+** | **++** | **+** | **+** |  |  |
| Các sông ở Trung Bộ |  |  |  |  |  |  |  |  | **+** | **+** | **++** | **+** |
| Các sông ở Nam Bộ |  |  |  |  |  |  | **+** | **+** | **+** | **++** | **+** |  |

*(Nguồn: SGK Địa lý 8, NXB Giáo dục, 2014, trang 119)*

*Ghi chú: tháng lũ:+; tháng lũ cao nhất: ++.*

***Gợi ý làm bài***

* Mùa lũ trên các lưu vực sông không trùng nhau:
* Các sông ở Bắc Bộ: mùa lũ từ tháng 6 đến tháng 10, tháng có lũ cao nhất là tháng 8.
* Các sông ở Trung Bộ: mùa lũ từ tháng 9 đến tháng 12, tháng có lũ cao nhất là tháng 11.
* Các sông ở Nam Bộ: mùa lũ từ tháng 7 đến tháng 11, tháng có lũ cao nhất là tháng 10.
* Nguyên nhân là do chế độ mưa trên mỗi lưu vực sông khác nhau

**Câu 8. *Cho bảng số liệu sau:***

**Lượng mưa (mm) và lưu lượng (m3/s) theo các tháng trong năm ở lưu vực sông Hồng**

**(trạm Sơn Tây)**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tháng** | **1** | **2** | **3** | **4** | **5** | **6** | **7** | **8** | **9** | **10** | **11** | **12** |
| Lượng mưa (mm) | 19,5 | 25,6 | 34,5 | 104,2 | 222,0 | 262,8 | 315,7 | 335,2 | 271,9 | 170,1 | 59,9 | 17,8 |
| Lưu lượng (m3/s) | 1318 | 1100 | 914 | 1071 | 1893 | 4692 | 7986 | 9246 | 6690 | 4122 | 2813 | 1746 |

*(Nguồn: SGK Địa lí 8, NXB Giáo dục, 2014)*

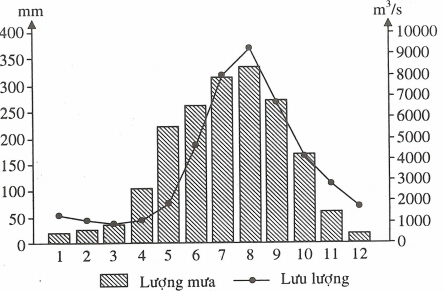
1. ***Vẽ biểu đồ thể hiện chế độ mưa và chế độ dòng chảy trên lưu vực sông Hồng (Trạm Sơn Tây).***
2. ***Xác định mùa mưa và mùa lũ trên lưu vực sông Hồng (Trạm Sơn Tây).***
3. ***Nhận xét về mối quan hệ giữa mùa mưa và mùa lũ trên lưu vực sông Hồng (Trạm Sơn Tây).***

***Gợi ý làm bài***

1. *Vẽ biểu đồ*

**Biều đồ thể hiện chế độ mưa và chế độ dòng chảy**

**trên lưu vực sông Hồng (Trạm Sơn Tây)**



1. *Xác định mùa mưa và mùa lũ trên lưu vực sông Hồng*

* Mùa mưa:
* Giá trị trung bình của lượng mưa tháng ở lưu vực sông Hồng: 153,3 mm.
* Mùa mưa từ tháng 5 đến tháng 10 với tổng lượng mưa các tháng trong mùa là 1577,7 mm (chiếm 85,8% lượng mưa cả năm). Tháng có lượng mưa lớn nhất là tháng 8 (335,2 mm).
* Mùa lũ:
* Giá trị trung bình của lưu lượng dòng chảy tháng là 3632,6 m3/s.
* Mùa lũ từ tháng 6 đến tháng 10. Tháng có lưu lượng nước cao nhất (đỉnh lũ) là tháng 8 (9246 m3/s).

1. *Nhận xét*

Mùa mưa và mùa lũ của lưu vực sông Hồng (trạm Sơn Tây) có quan hệ chặt chẽ với nhau:

* Các tháng mùa lũ trùng hợp với các tháng mùa mưa: tháng 6, 7, 8, 9, 10.
* Tháng của mùa lũ không trùng hợp với các tháng mùa mưa: tháng 5. Như vậy, so với mùa mưa thì mùa lũ chậm hơn một tháng.
* Mùa lũ không hoàn toàn trùng khớp với mùa mưa vì ngoài mưa còn có các nhân tố khác tham gia và làm biến đổi dòng chảy tự nhiên như: độ che phủ rừng, hệ số thấm của đất đá, hình dạng mạng lưới sông và nhất là các hồ chứa nước nhân tạo. Các hồ này đã điều tiết nước sông ngòi theo nhu cầu sử dụng của con người.

**Câu 9. *Cho bảng số liệu sau:***

**Lượng mưa (mm) và lưu lượng (m3/s) theo các tháng trong năm**

**ở lưu vực sông Gianh (Trạm Đồng Tâm)**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tháng** | **1** | **2** | **3** | **4** | **5** | **6** | **7** | **8** | **9** | **10** | **11** | **12** |
| Lượng mưa  (mm) | 50,7 | 34,9 | 47,2 | 66,0 | 104,7 | 170,0 | 136,1 | 209,5 | 530,1 | 582,0 | 231,0 | 67,9 |
| Lưu lượng  (m3/s) | 27,7 | 19,3 | 17,5 | 10,7 | 28,7 | 36,7 | 40,6 | 58,4 | 185,0 | 178,0 | 94,1 | 43,7 |

*(Nguồn: SGK Địa lí 8, NXB Giáo dục, 2014)*

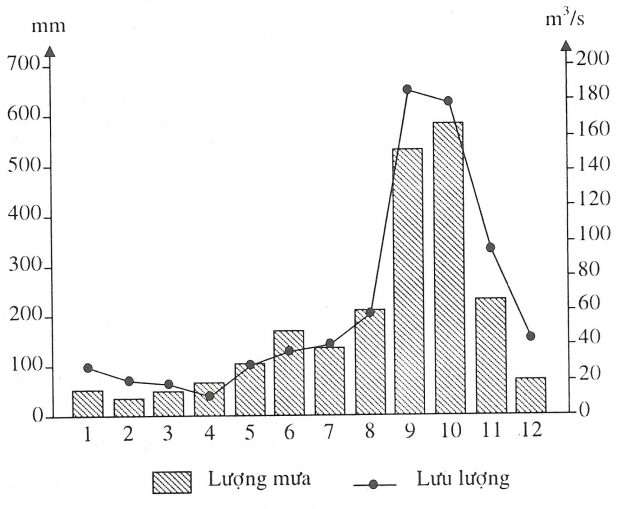
1. ***Vẽ biểu đồ thể hiện chế độ mưa và chế độ dòng chảy trên lưu vực sông Gianh (Trạm Đồng Tâm).***
2. ***Tính thời gian và độ dài (số tháng) của mùa mưa và mùa lũ tại lưu vực sông Gianh theo chỉ tiêu vượt giá trị trung bình tháng.***
3. ***Nhận xét về mối quan hệ giữa mùa mưa và mùa lũ trên lưu vực sông Gianh (Trạm Đồng Tâm)***

***Gợi ý làm bài***

1. *Vẽ biểu đồ*

**Biểu đồ thể hiện chế độ mưa và chế độ dòng chảy**

**trên lưu vực sông Gianh (Trạm Đồng Tâm)**



1. *Xác định mùa mưa và mùa lũ trên lưu vực sông Gianh (Trạm Đồng Tâm)*

* Mùa mưa:
* Giá trị trung bình của lượng mưa tháng ở lưu vực sông Gianh là 185,8 mm.
* Mùa mưa từ tháng 8 đến tháng 11. Tháng có lượng mưa cao nhất là tháng 10 (582,0 mm).
* Mùa lũ:
* Giá trị trung bình của lưu lưựng dòng chảy tháng là 61,7 m3/s.
* Mùa lũ từ tháng 9 đến tháng 11. Tháng có lưu lượng nước cao nhất (đỉnh lũ) là tháng 9 (185 m3/s).

1. *Nhận xét*

* Các tháng mùa lũ trùng hợp với các tháng mùa mưa: tháng 9, 10, 11.
* Tháng của mùa lũ không trùng hợp với các tháng mùa mưa: tháng 8. Như vậy, so với mùa mưa thì mùa lũ chậm hơn một tháng

**BÀI 36.**

**ĐẶC ĐIỂM ĐẤT VIỆT NAM**

**Câu 1.** ***Trình bày đặc điểm chung của đất Việt Nam***

***Gợi ý làm bài***

*a) Đất ở nước ta rất đa dạng, thể hiện rõ tính chất nhiệt đới gió mùa ẩm của thiên nhiên Việt Nam.*

Sự đa dạng của đất là do nhiều nhân tố tạo nên như: đá mẹ, địa hình, khí hậu, nguồn nước, sinh vật và sự tác động của con người.

*b) Nước ta có ba nhóm đất chính*

- Nhóm đất feralit hình thành trực tiếp tại các miền đồi núi thấp, chiếm 65% diện tích đất tự nhiên. Đặc tính của đất là chua, nghèo mùn, nhiều sét. Đất có màu đỏ, vàng do có nhiều hợp chất sắt, nhâm. Các hợp chất này thường tích tụ thành kết von hoặc thành đá ong nằm cách mặt đất khá sâu (0,5 – 1m). Khi đá ong bị mất lớp che phủ và lộ ra ngoài trời sẽ khô cứng lại. Đất xấu đi nhanh chóng và không thể trồng trọt được.

Đất feralit hình thành trên đá badan và đá vôi có màu đỏ thẫm hoặc đỏ vàng có độ phì rất cao, thích hợp với nhiều loại cây công nghiệp.

- Nhóm đất mùn núi cao:

+ Khi lên núi cao, nhiệt độ giảm dần, đất feralit chuyển dần sang các loại đất mùn feralit và đất mún núi cao, hình thành dưới thảm rừng á nhiệt đới hoặc ôn đới vùng núi cao.

+ chiếm khoảng 11% diện tích đất tự nhiên, chủ yếu là rừng đầu nguồn cần được bảo vệ.

- Nhóm đất phù sa song và biển chiếm 24% diện tích đất tự nhiên:

+ Tập trung tại các đồng bằng lớn, nhỏ từ bắc vào nam. Rộng lớn và phì nhiêu nhất là đồng bằng sông Cửu Long và đồng bằng sông Hồng.

+ Độ phì của đất phù sa phụ thuộc vào đặc tính phù sa của các song và chế độ canh tác của con người. Đất phù sa nhìn chung rất phì nhiêu, dễ canh tác và làm thủy lợi. Đất tơi xốp, ít chua, giàu mùn,… thích hợp với nhiều loại cây trồng (lúa, hoa màu, cây ăn quả,…)

+ Nhóm đất này chia thành nhiều loại và phân bố ở nhiều nơi: đất trong đê, đất ngoài đê (hay đất bãi đồi) khu vực sông Hồng; đất phù sa cổ miền Đông Nam Bộ; đất phù sa ngọt dọc sông Tiền, sông Hậu; đất chua, mặn, phèn ở các vùng trũng Tây Nam Bộ,…

**Câu 2. *Trình bày vấn đề sử dụng và cải tạo đất ở Việt Nam***

***Gợi ý làm bài***

- Đất đai là tài nguyên quý giá. Ngày nay, nhiều vùng đất nông nghiệp đã được cải tạo và sử dụng có hiệu quả.

- Tuy nhiên, việc sử dụng đất ở nước ta vẫn còn nhiều điều chưa hợp lí. Tài nguyên đất bị giảm sút, có tới 50% diện tích đất tự nhiên có vấn đề cần phải cải tạo. Riêng đất trống, đồi trọc bị xói mòn mạnh đã tới trên mười triệu hecta.

- Cần phải sử dụng đất hợp lí, chống xói mòn, rửa trôi, bạc màu đất ở miền đồi núi và cải tạo các loại đất chua, mặn, phèn ở miền đồng bằng ven biển.

**Câu 3. *Em hãy so sánh ba nhóm đất chính ở nước ta về đặc tính, sự phân bố và giá trị sử dụng.***

***Gợi ý làm bài***

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Nhóm đất** | **Đặc tính** | **Phân bố** | **Gia trị sử dụng** |
| Đất feralit (chiếm 65% diện tích đất tự nhiên) | Đất chua, nghèo mùn, nhiều sét. Có màu đỏ, vàng do có nhiều hợp chất sắt, nhôm. | Các miền đồi núi thấp (đất feralit trên đá badan ở Tây Nguyên, Đông Nam Bộ; đất feralit trên đá vôi ở Đông Bắc, Tây Bắc, Bắc Trung Bộ,…). | Trồng cây công nghiệp, cây ăn quả,… |
| Đất mùn núi cao (chiếm 11% diện tích đất tự nhiên) | Xốp, nhiều mùn, có màu đen hoặc nâu. | Dưới thảm rừng á nhiệt đới hoặc ôn đới vùng núi cao. | Phát triển lâm nghiệp, trồng rừng phòng hộ đầu nguồn. |
| Đất bồi tự phù sa song và biển (chiếm 24% diện tích đất tự nhiên) | Nhìn chung phì nhiêu, tơi xốp, ít chua, giàu mùn, giữ nước tốt,… | Ở các vùng đồng bằng và ven biển (đất trong đê, đất ngoài đê khu vực sông Hồng; đất phù sa cổ miền Đông Nam Bộ; đất phù sa ngọt dọc sông Tiền, sông Hậu; đất chua, mặn, phèn ở các vùng trũng Tây Nam Bộ,…) | Được sử dụng trong nông nghiệp để trồng lúa, hoa màu, cây công nghiệp hàng năm, cây ăn quả,… |

**Câu 4. *Nêu tình trạng suy thoái tài nguyên đất và các biện pháp bảo vệ đất ở vùng đồi núi và vùng đồng bằng nước ta.***

***Gợi ý làm bài***

*a) Suy thoái tài nguyên đất*

- Trong 5,35 triệu ha đất chưa sử dụng thì ở đồng bằng có khoảng 350 nghìn ha, còn lại 5 triệu ha là đất đồi núi bị thoái hóa nặng (năm 2015).

- diện tích đất đai bị thoái hóa vẫn còn rất lớn. hiện có khoảng 9,3 triệu ha đất bị đe dọa thoái hóa (chiến 28% diện tích đất đai).

*b) Các biện pháp bảo vệ tài nguyên đất*

- Đối với vùng đồi núi:

+ Áp dụng tổng thể các biện pháp thủy lợi, canh tác như: làm ruộng bậc thang, đào hố vẩy cá, trồng cây theo băng.

+ Cải tạo đất hoang, đồi núi trọc bằng các biện pháp nông- lâm kết hợp.

+ Bảo vệ rừng và đất rừng, tổ chức định canh, định cư.

- Đối với vùng đồng bằng:

+ Cần phải có biện pháp quản lí chặt chẽ và có kế hoạch mở rộng diện tích đất nông nghiệp.

+ Thâm canh, nâng cao hiệu quả sử dụng đất, cần canh tác hợp lí, chống bạc màu, glây, nhiễm mặn, nhiễm phèn.

+ Bón phân cải tạo đất thích hợp; chống ô nhiễm do chất độc hóa học, thuốc trừ sâu, nước thải công nghiệp chứa chất độc hại, chất bẩn chứa nhiều vi khuẩn gây bệnh hại cây trồng.

**Câu 5. *Cho bảng số liệu sau:***

**Cơ cấu các nhóm đất chính của nước ta**

*(Đơn vị; %)*

|  |  |
| --- | --- |
| **Nhóm đất** | **Tỉ lệ** |
| Đất feralit đồi núi thấp | 65 |
| Đất mùn núi cao | 11 |
| Đất phù sa | 24 |

*(Nguồn: SGK Địa lý 8, NXB Giáo dục, 2014)*

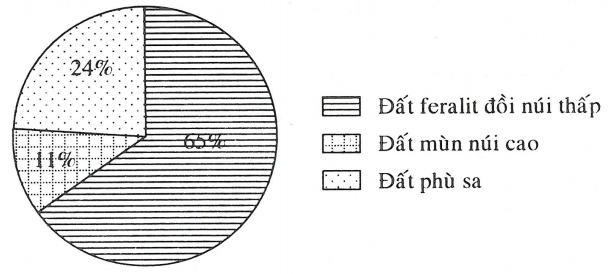
***a) Vẽ biểu đồ thích hợp thể hiện cơ cấu các nhóm đất chính của nước ta.***

***b) Qua biểu đồ, rút ra nhận xét cần thiết và giải thích.***

***Gợi ý làm bài***

*a) Vẽ biểu đồ*

**Biểu đồ thể hiện cơ cấu các nhóm đất chính của nước ta**



*b) Nhận xét và giải thích*

- Do nước ta có diện tích đồi núi lớn (chiếm ¾ diện tích), lại có khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa tạo điều kiện cho quá trình feralit diễn ra mạnh trên vùng đồi núi thấp nên nhóm đất feralit đồi núi thấp chiếm tỉ trọng cao nhất (65%).

- Đồi núi nước ta chủ yếu đồi núi thấp, núi cao chiếm tỉ lệ nhỏ nên đất mùn núi cáo chiếm tỉ trọng thấp nhất trong cơ cấu (11%).

- Đất phù sa chiếm tỉ trọng thứ 2 trong cơ cấu (24%) do nước ta có các đồng bằng châu thổ và đồng bằng ven biển rộng lớn.

**BÀI 37**

**ĐẶC ĐIỂM SINH VẬT VIỆT NAM**

**Câu 1.** ***Em hãy nêu đặc điểm chung của sinh vật Việt Nam.***

***Gợi ý làm bài***

- Sinh vật nước ta rất phong phú và đa dạng. Trước hết là sự đa dạng về thành phần loài, sự đa dạng về gen di truyền, sự đa dạng về kiểu hệ sinh thái và sau nữa là sự đa dạng về công dụng của các sản phẩm sinh học.

- Trên đất liền, hình thành đới rừng nhiệt đới gió mùa và trên Biển Đông hình thành một hệ sinh vật biển nhiệt đới vô cùng giàu có.

- Do tác động của con người, nhiều hệ sinh thái tự nhiên (rừng, biển ven bờ) bị tàn phá, biến đổi và suy giảm về chất lượng và số lượng.

**Câu 2. *Những nguyên nhân cơ bản nào dẫn đến tính đa dạng của sinh vật Việt Nam ?***

***Gợi ý làm bài***

- Môi trường sống thuận lợi: ánh sáng dồi dào, nhiệt độ cao, đủ nước, tầng đất sâu dày, vụn bở,…

- Nhiều luồng sinh vật di cư tới:

+ Thành phần bản địa chiếm khoảng hơn 50% số loài tập trung ở 4 khu vực chính là Hoàng Liên Sơn, Bắc Trung Bộ, Ngọc Linh, Lâm Viên.

+ Các loài di cư chiếm khoảng gần 50%, phân bổ như bảng sau:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Luồng sinh vật** | **Tỉ lệ (%)** | **Phạm vi sống chính** | **Đặc điểm sinh thái** |
| Trung Hoa  Hi-ma-lay-a  Ma-lai-xi-a  Ấn Độ - Mi-an-ma | 10  10  15  14 | Đông Bắc, Bắc Trung Bộ  Tây Bắc, Trường Sơn  Tây Nguyên, Nam Bộ  Tây Bắc, Trung Bộ | Cận nhiệt đới  Ôn đới núi cao  Nhiệt đới, á xích đạo  Cây rụng lá ưa khô |

**Câu 3. *Chứng minh rằng nước ta có sự giàu có về thành phần loài sinh vật và sự đa dạng về hệ sinh thái.***

***Gợi ý làm bài***

*a) Sự giàu có về thành phần loài sinh vật*

- Nước ta có tới 14600 loài thực vật, 11200 loài và phân loài động vật.

- Có 365 loài động vật và 350 loài thực vật thuộc loại quý hiếm được đưa vào “Sách đỏ Việt Nam”.

*b) Sự đa dạng về hệ sinh thái*

Nước ta có nhiều hệ sinh thái khác nhau phân bố khắp mọi miền.

- Vùng đất triều bãi cửa sông, ven biển phát triển hệ sinh thái rừng ngập mặn.

- Vùng đồi núi phát triển hệ sinh thái rừng nhiệt đới gió mùa với nhiều biến thể: rừng kín thường xanh, rừng thưa rụng lá, rừng tre nứa, rừng ôn đới núi cao.

- Các khu bảo tồn thiên nhiên và vườn quốc gia.

- Các hệ sinh thái nông nghiệp ngày càng mở rộng và lấn át các hệ sinh thái tự nhiên.

**Câu 4. *Các vườn quốc gia có giá trị khoa học và kinh tế - xã hội như thế nào ?***

***Gợi ý làm bài***

- Giá trị khoa học:

+ Vườn quốc gia là nơi bảo tồn gen sinh vật tự nhiên.

+ Vườn quốc gia là cơ sở để nhân giống và lai tạo giống mới.

+ Vườn quốc gia là phòng thí nghiệm tự nhiên không gì thay thế được.

- Giá trị kinh tế - xã hội:

+ Phát triển du lịch sinh thái, nâng cao đời sống nhân dân địa phương (tạo việc làm, tang thu nhập, phục hồi nghề truyền thống, các lễ hội tốt đẹp ở địa phương).

+ Tạo môi trường sống tốt cho xã hội (chữa bệnh, phát triển thể chất, rèn luyện thân thể,…)

+ Xây dựng ý thức tôn trọng và bảo vệ thiên nhiên.

**Câu 5. *Nêu ý nghĩa của việc bảo vệ và phát triển vốn rừng ở nước ta***

***Gợi ý làm bài***

- Bảo vệ nguồn lợi rừng.

- Bảo vệ môi trường:

+ Bảo vệ các loài động thực vật quý hiếm, bảo vệ nguồn gen, bảo vệ nơi sống của động vật hoang dã.

+ Chống xói mòn đất; điều hòa dòng chảy sông ngòi, chống lũ lụt và khô hạn.

+ Đảm bảo cân bằng nước và cân bằng sinh thái lãnh thổ.

- Đối với sự phát triển kinh tế- xã hội:

+ Tạo cơ sở để phát triển ngành khai thác rừng, tạo nguồn nguyên liệu cho các ngành công nghiệp; tạo nguồn sống cho đồng bào các dân tộc miền núi.

+ Bảo vệ các hồ thủy điện, hồ thủy lợi; bảo vệ an toàn cho nhân dân cả ở vùng núi, trung du và vùng hạ du.

**BÀI 38.**

**BẢO VỆ TÀI NGUYÊN SINH VẬT VIỆT NAM**

**Câu 1.** ***Nêu giá trị của tài nguyên sinh vật nước ta***

***Gợi ý làm bài***

- Tài nguyên thực vật nước ta có nhiều giá trị to lớn.

+ Nhóm cây cho gỗ bên đẹo và rắn chắc: đinh, lim, sến, táu, lát hoa, cẩm lai, gụ,…

+ Nhóm cây cho tinh dầu, nhựa, ta-nanh và chất nhuộm: hồi, màng tang, hoàng đàn, sơn, thông, dầu, tram, củ nâu, dành dành,…

+ Nhóm cây thuốc: tam thất, xuyên khung, ngũ gia bì, nhân trần, ngải cứu, quế, hồi, thảo quả,…

+ Nhóm cây thực phẩm: nấm hương, mộc nhĩ, măng, tram, hạt dẻ, củ mài,…

+ Nhóm cây làm nguyên liệu sản xuất thủ công nghiệp: song, mây, tre, trúc, nứa, giang,…

+ Nhóm cây cảnh và hoa: si, sanh, đào, vạn tuế…, các loại hoa: hồng, cúc, phong lan,…

- Các loài động vật cũng có giá trị rất lớn. Động vật cho ta nhiều sản phẩm để làm thức ăn, làm thuốc và làm đẹp cho con người.

**Câu 2. *Tại sao cần phải bảo vệ tài nguyên rừng ở nước ta ?***

***Gợi ý làm bài***

Cần phải bảo vệ tài nguyên rừng ở nước ta vì:

- Rừng có vai trò to lớn về mặt kinh tế, sinh thái.

- rừng nguyên sinh ở Việt Nam hiện còn rất ít, phổ biến là kiểu rừng thưa mọc lại pha tạp hoặc trảng cỏ khô cằn. Có tới mười triệu ha đất trống đồi trọc di bị mất rừng.

- Tỉ lệ che phủ rừng rất thất, hiện nay chỉ đạt 35 – 38% diện tích đất tự nhiên.

- Chất lượng rừng giảm sút. Những loài cây to, gỗ tốt như: đinh, lim, sến, táu, lát hoa, sao, trắc, mun, gụ, giáng hương,…đã cạn kiệt.

**Câu 3. *Tại sao nguồn lợi hải sản ở nước ta bị giảm sút rõ rệt?***

***Gợi ý làm bài***

Nguồn lợi hải sản nước ta bị giảm sút rõ rệt là do:

- Việc đánh bắt quá mức, nhất là đánh bắt gần bờ.

- Sử dụng các phương tiện đánh bắt có tính chất hủy diệt nguồn lợi hải sản (thuốc nổ, hóa chất độc, điện,…).

- Tình trạng ô nhiễm môi trường nước, nhất là vùng của sông, ven biển.

**Câu 4. *Tại sao nguồn lợi hải sản ở nước ta bị giảm sút rõ rệt?***

***Gợi ý làm bài***

Phải đặt vấn đề bảo vệ tài nguyên động vật ở nước ta, bởi vì:

- Nhiều loài động trên cạn bị tuyệt chủng hoặc đứng trước nguy cơ tuyệt chủng do con người săn bắt và do nạn phá rừng bừa bãi, đã làm mất đi nhiều nguồn gen động vật quý hiếm.

- Nguồn lợi hải sản cũng bị giảm sút đáng kể.

**Câu 5. *Trình bày sự suy giảm tài nguyên rừng và hiện trạng rừng cùng với các biện pháp bảo vệ tài nguyên rừng ở nước ta.***

***Gợi ý làm bài***

*a) Suy giảm tài nguyên rừng và hiện trạng rừng*

- Ngày nay rừng nguyên sinh ở Việt Nam còn rất ít, phổ biến là các kiểu rừng thưa mọc lại pha tạp hoặc trảng cỏ khô cằn.

- Có tới mười triệu ha đất trống đồi trọc do bị mất rừng.

- Tỉ lệ che phủ rừng rất thấp, hiện nay chỉ đạt 35 – 38% diện tích đất tự nhiên.

- Chất lượng rừng giảm sút. Nhiều loài cây to, gỗ tốt như: đinh, lim, sến, táu, lát hoa, sao, trắc, mun, gụ, giáng hương,…đã cạn kiệt.

*b) Biện pháp bảo vệ tài nguyên rừng*

- Phấn đấu nâng độ che phủ rừng lên 45 – 50%, vùng núi dốc phải đạt 70 – 80%.

- Thực hiện những quy định về nguyên tắc quản lí, sử dụng và phát triển đối với 3 loại rừng: rừng phòng hộ, rừng đặc dụng, rừng sản xuất.

+ Đối với rừng phòng hộ: có kế hoạch, biện pháp bảo vệ, nuôi dưỡng rừng hiện có, trồng rừng trên đất trống, đồi trọc.

+ Đối với rừng đặc dụng: bảo vệ cảnh quan, đa dạng về sinh vật của các vườn quốc gia và các khu bảo tồn thiên nhiên.

+ Đối với rừng sản xuất: đảm bảo duy trì phát triển diện tích và chất lượng rừng, duy trì và phát triển hoàn cảnh rừng, độ phì và chất lượng đất rừng.

- Triển khai luật bảo vệ và phát triển rừng. Nhà nước đã tiến hành giao quyền sử dụng đất và bảo vệ rừng cho người dân.

**Câu 6.** ***Nêu một số nguyên nhân làm suy giảm tài nguyên rừng nước ta.***

***Gợi ý làm bài***

- Chiến tranh hủy diệt.

- Cháy rừng.

- Chặt phá, khai thác quá sức tái sinh của rừng.

**Câu 7. *Trình bày những biểu hiện suy giảm và các biện pháp bảo vệ đa dạng sinh học ở nước ta.***

***Gợi ý làm bài***

- Những biểu hiện suy giảm: suy giảm về số lượng loài, các hệ sinh thái và nguồn gen quý hiếm.

- Biện pháp bảo vệ:

+ Xây dựng và mở rộng hệ thống vườn quốc gia, các khu bảo tồn thiên nhiên.

+ Ban hành Sách đỏ Việt Nam nhằm bảo vệ nguồn gen động, thực vật quý hiếm khỏi nguy cơ tuyệt chúng.

+ Quy định trong việc khai thác để sử dụng lâu dài các nguồn lợi sinh vật của đất nước.

**Câu 8. *Cho bảng số liệu sau:***

**Diện tích rừng của Việt Nam qua các năm**

*(Đơn vị: triệu ha)*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Năm** | **1943** | **1983** | **2005** | **2011** |
| Tổng diện tích rừng | 14,3 | 7,2 | 12,7 | 13,5 |

***a) Biết diện tích phần đất liền và hải đảo của cả nước khoảng 33,1 triệu ha, hãy tính độ che phủ rừng nước ta (%) trong các năm nói trên.***

***b) Vẽ biểu đồ thể hiện độ che phủ rừng của nước ta giai đoạn 1943 – 2011.***

***c) Dựa vào bảng số liệu, hãy nhận xét về sự thay đổi diện tích thời kì 1943 – 2011. Nêu hậu quả của việc suy giảm tài nguyên rừng và các biện pháp bảo vệ rừng nước ta.***

***Gợi ý làm bài***

*a) Tính tỉ lệ độ che phủ rừng*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Độ che phủ rừng (%) = | Diện tích rừng | x 100 |
| Diện tích đất tự nhiên |

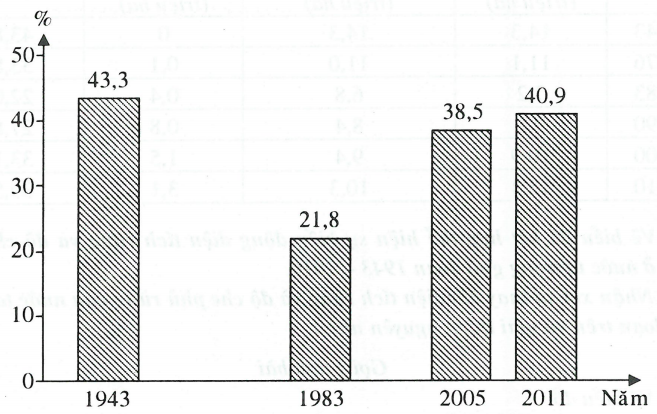
**Độ che phủ rừng của Việt nam qua các năm**

*(Đơn vị; %)*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Năm** | **1943** | **1983** | **2005** | **2011** |
| Tổng diện tích rừng | 43,3 | 21,8 | 38,5 | 40,9 |

*b) Vẽ biểu đồ*

**Biểu đồ thể hiện độ che phủ rừng của nước ta giai đoạn 1943 – 2011**



*c) Nhận xét, hậu quả của việc suy giảm tài nguyên và các biện pháp bảo vệ rừng nước ta*

*\* Nhận xét*

- Từ năm 1943 đến năm 2011, diện tích rừng nước ta giảm *(dẫn chứng).*

- Hướng thay đổi khác nhau giữa các giai đoạn:

+ Từ năm 1943 đến năm 1983, diện tích rừng Việt Nam giảm, từ 14,3 triệu ha xuống còn 7,2 triệu ha, giảm 7,1 triệu ha do chiến tranh tàn phá và do khai thác bừa bãi.

+ Từ năm 1983 đến năm 2011, diện tích rừng Việt Nam ngày càng tăng, từ 7,2 triệu ha (năm 1983) lên 13,5 triệu ha (năm 2011), tăng 6,3 triệu ha do đẩy mạnh công tác bảo vệ và trồng mưới rừng.

*\* Hậu quả của việc suy giảm tài nguyên rừng*

- Làm cho hệ sinh thái rừng bị phá hoại, thiên tai ngày càng khắc nghiệt (lũ lụt, hạn hán,…).

- Làm suy giảm các nguồn lợi kinh tế (tài nguyên sinh vật, đất đai, các cảnh quan thiên nhiên có giá trị du lịch,…).

*\* Biện pháp bảo vệ rừng:* khai thác, sử dụng đất hợp lí đi đôi với bảo vệ và phát triển vốn rừng,…

**Câu 9. *Cho bảng số liệu sau:***

**Biến đổi diện tích rừng và độ che phủ rừng ở nước ta, giai đoạn 1943 – 2010**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Năm** | **Tổng diện tích có rừng**  *(triệu ha)* | **Diện tích rừng tự nhiên**  *(triệu ha)* | **Diện tích rừng trồng**  *(triệu ha)* | **Độ che phủ**  *(%)* |
| 1943 | 14,3 | 14,3 | 0 | 43,8 |
| 1976 | 11,1 | 11,0 | 0,1 | 33,8 |
| 1983 | 7,2 | 6,8 | 0,4 | 22,0 |
| 1990 | 9,2 | 8,4 | 0,8 | 27,8 |
| 2000 | 10,9 | 9,4 | 1,5 | 33,1 |
| 2010 | 13,4 | 10,3 | 3,1 | 39,5 |

***a) Vẽ biểu đồ kết hợp thể hiện sự biến động diện tích rừng và độ che phủ rừng ở nước ta trong giai đoạn 1943 – 2010.***

***b) Nhận xét sự thay đổi diện tích rừng và độ che phủ rừng của nước ta trong giai đoạn trên và giải thích nguyên nhân.***

***Gợi ý làm bài***

*a) Vẽ biểu đồ*

**Biểu đồ thể hiện sự biến động diện tích rừng và độ che phủ rừng ở nước ta trong giai đoạn 1943 - 2010**



*b) Nhận xét và giải thích*

- Tổng diện tích rừng của nước ta có nhiều biến đổi do sự biến đổi của diện tích rừng tự nhiên và diện tích rừng trồng.

- Sự biến đổi tổng diện tích rừng làm cho độ che phủ rừng của nước ta cũng có sự biến đổi tương ứng.

- Năm 1943, diện tích rừng nước ta hoàn toàn là rừng tự nhiên, chưa có rừng trồng.

- từ năm 1943 đến năm 1983, diện tích rừng trồng tang 0,4 triệu ha, diện tích rừng tự nhiên giảm 7,5 triệu ha nên tổng diện tích rừng của nước ta trong giai đoạn nay giảm 7,1 triệu ha (từ 14,3 triệu ha năm 1943 xuống cón 7,2 triệu ha năm 1983), trung bình mỗi năm mất đi 0,18 triệu ha rừng. Tổng diện tích có rừng giảm làm cho độ che phủ rừng cũng giảm theo và giảm đi 21,8%.

*Nguyên nhân:* Do khai thác quá mức, đốt rừng làm rẫy, chiến tranh, cháy rừng.

- Từ 1983 đến năm 2010, diện tích rừng trồng tang 2,7 triệu ha, diện tích rừng tự nhiên ngày càng được phục hổi, tang 3,5 triệu ha. Vì vậy tổng diện tích rừng của nước ta trong giai đoạn này tang 6,2 triệu ha, khiến cho độ che phủ rừng của nước ta cũng tăng 17,5%.

*Nguyên nhân:* do chính sách bảo vệ rừng và đẩu mạnh việc trồng rừng,

- Sự biến động diện tích rừng tự nhiên và diện tích rừng trồng chứng tỏ chất dượng rừng của nước ta giảm.

**BÀI 39.**

**ĐẶC ĐIỂM CHUNG CỦA TỰ NHIÊN VIỆT NAM**

**Câu 1.** ***Tại sao nói Việt Nam là một nước nhiệt đới gió mùa ẩm?***

***Gợi ý làm bài***

- Biểu hiện rõ nhất của tính chất này là môi trường khí hậu nóng ẩm, mưa nhiều.

- Bên cạnh đó, tự nhiên Việt Nam có nơi, có mùa lại bị khô hạn, lạnh giá với những mức độ khác nhau.

**Câu 2. *Tại sao nói Việt Nam là một nước ven biển?***

***Gợi ý làm bài***

- Nước ta có vùng Biển Đông rộng lớn, bao bọc phí đông và phí nam phần đất liền.

- Biển Đông có ảnh hưởng toàn bộ đến thiên nhiên nước ta.

**Câu 3. *Tại sao nói Việt Nam là xứ sở của cảnh quan đồi núi?***

***Gợi ý làm bài***

- Cảnh quan đồi núi chiếm ưu thế rõ rệt trong cảnh quan chung của thiên nhiên nước ta.

- Cảnh quan vùng núi thay đổi theo quy luật đai cao.

**Câu 4. *Sự phức tạp, đa dạng của tự nhiên nước ta được thể hiện rõ ở đâu?***

***Gợi ý làm bài***

- Thể hiện trong lịch sử phát triển lâu dài của lãnh thổ.

- Thể hiện trong từng thành phần tự nhiên với nhiều loại đất, đá, khí hậu, sinh vật,…

**Câu 5. *Trình bày đặc điểm chung của tự nhiên Việt Nam.***

***Gợi ý làm bài***

- Việt Nam là một nước nhiệt đới gió mùa ẩm:

+ Tính chất này biểu hiện trong mọi thành phần của cảnh quan thiên nhiên nước ta nhưng tập trung nhất là môi trường khí hậu nóng ẩm, mưa nhiều.

+ Tự nhiên có nơi, có mùa lại bị khô hạn, lạnh giá với những mức độ khác nhau.

- Chịu ảnh hưởng sâu sác của biển:

+ Nước ta có vùng Biển Đông rộng lớn, bao bọc phía đông và phí nam phần đất liền nước ta. Biển Đông có ảnh hưởng tới toàn bộ thiên nhiên nước ta.

+ Sự tương tác của đất liền và biển đã tang cường tính chất nóng ẩm, gió mùa của thiên nhiên nước ta.

- Việt Nam là đất nước nhiều đồi núi:

+ Cảnh quan đồi núi chiếm ưu thế trong cảnh quan chung của thiên nhiên nước ta.

+ Cảnh quan vùng núi thay đổi nhanh chóng theo quy luật đai cao.

- Thiên nhiên nước ta phân hóa, đa dạng, phức tạp:

+ Biểu hiện rõ trong lịch sử phát triển lâu dài của lãnh thổ và trong từng thành phần tự nhiên.

+ Biểu hiện qua sự phân hóa cảnh quan thiên nhiên thành các vùng, miền.

**Câu 6.** ***Tính chất nhiệt đới gió mùa ẩm ảnh hưởng đến sản xuất và đời sống như thế nào?***

***Gợi ý làm bài***

Khí hậu nhiệt đới gió mùa Việt Nam có ảnh hưởng rất lớn đến sản xuất nông, lâm nghiệp. Điều kiện nóng ẩm cho phép cây trồng phát triển quanh năm, có thể cấy cày và xen canh để tận dụng ánh sáng dồi dào, có thể kết hợp nông lâm theo hình thức VAC hay VACR (Vườn – ao – chuồng – rừng). Song do chế độ mưa theo mùa nên cùng bố trí mùa vụ hợp lí. Thời gian có mưa và sự phân bố lượng mưa chi phối sự bố trí mùa vụ và lựa chọn các loại cây trồng trên các địa phương nước ta.

**Câu 7. *Em hãy cho biết: ở Việt Nam, miền núi có những thuận lợi, khó khăn gì trong phát triển kinh tế - xã hội ?***

***Gợi ý làm bài***

- Thuận lợi:

+ Đất đai rộng lớn.

+ Tài nguyên đa dạng (khoáng sản, gỗ, đồng cỏ, thủy điện).

- Khó khăn:

+ Địa hình chia cắt mạnh: núi cao, sông sâu, vực thẳm.

+ Khí hậu, thời tiết khắc nghiệt.

+ Đường sá khó xây dựng, bảo dưỡng.

+ Dân cư ít và phân tán.

**Câu 8. *Những nguyên nhân nào dẫn tới tính phân hóa, đa dạng của thiên nhiên Việt Nam? Cho ví dụ.***

***Gợi ý làm bài***

- Nguyên nhân:

+ Vị trí địa lí.

+ Lịch sử phát triển lâu dài phức tạp.

+ Nơi gặp gỡ và tác động của nhiều hệ thống tự nhiên.

- Ví dụ:

+ Khác biệt Đông – Tây:

 Tây Bắc ấm hơn Đông Bắc do dải Hoàng Liên Sơn che chắn tác động của gió mùa Đông Bắc.

 Đông và Tây Trường Sơn có thời tiết khác biệt do tác động của gió phơn Tây Nam và gió mùa Đông Bắc.

+ Khác biệt thấp – cao: miền núi, đồng bằng có khác biệt về địa hình, khí hâu, thổ dưỡng, sinh vật rất rõ nét.

+ Khác biệt Bắc – Nam:

 Miền Bắc có mùa đông lạnh, trồng được rau màu á nhiệt đới.

 Miền Nam nóng quanh năm, mùa khô kéo dài và sâu sắc.

**Câu 9. *Em hãy cho biết, sự phân hóa đa dạng của cảnh quan thiên nhiên tạo ra những thuận lợi và khó khăn cho việc phát triển kinh tế - xã hội ở nước ta?***

***Gợi ý làm bài***

- Thiên nhiên nước ta đa dạng, tươi đẹp, hấp dẫn là tài nguyên phát triển du lịch sinh thái.

- Tài nguyên thiên nhiên đa dạng là một nguồn lược để phát triển kinh tế toàn diện. Nền nông nghiệp nhiệt đới đa canh, thâm canh và chuyên canh (lúa, cây công nghiệp, cây ăn quả, thủy sản, hải sản). Nền công nghiệp tiên tiến hiện đại nhiều nghành (nhiên liệu, năng lượng, khai khoáng, luyện kim, chế biến nông sản).

- Việt Nam là vùng có nhiều thiên tai. Môi trường sinh thái dễ bị biến đổi, mất cân bằng. Nhiều tài nguyên có nguy cơ bị cạn kiệt và hủy hoại (rừng cây, đất đai, động vật quý hiếm,…)

**Câu 10. *Nêu biểu hiện của thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa qua các thành phần địa hình, sông ngòi ở nước ta.***

***Gợi ý làm bài***

*a) Địa hình*

- Xâm thực mạnh ở miền đồi núi.

+ Trên các sườn dốc mất lớp phủ thực vật, bề mặt địa hình bị cắt xẻ, đất bị xói mòn, rửa trôi, nhiều nơi trơ sỏi đá.

+ Biểu hiện của địa hình xâm thực mạnh còn là những hiện tượng đất trượt, đá lở. Ở vùng thềm phù sa cổ bị chia cắt thành các đồi núi thấp xen thung lũng rộng.

- Bồi tự nhanh ở đồng bằng hạ lưu sông. Hệ quả của quá trình xâm thực, bào mòn mạnh bề mặt địa hình ở miền đồi núi là sự bồi tụ mở mang nhanh chóng các đồng bằng hạ lưu sông. Rìa phía đông nam đồng bằng châu thổ sông Hồng và phía tây nam đồng bằng châu thổ sông Cửu Long hằng năm lấn ra biển từ vài chục đến gần trăm mét.

*b) Sông ngòi*

- Mạng lưới sông ngòi dày đặc: chỉ tính những con sông có chiều dài trên 10 km thì nước ta đã có tới 2360 sông. Dọc bờ biển, trung bình cứ 20 km lại gặp một cửa sông. Sông ngòi nước ta nhiều, nhưng phần lớn là sông nhỏ.

- Sông ngòi nhiều nước , giàu phù sa.

+ Sông ngòi nước ta có lượng nước lớn, tổng lượng nước là 839 tỉ m3/ năm (trong đó 60% lượng nước là từ phần lưu vực nằm ngoài lãnh thổ).

+ Tổng lượng phù sa hằng năm của sông ngòi trên lãnh thổ nước ta là khoảng 200 triệu tấn.

- Chế độ nước theo mùa.

+ Nhịp điệu dòng chảy sông ngòi nước ta theo sát nhịp điệu mưa. Mùa lũ tương ứng với mùa mưa, mùa cạn tương ứng với mùa khô.

+ Chế độ mưa thất thường làm cho chế độ dòng chảy sông ngòi diễn biến thất thường.

**Câu 11. *Thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa biểu hiện qua các thành phần đất, sinh vật và cảnh quan thiên nhiên như thế nào ?***

***Gợi ý làm bài***

*a) Đất*

- Quá trình feralit là quá trình hình thành đất đặc trưng cho vùng khí hậu nhiệt đới ẩm. Trong điều kiện nhiệt ẩm cao, quá trình phong hóa diễn ra với cường độ mạnh, tạo nên lớp đất dày. Mưa nhiều rửa trôi các chất badơ dễ tan (Ca2+, Mg2+, K+ ), làm đất chua, đồng thời có sự tích tụ ôxit sắt (Fe2O3) và ôxit nhôm (Al2O3) tạo ra màu đỏ vàng. Vì thế loại đất này được gọi là đất feralit (Fe – Al) đỏ vàng.

- Đất feralit là loại đất chính ở vùng đồi núi nước ta và dễ bị suy thoái.

*b) Sinh vật*

- Hệ sinh thái rừng nguyên sinh đặc trưng cho khí hậu nóng ẩm là rừng rậm nhiệt đới ẩm lá rộng thường xanh. Hiện nay, rừng nguyên sinh còn lại rất ít, phổ biến là rừng thứ sinh với các hệ sinh thái rừng nhiệt đới gió mùa biến dạng khác nhau, từ rừng gió mùa thường xanh, rừng gió mùa nửa rụng lá, rừng thưa khô rụng lá tới xavan, bụi gai hạn nhiệt đới.

- Trong giới sinh vậy, thành phần các loài nhiệt đới chiếm ưu thế.

+ Thực vật phổ biến là các loài thuộc các họ cây nhiệt đới như: họ Đậu, Vang, Dâu tằm, Dầu.

+ Động vật trong rừng là các chim thú nhiệt đới, nhiều nhất là công, trĩ, gà, lôi, vẹt, khỉ, vượn, nai, hoẵng,… Ngoài ra, các loài bò sát, ếch nhái, côn trùng cũng rất phong phú.

- Hệ sinh thái rừng nhiệt đới ẩm gió mùa phát triển trên đất feralit là các cảnh quan tiêu biểu cho thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa nước ta.

**Câu 12. *Hãy nêu ảnh hưởng của thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa đến sản xuất và đời sống.***

***Gợi ý làm bài***

Thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa ảnh hưởng đến nhiều mặt hoạt động sản xuất và đời sống, trực tiếp nhất và rõ nhất là hoạt động sản xuất nông nghiệp.

*a) Ảnh hưởng đến sản xuất nông nghiệp*

- Nền nhiệt ẩm, khí hậu phân mùa tạo điều kiện phát triển nền nông nghiệp lúa nước, tăng vụ, đa dạng hóa cây trồng, vật nuôi. Cần tận dụng mặt thuận lợi này để không ngừng nâng cao năng suất cây trồng và nhanh chóng phục hổi lớp phủ thực vật trên đất trồng bằng mô hình nông – lâm kết hợp.

- Tính thất thường của các yếu tố thời tiết và khí hậu gây khó khăn cho hoạt động canh tác, cơ cấu cây trồng, kế hoạc thời vụ, phòng chống thiên tai, phòng ngừa dịch bệnh…trong sản xuất nông nghiệp.

*b) Ảnh hưởng đến các hoạt động sản xuất khác và đời sống*

- Thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa tạo điều kiện thuận lợi cho phép nước ta phét triển các ngành kinh tế như: Lâm nghiệp, thủy sản, giao thông vận tải, du lịch …và đẩy mạnh hoạt động khai thác, xây dựng…nhất là vào mùa khô.

- Tuy nhiên, các khó khăn, trở ngại cũng không ít:

+ Các hoạt động giao thông vận tải, du lịch, công nghiệp khai thác…chịu ảnh hưởng trực tiếp của sự phân mùa khí hậu, chế độ nước của sông ngòi.

+ Độ ẩm cao gây khó khăn cho việc bảo quản máy móc, thiết bị, nông sản.

+ Các thiên tai như: mưa bão, lũ lụt, hạn hán hằng năm gây tổn thất rất lớn cho mọi ngành sản xuất, thiệt hại về nười và tài sản.

+ Các hiện tượng thời tiết thất thường như: dông, lốc, mưa đá, sương muối, rét hại, khô nóng…cũng ảnh hưởng rất lớn đến sản xuất và đời sống.

+ Môi trường thiên nhiên dễ bị suy thoái.

**Câu 13. *Cho biết nguyên nhân chủ yếu làm cho thiên nhiên nước ta phân hóa theo chiều Bắc – Nam.***

***Gợi ý làm bài***

Nguyên nhân chủ yếu làm cho thiên nhiên nước ta phân hóa theo chiều Bắc – Nam là do vị trí, hình dáng lãnh thổ dẫn đến sự phân hóa về khí hậu và các yếu tố tự nhiên khác.

**Câu 14.** ***Trình bày đặc điểm thiên nhiên nổi bật của phần lãnh thổ phía Bắc và phần lãnh thổ phí Nam nước ta.***

***Gợi ý làm bài***

*a) Phần lãnh thổ phía Bắc ( từ dãy Bạch Mã trở ra)*

Thiên nhiên đặc trưng cho vùng khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa có mùa đông lạnh.

- Nền khí hậu nhiệt đới thể hiện ở nhiệt độ trung bình năm trên 20C. Khí hậu trong năm có mùa đông lạnh với 2 – 3 tháng nhiệt độ trung bình < 18C, thể hiện rõ nhất ở trung du miền núi Bắc Bộ và đồng bằng Bắc Bộ. Biên độ nhiệt trung bình năm lớn.

- Cảnh quan thiên nhiên tiêu biểu là đới rừng nhiệt đới gió mùa.

+ Trong rừng, thành phần loài nhiệt đới chiếm ưu thế, ngoài ra còn có các loài cây á nhiệt đới ( dẻ, re,…), các loài cây ôn đới (sa mu, pơ mu), các loài thú long dày (gấu, chồn…).

+ Ở vùng đồng bằng, vào mùa đông trồng được cả rau ôn đới.

*b) Phần lãnh thổ phía Nam (từ dãy Bạch Mã trở vào)*

Thiên nhiên mang sắc thái của vùng khí hậu cận xích đạo gió mùa.

- Nền nhiệt độ thiên về khí hậu xích đạo, quanh năm nóng, nhiệt độ trung bình năm trên 25C và không tháng nào dưới 20C. Biên độ nhiệt độ trung bình năm nhỏ. Khí hậu gió mùa thể hiện ở sự phân chia thành hai mùa mưa và khô, đặc biệt rõ từ vĩ độ 14B trở vào.

- Cảnh quan thiên nhiên tiêu biểu là đới rừng cận xích đạo gió mùa.

+ Thành phần thực vật, động vật phần lớn thuộc vùng xích đạo và nhiệt đới từ phương Nam (nguồn gốc Mã Lai – In-đô-nê-xi-a) đi lên hoặc từ phía tây (Ấn Độ - Mi-an-ma) di cư sang.

+ Trong rừng xuất hiện nhiều loại cây chịu hạn, rụng lá vào mùa khô như các loài cây thuộc họ Dầu. Có nơi hình thành loại rừng thưa nhiệt đới khô, nhiều nhất ở Tây Nguyên. Động vật tiêu biểu là các loài thú lớn vùng nhiệt đới và xích đạo (voi, hổ, báo, bò rừng…). Vùng đầm lầy có trăn, rắn, cá sấu,…

**Câu 15. *Trình bày sự phân hóa thien nhiên theo Đông – Tây ở nước ta.***

***Gợi ý làm bài***

Từ Đông sang Tây, từ biển vào đất liền, thiên nhiên nước ta có sự phân hóa thành 3 dải rõ rệt:

*a) Vùng biển và vùng thềm lục địa*

- Vùng biển nước ta lớn gần gấp 3 lần diện tích đất lienf.

- Độ nông – sâu, rông – hẹp của thềm lục địa có quan hệ chặt chẽ với vùng đồng bằng, vùng đồi núi kệ bên và có sự thay đổi theo từng đoạn bờ biển.

- Thiên nhiên vùng biển nước ta đa dạng và giàu có.

*b) Vùng đồng bằng ven biển:* thiên nhiên thay đổi tùy nơi, thể hiện mối quan hệ chặt chẽ với dải đổi phía tây và vùng biển phía đông.

- Đồng bằng Bắc Bộ và đồng bằng Nam Bộ mở rộng với các bãi triều thấp phẳng, thềm lục địa rộng, nông; phong cảnh thiên nhiên trù phú, xanh tươi, thay đổi theo mùa.

- Dải đồng bằng ven biển Trung Bộ hẹp ngang, bị chia cắt thành những đồng bằng nhỏ, đường bờ biển khúc khuỷu, thềm lục địa thu hẹp, tiếp giáp vùng biển sâu; các dạng địa hình bồi tụ, mài mòn xen kẽ nhau, các cồn cát, đầm phá khá phổ biến; thiên nhiên khắc nghiệt, đất đai kém màu mỡ nhưng giàu tiềm năng du lịch và kinh tế biển.

*c) Vùng đồi núi:* sự phân hóa thiên nhiên theo Đông – Tây ở vùng đồi núi rất phức tạp, chủ yếu do tác động của gió mùa với hướng của các dãy núi.

- Trong khi thiên nhiên vùng núi Đông Bắc mang sắc thái cận nhiệt đới gió mùa thì vùng núi thấp phía nam Tây Bắc lại có cảnh quan thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa và ở vùng cao Tây Bắc, cảnh quan thiên nhiên giống như vùng ôn đới.

- Khi sườn Đông Trường Sơn có mưa vào thu đông, thì ở vùng Tây Nguyên lại là mùa khô, nhiều nơi khô hạn gay gắt, xuất hiện cảnh quan rừng thưa. Còn khi Tây Nguyên vào mùa mưa thì bên sườn Đông Trường Sơn nhiều nơi lại chịu tác động của gió Tây khô nóng.

**Câu 16. *Trình bày đặc điểm cơ bản của thiên nhiên đai nhiệt đới gió mùa, đai cận nhiệt đới gió mùa trên núi và đai ôn đới gió mùa trên núi. Nguyên nhân nào tạo nên sự phân hóa thiên nhiên theo độ cao ?***

***Gợi ý làm bài***

*a) Đặc điểm cơ bản của thiên nhiên đai nhiệt đớis gió mùa, đai cận nhiệt đới gió mùa trên núi và đai ôn đới gió mùa trên núi*

*\* Đai nhiệt đới gió mùa*

- Độ cao trong bình: Ở miền Bắc, dưới 600m – 700m; ở miền Nam , đến 900 – 1000m.

- Khí hậu nhiệt đới biểu hiện rõ rệt, mùa hạ nóng (nhiệt độ trung bình tháng trên 25C). Độ ẩm thay đổi tùy nơi: từ khô đến ẩm ướt.

- Có hai nhóm đất:

+ Nhóm đất phù sa chiến gần 24% diện tích đất tự nhiên cả nước, bao gồm: đất phù sa ngọt, đất phèn, đất mặn, đất cát…

+ Nhóm đất feralit vùng đồi núi thấp chiến hơn 60% diện tích đất tự nhiên cả nước, phần lớn là đất feralit đỏ vàng, đất feralit nâu đỏ phát triển trên đá mẹ badan và đá vôi.

- Sinh vật gồm các hệ sinh thái nhiệt đới:

+ Hệ sinh thái rừng nhiệt đới ẩm lá rộng thường xanh hình thành ở những vùng núi thấp mưa nhiều, khí hậu ẩm ướt, mùa khô không rõ. Rừng có cấu trúc nhiều tầng với 3 tầng cây gỗ, có cây cao tới 30 – 40m, phần lớn là các loài cây nhiệt đới xanh quanh năm. Giới động vật nhiệt đới trong rừng đa dạng và phong phú.

+ Các hệ sinh thái rừng nhiệt đới gió mùa: rừng thường xanh, rừng nửa rụng lá và rừng thưa nhiệt đới khô. Trên các loại thổ nhưỡng đặc biệt có: các hệ sinh thái rừng thường xanh trên đá vôi; rung ngập mặn trên đất mặn ven biển; rừng tràm trên đất phèn; hệ sinh thái xavan, cây bụi gai nhiệt đới khô trên đất cát, đất thoái hóa vùng khô hạn

*\* Đai cận nhiệt đới gió mùa trên núi*

- Ở miền Bắc, đai cận nhiệt đới gió mùa trên núi có độ cao từ 600 – 700m lên đến 2600m, ở miền Nam từ 900 – 1000m lên đến 2600m.

- Khí hậu mát mẻ, không có tháng nào nhiệt độ trên 25C, mưa nhiều hơn, độ ẩm tăng.

- Đất và sinh vật:

+ Ở độ cao 600 – 700m đến 1600 – 1700m, khí hậu mát mẻ và độ ẩm tăng, tạo điều kiện hình thành các hệ sinh thái rừng cận nhiệt đới lá rộng và lá kim phát triển trên đất feralit có mùn. Trong rừng xuất hiện các loài chim, thú cận nhiệt đới phương Bắc. Các loài thú có lông dày như gấu, sóc, cầy, cáo.

+ Ở độ cao trên 1600 – 1700m hình thành đất mùn. Rừng kém phát triển, đơn giản về thành phần loài; rêu, địa y phủ kín thân cây, cành cây. Trong rừng, đã xuất hiện các loài cây ôn đới và các loài chim di cư thuộc hệ Hi-ma-lay-a.

*\* Đai ôn đới gió mùa trên núi*

- Có độ cao từ 2600m trở lên (chỉ có ở Hoàng Liên Sơn).

- Khí hậu có tính chất khí hậu ôn đới, quanh năm nhiệt độ dưới 15C, mùa đông xuống dưới 5C.

- Có loài thực vật ôn đới như: đỗ quyên, lãnh sam, thiết sam.

- Đất ở đây chủ yếu là đất mùn thô.

*b) Nguyên nhân của sự phân hóa theo độ cao:* do nước ta là đất nước nhiều đồi núi, địa hình có sự phân bậc, khí hậu và các yếu tố tự nhiên thay đổi theo độ cao địa hình.

**Câu 17. *Cho bảng số liệu sau:***

**Nhiệt độ và lượng mưa trung bình tháng (mm) của ba trạm khí tượng Hoàng Liên Sơn, Mộc Châu, Thanh Hóa**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  | **Hoàng Liên Sơn**  *2170 m* | | **Mộc Châu**  *958 m* | | **Thanh Hóa**  *5 m* | |
| Tháng | Nhiệt độ (C) | Lượng mưa (mm) | Nhiệt độ (C) | Lượng mưa (mm) | Nhiệt độ (C) | Lượng mưa (mm) |
| 1 | 7,1 | 64 | 11,8 | 15 | 17,4 | 25 |
| 2 | 8,9 | 72 | 13,3 | 21 | 17,8 | 32 |
| 3 | 12,4 | 82 | 16,8 | 34 | 19,2 | 44 |
| 4 | 14,4 | 220 | 20,2 | 99 | 23,5 | 59 |
| 5 | 15,7 | 417 | 22,5 | 166 | 27,1 | 172 |
| 6 | 16,4 | 565 | 23,0 | 221 | 28,9 | 174 |
| 7 | 16,4 | 680 | 23,1 | 166 | 28,9 | 216 |
| 8 | 16,4 | 632 | 22,4 | 331 | 28,3 | 270 |
| 9 | 15,3 | 418 | 21,2 | 257 | 26,9 | 396 |
| 10 | 13,1 | 236 | 18,9 | 106 | 24,5 | 250 |
| 11 | 9,7 | 101 | 15,7 | 32 | 21,8 | 79 |
| 12 | 7,5 | 66 | 12,8 | 12 | 18,5 | 29 |
| Năm | 12,8 | 3553 | 18,5 | 1560 | 23,6 | 1746 |

*(Nguồn; SGK Địa lí 8, NXB Giáo dục, 2014)*

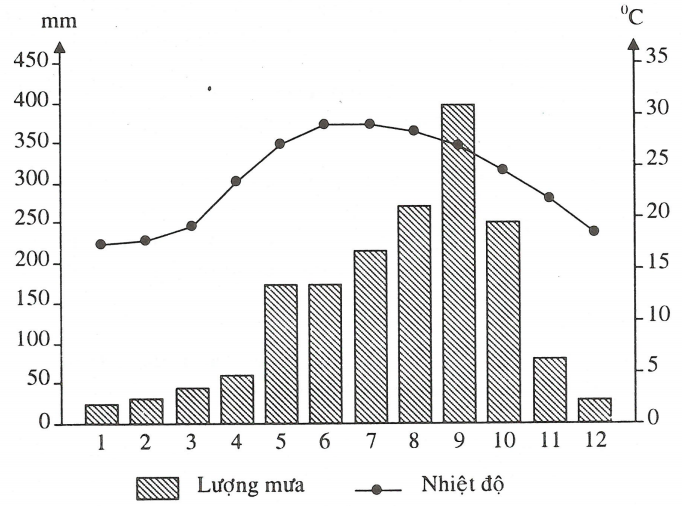
***a) Vẽ biểu đồ kết hợp (cột và đường) thể hiện lượng mưa và nhiệt độ của trạm Thanh Hóa.***

***b) Dựa vào bảng số liệu trên, nhận xét về chế độ nhiệt độ và chế dộ mưa của ba trạm trên.***

***Gợi ý làm bài***

*a) Vẽ biểu đồ*

**Biểu đồ thể hiện lượng mưa và nhiệt độ của trạm Thanh Hóa**



*b) Nhận xét*

*\* Hoàng Liên Sơn*

- Chế độ nhiệt:

+ Nhiệt độ trung bình năm thấp 12,8C.

+ Tháng có nhiệt độ cao nhất là tháng 6, 7, 8 (16,4C), tháng có nhiệt độ thấp nhất là tháng 1 (7,1C).

+ Biên độ nhiệt năm là 9,3C.

- Chế độ mưa:

+ Tổng lượng mưa trung bình năm cao nhất đạt 3553 mm.

+ Mùa mưa kéo dài 7 tháng (từ tháng 4 đến tháng 10), tổng lượng mưa trong các tháng này đạt 3168 mm (chiếm 89,2% lượng mưa cả năm). Tháng có lượng mưa cao nhất là tháng 7 (680 mm).

+ Mùa khô từ tháng 11 đến tháng 3 năm sau.

*\* Mộc Châu*

- Chế độ nhiệt:

+ Nhiệt độ trung bình năm cao 23,6C, có 4 tháng nhiệt độ dưới 20C.

+ Tháng có nhiệt độ cao nhất là tháng 6, 7 (28,9C), tháng có nhiệt độ thấp nhất là tháng 1 (17,4C).

+ Biên độ nhiệt trung bình năm cao 11,5C

- Chế độ mưa:

+ Tổng lượng mưa trung bình năm là 1746 mm.

+ Mùa mưa từ tháng 5 đến tháng 10, tháng có lượng mưa cao nhất là tháng 9 (396 mm). Mùa khô từ tháng 11 đến tháng 4 năm sau.

**BÀI 41.**

**MIỀN BẮC VÀ ĐÔNG BẮC BẮC BỘ**

**Câu 1.** ***Giải thích vì sao miền Bắc và Đông Bắc Bộ có mùa đông lạnh nhất cả nước ?***

***Gợi ý làm bài***

- Vị trí tiếp giáp khu vực ngoại chí tuyến.

- Núi thấp, hướng vòng cung mở rộng về phía Bắc và đông Bắc.

- Nhiều đợt gió mùa đông bắc tran về (trên 20 đợt), ít bị biến tính.

**Câu 2. *Trình bày đặt điểm tự nhiên miền Bắc và Đông Bắc Bộ.***

***Gợi ý làm bài***

- Bao gồm đồi núi tả ngạn sông Hồng và khu đồng bằng Bắc Bộ.

- Tính chất nhiệt đới bị giảm sút mạnh mẽ, mùa đông lạnh nhất cả nước.

+ Mùa đông lạnh giá, mưa phùn, gió bấc, lượng mưa nhỏ là nét nổi bật của thiên nhiên ở đây. Mỗi năm có trên 20 đợt gió mùa cực đới tràn về. Mùa đông đến sớm và kết thức muộn. Nhiệt độ thấp nhất có thể xuống sưới 0C ở miền núi và dưới 5C ở đồng bằng.

+ Mùa hạ nóng ẩm và mưa nhiều. Đặc biệt tiết mưa ngâu và giữa hạ (tháng 8) mang lại lượng mưa lớn cho khu vực đồng bằng sông Hồng.

- Địa hình phần lớn là đồi núi thấp với nhiều cánh cung núi mở rộng về phía bắc và quy tụ ở Tam Đảo.

+ Địa hình rất đa dạng, đặc biệt địa hình cacxtơ đá vôi có ở nhiều nơi.

+ Miền núi có các đồng nhỏ (Cao Bằng, Lạng Sơn, Tuyên Quang,…\_

+ Cao nhất miền là khu vực nên cổ thượng nguồn sông Chảy với nhiều ngọn núi cao trên 2000m (Tây Côn Lĩnh, Kiều Liêu Ti) và tạo thành những sơn nguyên hiểm trở như Đồng Văn, Hà Giang.

+ Địa hình đồi núi thấp và đồng bằng mở rộng, tạo điều kiện cho hệ thống sông ngòi phát triển và tỏa rộng khắp miền. Sông ngòi có hướng tây bắc – đông nam và hướng vòng cung.

+ Các sông thường có thung lũng rộng, độ dốc nhỏ, hàm lượng phù sa tương đối lớn, hai mùa luc và cạn rất rõ rệt.

- Tài nguyên phong phú, đa dạng, nhiều cảnh quan đẹp nổi tiếng và đang được khai thác mạnh mẽ.

+ Là miền giàu khoáng sản nhất so với cả nước, nổi bật là than đó, apatit, quặng sắt, quặng thiết và vonfram, thủy ngân; đá vôi, đất sét,…có ở nhiều nơi.

+ Các nguồn năng lượng như: thủy điện, khí đốt và than bùn đã và đang được khai thác.

+ Miền Bắc và Đông Bắc Biij nổi tiếng với nhiều cảnh quan đẹp như: Vịnh Hạ Long, bãi biển Trà Cổ, núi Mẫn Sơn, hồ Ba Bể, các Vườn quốc gia Cúc Phương, Tam Đảo, Bà Vì,…

- Khó khăn, trở ngại: bão lụt, hạn hán, giá rét,…

**Câu 3. *Em hãy cho biết: để phòng chống lũ lụt ở đồng bằng sông Hồng, nhân dân ta đã làm gì? Việc làm đó đã làm biến đổi địa hình ở đây như thế nào ?***

***Gợi ý làm bài***

- Các việc làm để phòng chống lũ lụt ở đồng bằng sông Hồng:

+ Đắp đê dọc hai bên bờ các sông.

+ Phân lũ vào các sông nhánh (qua sông Đáy), các vùng trũng đã được chuẩn bị trước.

+ Xây dựng các hồ chứa nước ở thượng lưu sông (hồ Hòa Bình, hồ Thác Bà,…).

+ Trồng rừng ở đầu nguồn nước.

+ Nạo vét lòng sông.

- Việc đắp đê lớn dọc các bờ sông ở đồng bằng Bắc Bộ đã phân chia đồng bằng thành nhiều ô trũng, thấp hơn mặt đê và mặt nước sông mùa lũ rất nhiều.

**Câu 4. *Giải thích tại sao tính chất nhiệt đới của miền Bắc và Đông Bắc Bắc Bộ bị giảm sút mạnh mẽ?***

***Gợi ý làm bài***

- Miền chịu ảnh hưởng trực tiếp của nhiều đợt gió mùa đông bắc lạnh từ phía bắc và trung tâm châu Á tràn xuống.

- Miền ở vị trí tiếp giáp với vùng ngoại chí tuyến, á nhiệt đới Hoa Nam.

- Miền không có địa hình che chắn. Các dãy núi ở đây mở rộng về phía Bắc, tạo điều kiện cho các luồng gió đông bắc lạnh dễ dàng lấn sâu vào Bắc Bộ.

**Câu 5. *Địa hình vùng núi Đông Bắc Bộ ảnh hưởng đến khí hậu của vùng như thế nào?***

***Gợi ý làm bài***

- Hướng vòng cung của các cánh cung vùng Đông Bắc tạo điều kiện cho gió mùa Đông Bắc xâm nhập sâu vào lãnh thổ nước ta và làm cho Đông Bắc có mùa đông đến sớm và kết thúc muộn, nhiều tháng nhiệt độ xuống thấp.

- Khí hậu có sự phân hóa theo dộ cao địa hình (trung bình cứ lên cao 100 m, nhiệt độ giảm 0,6C). Do địa hình núi thấp chiếm phần lớn diện tích của vùng nên chỉ hình thành các vành đai nhiệt đới gió mùa và cận nhiệt đới trên núi.

**Câu 6.** ***Cho bảng số liệu sau:***

**Nhiệt độ và lượng mưa ba trạm khí tượng Hà Giang, Lạng Sơn, Hà Nội.**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  | **Hà Giang**  *Vĩ độ: 22*49’B  *Kinh độ: 10459’ Đ*  *Cao: 118 m* | | **Lạng Sơn**  *Vĩ độ: 21*50’ B  Kinh độ: 10846’ Đ  *Cao: 259 m* | | **Hà Nội**  *Vĩ độ: 21*01’B  Kinh độ: 10548’ Đ  *Cao: 5 m* | |
| **Tháng** | **Nhiệt độ (**C) | **Mưa**  **(mm)** | **Nhiệt độ (**C) | **Mưa**  **(mm)** | **Nhiệt độ (**C) | **Mưa**  **(mm)** |
| 1 | 15,5 | 30 | 13,7 | 21 | 16,4 | 18,6 |
| 2 | 16,6 | 41 | 14,5 | 43 | 17,0 | 26,2 |
| 3 | 20,2 | 50 | 18,0 | 60 | 20,1 | 43,8 |
| 4 | 23,6 | 122 | 22,0 | 88 | 23,7 | 90,1 |
| 5 | 26,4 | 267 | 25,6 | 163 | 27,3 | 188,5 |
| 6 | 27,3 | 416 | 26,9 | 200 | 28,8 | 239,9 |
| 7 | 27,3 | 477 | 27,0 | 266 | 28,9 | 288,2 |
| 8 | 27,1 | 428 | 26,6 | 251 | 28,2 | 318 |
| 9 | 26,3 | 429 | 25,3 | 174 | 27,2 | 265,4 |
| 10 | 23,6 | 142 | 22,2 | 74 | 24,6 | 130,7 |
| 11 | 19,9 | 109 | 18,5 | 34 | 21,4 | 43,4 |
| 12 | 16,6 | 31 | 14,8 | 26 | 18,2 | 23,2 |

*(Nguồn: SGK Địa lí 8, NXB Giáo dục, 2014)*

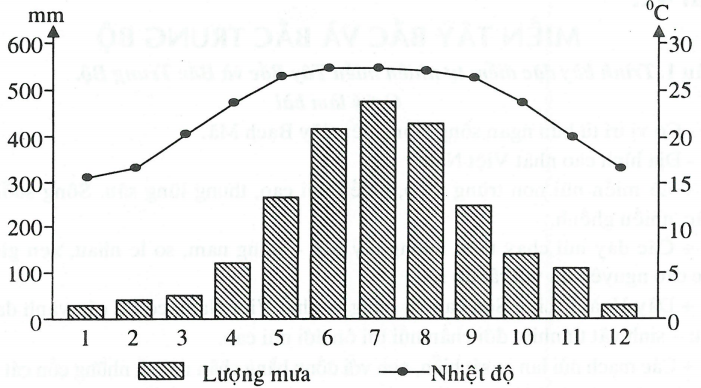
***a) Biểu đồ kết hợp (cột và đường) thể hiện lượng mưa và nhiệt độ ba trạm khi tượng Hà Giang, Lạng Sơn, Hà Nội.***

***b) Tính nhiệt độ trung bình năm và tổng lượng mưa năm của các trạm.***

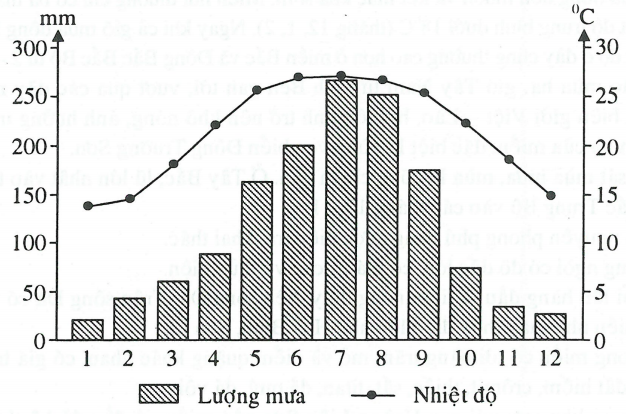
***Gợi ý làm bài***

*a) Vẽ biểu đồ*

**Biểu đồ thể hiện lượng mưa và nhiệt độ trạm khí tượng Hà Giang**



**Biểu đồ thể hiện lượng mưa và nhiệt độ trạm khí tượng Lạng Sơn**



Tương tự như thế, vẽ trạm khí tượng Hà Nội.

*b) Nhiệt độ trung bình năm và tổng lượng mưa năm của các trạm*

- Trạm Hà Giang: nhiệt độ trung bình năm là 22,5C; tổng lượng mưa năm của trạm là 2362 mm.

- Trạm Lạng Sơn: nhiệt độ trung bình năm là 21,3C; tổng lượng mưa năm của trạm là 1400 mm.

- Trạm Hà Nội: nhiệt độ trung bình năm là 23,5C; tổng lượng mưa năm của trạm là 1676 mm.

**BÀI 42.**

**MIỀN TÂY BẮC VÀ BẮC TRUNG BỘ**

**Câu 1.** ***Trình bày đặc điểm tự nhiên miền Tây Bắc và Bắc Trung Bộ.***

***Gợi ý làm bài***

- Có vị trí từ hữu ngạn sông Hồng đến dãy Bạch Mã.

- Đạ hình cao nhất Việt Nam.

+ Là miền núi non trùng điệp, nhiều núi cao, thung lũng sâu. Sông suối lắm thác, nhiều ghềnh.

+ Các dãy núi chạy theo hướng tây bắc – đông nam, so le nhau, xen giữa là các cao nguyên đá vôi rất đồ sộ.

+ Dãy Hoàng Liên Sơn cao và hung vĩ nhất Việt Nam, có đủ các vành đai khí hậu – sinh vật nhiệt đới chân núi tới ôn đới núi cao.

+ Các mạch núi lan ra sát biển, xen với đồng bằng chân núi và những cồn cát trắng tạo cho vùng duyên hải Trung Bộ nước ta những cảnh quan rất đẹp và đa dạng.

- Khí hậu đặc biệt do tác động của địa hình.

+ Mùa đông đến muộn và kết thúc khá sớm. Miền núi thường chỉ có ba tháng lạnh với nhiệt độ tring bình dưới 18℃ (tháng 12, 1, 2). Ngay khi cả gió mùa đông bắc tràn tới nhiệt độ ở đây cũng thường cao hơn ở miền Bắc và Đông Bắc Bộ từ 2℃ - 3℃.

+ Vào mùa hạ, gió Tây Nam từ vịnh Ben-gan tới, vượt qua các dãy núi phía tây trên biên giới Việt – Lào, bị biến tính trở nên khô nóng, ảnh hưởng mạnh tới chế độ mưa của miền, đặc biệt là vùng ven biển Đông Trường Sơn.

+ Theo sát mùa mưa, mùa lũ cũng chậm dần. Ở Tây Bắc, lũ lớn nhất vào tháng 7, còn ở Bắc Trung bộ vào các tháng 10, 11.

- Tài nguyên phong phú đang được điều tra, khai thác.

+ Sông ngòi có độ dốc lớn. có giá trị cao về thủy điện.

+ Nổi lên hàng đầu là tiềm năng thủy điện sông Đà. Trên sông Đà có thể xây dựng nhiều nhà máy thủy điện lớn như Hòa Bình, Sơn La.

+ Trong miền có tới hàng tram mỏ và điểm quặng khác nhau, có giá trị lớn là các mỏ đất hiếm, crômit, thiếc, sắt, titan, đá quý, đá vôi.

+ Do có khu vực núi cao Hoàng Liên Sơn nên miền có đầy đủ hệ thống các vành đai thực vật ở Việt Nam, từ rừng nhiệt đới chân núi đến rừng ôn đới núi cao. Trong các khu rừng Trường Sơn còn bảo tồn được nhiều loài sinh vật quý hiếm.

+ Tài nguyên biển to lớn và đa dạng. Có nhiều bãi biển đẹp: Sầm Sơn (Thanh Hóa), Cửa Lò (Nghệ An), Thiên Cầm (Hà Tĩnh), Lăng Cô (Thừa Thiên – Huế),…

**Câu 2. *Nêu vấn đề bảo vệ môi trường và phòng chống thiên tai ở miền Tây Bắc và Bắc Trung Bộ.***

***Gợi ý làm bài***

- Khôi phục và phát triển diện tích rừng trong miền, đặc biệt tại các vùng núi cao đầu nguồn như: Hoàng Liên Sơn, Trường Sơn,…Bảo vệ và nuôi dưỡng các hệ sinh tháu ven biển, đầm phá và cửa sông.

- Đây là miền thường có nhiều về thiên tai. Tại các vùng núi, thiên tai là sương muối, giá rét, lũ quét. Tại vùng duyên hải là bão lụt, hạn hán, gió Tây khô nóng,…Do vậy phải luôn sẵn sang và chủ động phòng chống thiên tai.

**Câu 3. *So sánh đặc điểm tự nhiên miền Bắc và Đông Bắc Bộ với miền Tây Bắc và Bắc Trung Bộ.***

***Gợi ý làm bài***

|  |  |
| --- | --- |
| **Miền Bắc và Đông Bắc Bộ** | **Miền Tây Bắc và Bắc Trung Bộ** |
| - Tân kiến tạo nâng lên yếu.  - Núi thấp hướng vòng cung.  - Trung du và đồng bằng rộng.  - Khí hậu lạnh chủ yếu do có nhiều đợt gió mùa Đông Bắc tràn về và ít bị biến tính.  - Mùa đông đến sớm, kéo dài, nhiều mưa phùn..  - Mưa mùa hạ.  - Nhiều sinh vật ưa lạnh từ Hoa Nam tràn xuống. | - Tân kiến tạo nâng lên mạnh.  - Núi cao hướng tây bắc – dông nam.  - Đồng bằng nhỏ.  - Khí hậu lạnh chủ yếu do núi cao, tác động của các đợt gió mùa Đông Bắc tràn về đã giảm nhiều.  - Mùa đông đến muộn, kết thúc sớm.  - Mùa hạ khô nóng, mùa mưa chuyển dần sang thu đông, có nhiều đai cao thổ dưỡng.  - Sinh vật: nhiều sinh vật núi cao và ưa khô hạn từ Hi-ma-lay-a, Ấn Độ, Mi-an-ma sang. |

**Câu 4. *Dựa vào Atlat Địa lí Việt Nam và kiến thức đã học, hãy chứng minh rằng miền Tây Bắc và Bắc Trung Bộ có địa hình cao nhất nước ta.***

***Gợi ý làm bài***

- Các đỉnh núi cao nhất nước ta đều tập trung tại miền Tây Bắc và Bắc Trung Bộ. Ví dụ Phan-xi-păng 3143 m, Pu Si Lùn 3076 m, Phu Luông 2985 m, Phu Xai Lai Leng 2711 m, Rào Cỏ (2235 m),…

- Ở miền Bắc và Đông Bắc Bắc Bộ cao nhất là đỉnh Tây Côn Lĩnh 2431 m, còn cao nhất ở miền Nam Trung Bộ và Nam Bộ là Ngọc Linh 2598 m.

**Câu 5. *Nêu giá trị tổng hợp của hồ Hòa Bình.***

***Gợi ý làm bài***

- Hồ Hòa Bình được khởi công xây dựng ngày 6 – 11 – 1979 và hoàn thành (toàn bộ công trình thủy điện Hòa Bình) năm 1994. Hằng năm, công trình thủy điện Hòa Bình sản xuất được 8,16 tỉ KWh cung ứng cho cả nước.

- Hồ Hòa Bình chứa được 9,5 tỉ m3 nước, tạo nên khả năng điều tiết nước cho hệ thống sông Hồng, sông Thái Bình như tăng cường lượng nước vào mùa khô, giảm đỉnh lũ cực đại vào mùa lũ, có tác động tích cực tới công tác thủy lợi vùng đồng bằng sông Hồng. Đặc biệt bảo đảm an toàn về mùa lũ cho Hà Nội và các tỉnh đồng bằng Bắc Bộ.

- Hồ Hòa Bình với chiều dài 230 km và rộng trung bình 1 km, độ sâu trung bình 80 m tạo điều kiện cho giao thông thủy trên thượng lưu đập, là nơi thuận tiện cho nghề nuôi trồng thủy sản và du lịch. Ngoài ra còn tăng cường độ ẩm không khí vùng Tây Bắc vào mùa khô hanh.

**BÀI 43.**

**Câu 1.** ***Nêu vị trí địa lí, phạm vi lãnh thổ và một số đặc điểm nổi bật về địa lí tự nhiên của miền Nam Trung Bộ và Nam Bộ.***

***Gợi ý làm bài***

- Vị trí: từ dãy Bạch Mã đến Cà Mau, Bao gồm Tây Nguyên, duyên hải Nam Trung Bộ và đồng bằng Nam Bộ.

- Khí hậu nhiệt đới gió mùa nóng quanh năm, có mùa khô sâu sắc.

- Có khu vực núi và cao nguyên Trường Sơn Nam hung vĩ, đồng bằng Nam Bộ rộng lớn.

- Có tài nguyên thiên nhiên phong phú:

+ Đất đai, khí hậu thuận lợi cho cây trồng phát triển.

+ Tài nguyên rừng rất phong phú, nhiều kiểu loại sinh thái, chiếm 60% diện tích cả nước.

+ Tài nguyên biển rất đa dạng và có giá trị lớn (biển có nhiều tiềm năng thủy hải sản, dầu mỏ, nhiều bãi biển đẹp. có giá trị về giao thông vận tải).

**Câu 2. *Nêu đặc điểm khí hậu của miền Nam Trung Bộ và Nam Bộ.***

***Gợi ý làm bài***

- Từ dãy núi Bạch Mã (16° vĩ Bắc) trở vào Nam:

+ Nhiệt độ trung bình năm đã tăng cao, vượt 25℃ ở đồng bằng và trên 21℃ ở vùng núi.

+ Biên độ nhiệt năm thấp, dao động trong khoảng từ 3℃ đến 7℃.

- Chế độ mưa ở miền Nam Trung Bộ và Nam Bộ không đồng nhất:

+ Khu vực duyên hải Nam Trung Bộ có mùa khô kéo dài, nhiều nơi bị hạn gay gắt, mùa mưa đến muộn và tập trung trong thời gian ngắn (các tháng 10, 11).

+ Khu vực Nam Bộ và Tây Nguyên mùa mưa kéo dài 6 tháng, từ tháng 5 đến tháng 10, chiếm 80% lượng mưa cả năm. Mùa khô thường bị thiếu nước nghiêm trọng.

**Câu 3. *Vì sao miền Nam Trung Bộ và Nam Bộ có chế độ nhiệt ít biến động và không có mùa đông lạnh giá như hai miền phái bắc ?***

***Gợi ý làm bài***

Do tác động của gió mùa Đông Bắc đã giảm sút mạnh mẽ. Gió Tín phong Đông Bắc khô nóng và gió mùa Tây Nam nóng ẩm đóng vai trò chủ yếu.

**Câu 4. *Em hãy cho biết: vì sao mùa khô ở miền Nam diễn ra gay gắt hơn so với hai miền phía Bắc?***

***Gợi ý làm bài***

Do mùa khô ở miền Nam thời tiết nắng nóng, ít mưa, độ ẩm nhỏ, khả năng bốc hơi rất lớn vượt xa lượng mưa.

**Câu 5. *Chứng minh khí hậu miền Nam Trung Bộ và Nam Bộ mang tính chất nhiệt đới gió mùa điển hình.***

***Gợi ý làm bài***

- Nhiệt độ trung bình năm cao (25℃ - 27℃), tổng lượng nhiệt lớn hơn 9000℃.

- Mùa khô nóng, kéo dài 6 tháng. Mưa ít và bốc hơi mạnh dễ gây hạn hán và cháy rừng.

- Biên độ năm nhỏ từ 3℃ - 7℃.

- Ảnh hưởng của gió mùa Đông Bắc rất yếu và chỉ thể hiện trên phạm vi hẹp (khu vực duyên hải Nam Trung Bộ) gây ra lượng mưa lớn vào thu đông.

**Câu 6.** ***Nêu đặc điểm các khu vực địa hình miền Nam Trung Bộ và Nam Bộ.***

***Gợi ý làm bài***

- Khu vực núi và cao nguyên Trường Sơn Nam rộng lớn, hung vĩ với các cao nguyên xếp tầng phủ badan.

- Khu vực đồng bằng chân núi – ven biển Nam Trung Bộ nhỏ hẹp, nhiều đầm phá, vũng, vịnh.

- Khu vực đồng bằng Nam Bộ rộng lớn, chiếm tới hơn một nửa diện tích đất phù sa của cả nước.

**Câu 7. *Chứng minh rằng miền Nam Trung Bộ và Nam Bộ có tài nguyên phong phú và tập trung, dễ khai thác.***

***Gợi ý làm bài***

- Khí hậu, đất đai có nhiều thuận lợi cho sản xuất nông – lâm nghiệp và nuôi thủy sản quy mô lớn.

- Tài nguyên rừng rất phong phú, nhiều khiểu loại sinh thái.

+ Rừng phân bố rộng rãi từ miền núi Trường sơn, Tây Nguyên tới các đồng bằng ven biển.

+ Diện tích rừng ở đây chiếm gần 60% diện tích rừng cả nước.

+Trong rừng còn nhiều loài sinh vật quý hiếm.

- Tài nguyên biển rất đa dạng và có giá trị to lớn.

+ Bờ biển Nam Trung Bộ có nhiều vũng vịnh nước sâu, kín đáo để lập hải cảng.

+ Thềm lục địa phía nam có trữ lượng dầu khí lớn, khai thác mỗi năm hang chục triệu tấn dầu thô.

+ Trên vùng biển có nhiều đảo yến giàu có, những đảo đá san hô như các đảo thuộc hai quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa,…

**Câu 8. *Em hãy lập bảng so sánh ba miền tự nhiên Việt Nam theo mẫu sau:***

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Yếu tố** | **Miền Bắc**  **và Đông Bắc Bộ** | **Miền Tây Bắc**  **và Bắc Trung Bộ** | **Miền Nam Trung Bộ**  **và Nam Bộ** |
| Địa chất – Địa hình |  |  |  |
| Khí hậu – Thủy văn |  |  |  |
| Đất – Sinh vật |  |  |  |
| Bảo vệ môi trường |  |  |  |

***Gợi ý làm bài***

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Yếu tố** | **Miền Bắc**  **và Đông Bắc Bộ** | **Miền Tây Bắc**  **và Bắc Trung Bộ** | **Miền Nam Trung Bộ**  **và Nam Bộ** |
| Địa chất – Địa hình | - Miền nền cổ, núi thấp, hướng vòng cung là chủ yếu. | - Miền địa máng, núi cao, hướng tây Bắc – đông nam là chủ yếu. | - Miền nền cổ, núi và cao nguyên hình khối, nhiều hướng khác nhau. |
| Khí hậu – Thủy văn | - Lạnh nhất cả nước, có mùa đông kéo dài.  - Sông Hồng, sông Thái Bình, sông Kì Cùng,…mùa lũ từ tháng 6 đến tháng 10. | - Mùa đông lạnh do núi cao và gió mùa Đông Bắc.  - Sông Đà, sông Mã, sông Cả,…mùa lũ (Bắc Trung Bộ) từ tháng 9 đến tháng 12. | - Nóng quanh năm, lạnh do núi cao.  - Sông Mê Công, sông Đồng Nai, sông Vàm Cỏ, mù lũ từ tháng 7 đến tháng 11, kênh rạch nhiều. |
| Đất – Sinh vật | - Đất feralit đỏ vàng, đất đá vôi.  - Rừng nhiệt đới và á nhiệt đới với nhiều loại ưa lạnh á nhệt đới | - Có nhiều vành đai thổ nhưỡng, sinh vaattj từ nhiệt đới tới ôn đới núi cao.  - Nhiều loại ưa khô và lạnh núi cao. | - Nhiều đất đỏ và đất phù sa. Sinh vật nhiệt đới phương Nam.  - Rừng ngập mặn phát triển |
| Bảo vệ môi trường | - Chống rét, hạn, bõa, xói mòn đất, trồng cây, gây rừng. | - Chống bão, lũ, hạn hán, xói mòn đất, gió tây khô nóng, cháy rừng. | - Chống bão, lũ, hạn hán, cháy rừng, chống mặn, phèn.  - Sống chung với lũ. |